BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TOÁN 1

SÁCH GIÁO VIÊN



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ HUY KHOÁI (Tổng Chủ biên)
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG
NGUYỄN MINH HẢI – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

# TOÁN 1

**SÁCH GIÁO VIÊN**

*(Tái bản lần thứ tư)*

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

## QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

| | | |
|---|---|---|
| GV | : | Giáo viên |
| HS | : | Học sinh |
| SGK | : | Sách giáo khoa |
| SGV | : | Sách giáo viên |

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# LỜI NÓI ĐẦU

***Toán 1 – Sách giáo viên*** là tài liệu hướng dẫn giáo viên dạy sách giáo khoa Toán 1, biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Toán 1 là cuốn sách thuộc bộ sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tư tưởng xuyên suốt trong sách giáo khoa cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục của bộ sách thể hiện qua thông điệp **"Kết nối tri thức với cuộc sống"**. Với thông điệp này, các tác giả nhấn mạnh kiến thức trong sách giáo khoa không chỉ cần hiểu và ghi nhớ, mà phải là "chất liệu" quan trọng nhằm đến mục tiêu của giáo dục là giúp học sinh hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà các em cần có trong cuộc sống.

***Toán 1*** – ***Sách giáo viên*** giới thiệu và hướng dẫn giáo viên lựa chọn triển khai phương án dạy học sách giáo khoa Toán 1 để đạt mục tiêu dạy học được quy định trong chương trình. Cuốn sách này gồm hai phần:

**Phần một:** Hướng dẫn chung

Phần này giúp giáo viên nắm vững mục tiêu, yêu cầu cần đạt, phương pháp dạy học, cách đánh giá kết quả học tập của học sinh đối với môn Toán lớp 1.

**Phần hai:** Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Phần này gồm hướng dẫn dạy học từng bài trong sách giáo khoa Toán 1. Mỗi bài hướng dẫn dạy học thường có ba phần: Mục tiêu, Chuẩn bị, Hoạt động dạy học giúp giáo viên nắm vững mục tiêu, những điều giáo viên cần chuẩn bị cho hoạt động dạy học và định hướng việc tổ chức dạy học của từng bài học. Để thuận lợi cho giáo viên khi tổ chức dạy học, đối với những bài gồm nhiều tiết chúng tôi có gợi ý phương án phân chia nội dung cho từng tiết học. Ở mỗi tiết học, chủ yếu phân tích cách tiếp cận ở phần khám phá; mục đích, yêu cầu cần đạt ở phần bài thực hành, luyện tập. Tuỳ điều kiện thực tiễn, giáo viên có thể linh hoạt phân chia nội dung từng tiết học, chủ động tổ chức hoạt động dạy học phù hợp, sáng tạo, không lệ thuộc vào sách giáo khoa và sách giáo viên.

Vì vậy, giáo viên có thể tham khảo sách này và sách giáo khoa Toán 1 để lập kế hoạch dạy học từng bài (soạn bài) và kế hoạch dạy học cả năm cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp mình đảm nhiệm, nhằm đạt mục tiêu dạy học của mỗi bài học và mục tiêu dạy học của môn Toán lớp 1.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, song chắc chắn ***Toán 1 – Sách giáo viên*** khó tránh những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý để cuốn sách được tốt hơn.

# MỤC LỤC


| | Trang |
|---|---|
| **Lời nói đầu** | 3 |
| **Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG** | 6 |
| I. Mục tiêu môn học | 6 |
| II. Giới thiệu sách giáo khoa Toán 1 | 9 |
| III. Phương pháp dạy học Toán 1 | 10 |
| IV. Đánh giá kết quả học tập Toán 1 | 11 |
| V. Một số lưu ý về dạy học sách giáo khoa Toán 1 | 12 |
| **Phần hai. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ** | 16 |
| **Chủ đề 1. Các số từ 0 đến 10** | 16 |
| Tiết học đầu tiên | 16 |
| Bài 1. Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5 (3 tiết) | 17 |
| Bài 2. Các số 6, 7, 8, 9, 10 (3 tiết) | 20 |
| Bài 3. Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau (2 tiết) | 22 |
| Bài 4. So sánh số (4 tiết) | 24 |
| Bài 5. Mấy và mấy (3 tiết) | 26 |
| Bài 6. Luyện tập chung (4 tiết) | 28 |
| **Chủ đề 2. Làm quen với một số hình phẳng** | 32 |
| Bài 7. Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật (2 tiết) | 32 |
| Bài 8. Thực hành lắp ghép, xếp hình (2 tiết) | 34 |
| Bài 9. Luyện tập chung (1 tiết) | 37 |
| **Chủ đề 3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10** | 39 |
| Bài 10. Phép cộng trong phạm vi 10 (6 tiết) | 39 |
| Bài 11. Phép trừ trong phạm vi 10 (6 tiết) | 48 |
| Bài 12. Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 (3 tiết) | 52 |
| Bài 13. Luyện tập chung (3 tiết) | 53 |
| **Chủ đề 4. Làm quen với một số hình khối** | 55 |
| Bài 14. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật (2 tiết) | 55 |
| Bài 15. Vị trí, định hướng trong không gian (2 tiết) | 57 |
| Bài 16. Luyện tập chung (1 tiết) | 59 |


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Chủ đề 5. Ôn tập học kì 1** 61
Bài 17. Ôn tập các số trong phạm vi 10 (2 tiết) 61
Bài 18. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 (2 tiết) 62
Bài 19. Ôn tập hình học (1 tiết) 64
Bài 20. Ôn tập chung (1 tiết) 65
**Chủ đề 6. Các số đến 100** 67
Bài 21. Số có hai chữ số (6 tiết) 67
Bài 22. So sánh số có hai chữ số (3 tiết) 71
Bài 23. Bảng các số từ 1 đến 100 (1 tiết) 74
Bài 24. Luyện tập chung (2 tiết) 76
**Chủ đề 7. Độ dài và đo độ dài** 78
Bài 25. Dài hơn, ngắn hơn (2 tiết) 78
Bài 26. Đơn vị đo độ dài (2 tiết) 80
Bài 27. Thực hành ước lượng và đo độ dài (2 tiết) 82
Bài 28. Luyện tập chung (2 tiết) 85
**Chủ đề 8. Phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100** 87
Bài 29. Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (2 tiết) 87
Bài 30. Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số (2 tiết) 89
Bài 31. Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số (3 tiết) 91
Bài 32. Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số (3 tiết) 93
Bài 33. Luyện tập chung (4 tiết) 96
**Chủ đề 9. Thời gian. Giờ và lịch** 99
Bài 34. Xem giờ đúng trên đồng hồ (2 tiết) 99
Bài 35. Các ngày trong tuần (2 tiết) 102
Bài 36. Thực hành xem lịch và giờ (2 tiết) 104
Bài 37. Luyện tập chung (2 tiết) 107
**Chủ đề 10. Ôn tập cuối năm** 110
Bài 38. Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10 (3 tiết) 110
Bài 39. Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100 (3 tiết) 113
Bài 40. Ôn tập hình học và đo lường (2 tiết) 115
Bài 41. Ôn tập chung (1 tiết) 118

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT

# HƯỚNG DẪN CHUNG

## I MỤC TIÊU MÔN HỌC

### 1. Mục tiêu chung

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán giúp HS đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

a) Hình thành và phát triển năng lực toán học bao gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

b) Góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học được quy định tại Chương trình tổng thể.

c) Có kiến thức, kĩ năng toán học phổ thông, cơ bản, thiết yếu; phát triển khả năng giải quyết vấn đề có tính tích hợp liên môn giữa môn Toán và các môn học khác như Vật lí, Hoá học, Sinh học, Địa lí, Tin học, Công nghệ, Lịch sử, Nghệ thuật,... tạo cơ hội để HS được trải nghiệm, áp dụng toán học vào thực tiễn.

d) Có hiểu biết tương đối tổng quát về sự hữu ích của toán học đối với từng ngành nghề liên quan để làm cơ sở định hướng nghề nghiệp, cũng như có đủ năng lực tối thiểu để tự tìm hiểu những vấn đề liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

### 2. Mục tiêu môn Toán cấp Tiểu học

Môn Toán cấp Tiểu học nhằm giúp HS đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

a) *Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học*. Trong đó, HS sẽ cần đạt được những yêu cầu cụ thể như thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để

biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

b) *Cung cấp cho HS những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu.* Trong đó, kiến thức và kĩ năng toán học sẽ được chia thành ba mạch xuyên suốt qua tất cả các cấp học: Số và phép tính (Đại số và Giải tích ở cấp cao hơn); Hình học và Đo lường; Thống kê và Xác suất. Các nội dung được đề cập đến trong môn Toán ở cấp Tiểu học bao gồm:

– Số và phép tính: Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó.

– Hình học và Đo lường: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn một cách trực quan; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường bằng cách sử dụng các đại lượng đo thông dụng.

– Thống kê và Xác suất: Một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất.

c) *Giúp HS có những hiểu biết ban đầu về một số nghề nghiệp trong xã hội.* Đây không phải là nhiệm vụ riêng của môn Toán mà sẽ được kết hợp cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm,... để giúp HS có được sự phát triển hài hoà, toàn diện.

## 3. Mục tiêu môn Toán lớp 1

Mục tiêu chủ yếu của môn Toán lớp 1 là giúp HS đạt được các yêu cầu cơ bản sau:

*Số tự nhiên*

– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100.

– Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.

– Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).

*Các phép tính với số tự nhiên*

– Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ.

– Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100.

– Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.

– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.

– Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

– Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.

*Hình học trực quan*

– Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên – dưới, phải – trái, trước – sau, ở giữa.

– Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

– Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

– Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

*Đo lường*

– Nhận biết được về dài hơn, ngắn hơn, bằng nhau.

– Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100 cm.

– Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ.

– Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.

– Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...).

– Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm.

– Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ.

– Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).

– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## II GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1

SGK Toán 1 được biên soạn bám sát theo quan điểm chung của bộ sách là "Kết nối tri thức với cuộc sống" trong đó đảm bảo tính cơ bản, sáng tạo và thực tiễn.

*Về cấu trúc nội dung*, SGK Toán 1 có một số điểm đổi mới căn bản là thiết kế các nội dung theo chủ đề, mỗi chủ đề được biên soạn theo bài học thay vì tiết học. Cách tiếp cận này sẽ giúp GV linh hoạt hơn trong giảng dạy tuỳ theo thực tế của lớp học. Cụ thể, cấu trúc mỗi bài thường có bốn phần: phần *Khám phá* giúp HS tìm hiểu kiến thức mới, phần *Hoạt động* giúp HS thực hành kiến thức ở mức độ đơn giản, phần *Trò chơi* giúp HS thực hành, củng cố kiến thức và phần *Luyện tập* giúp HS ôn tập, vận dụng, mở rộng kiến thức thông qua hệ thống các bài tập cơ bản và nâng cao.

*Về mức độ nội dung*, SGK Toán 1 đảm bảo các yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán đối với lớp 1. Với mỗi nội dung, hệ thống các bài tập, ví dụ minh hoạ được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực, luôn xuất phát từ trực quan, gắn với thực tiễn, mức độ phân hoá đa dạng đảm bảo phục vụ cho tất cả các đối tượng HS sử dụng.

Bên cạnh đó, cũng phải kể đến một số điểm mới, khác biệt của SGK Toán 1 so với SGK hiện hành:

- Tuyến nhân vật xuyên suốt được xây dựng giúp HS cảm thấy gần gũi và tương tác nhiều hơn với cuốn sách, bao gồm: hai chị em Mai và Mi, hai bạn Việt và Nam học cùng lớp Mai và bạn Rô-bốt, nhân vật đặc biệt rất thông minh và tinh nghịch. Các bạn nhỏ trong bộ sách sẽ lớn lên theo từng lớp và hi vọng sẽ trở thành những người bạn thân thiết của mỗi HS trong những năm tháng học trò.
- Các nội dung của cuốn sách được lồng ghép rất nhiều hoạt động, trò chơi giúp HS có thể trải nghiệm và giúp GV tổ chức hoạt động dạy học một cách đa dạng, góp phần đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.
- Nhiều nội dung lịch sử, địa lí, văn học, khoa học và công nghệ được lồng ghép không chỉ giúp HS cảm thấy sự gần gũi của toán học mà còn tăng thêm hiểu biết, vốn sống cho HS.
- Do đặc thù của sách tiểu học, công tác minh hoạ đặc biệt được chú trọng đảm bảo tính xuyên suốt, tính lôgic và thẩm mĩ cao trên toàn bộ cuốn sách. Từng chi tiết nhỏ như tính phù hợp về trang phục đối với vùng miền, thời tiết, bối cảnh đều được cân nhắc rất kĩ lưỡng.

## III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 1

Phương pháp dạy học môn Toán lớp 1 cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a) *Phù hợp với tiến trình nhận thức của HS*. Đối với HS tiểu học, để xây dựng kiến thức cần đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó. Đặc biệt, cần chú ý cách tiếp cận dựa trên sự trải nghiệm của HS, thông qua hoạt động, thực hành, chứ không chỉ tập trung vào tính lôgic tuyệt đối của vấn đề.

b) *Quán triệt tinh thần "lấy người học làm trung tâm"*. Đối với lớp 1, khi HS lần đầu chuyển từ môi trường Mẫu giáo sang Trường học, cần phát huy tính tích cực, tự giác của HS. GV cần tổ chức quá trình dạy học kiến tạo, thông qua các hoạt động, HS được tham gia tìm tòi, phát hiện và suy luận để giải quyết vấn đề. Cũng cần phải chú ý đến sự phân hoá của HS, từ nhu cầu, năng lực nhận thức và cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân.

c) *Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực*. Không có phương pháp nào là tuyệt đối cho tất cả HS, do đó GV cần kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn. Thiết kế của SGK Toán 1 với cấu trúc được đảm bảo tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa kiến thức cốt lõi, kiến thức vận dụng và các thành phần khác như hoạt động, trò chơi sẽ giúp việc tổ chức dạy học được thuận lợi, thúc đẩy thái độ học tập tích cực của HS.

d) *Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán*. Đặc thù của SGK Toán 1 là rất chú trọng các hoạt động và các nội dung toán học gắn với thực tiễn do đó sẽ cần nhiều giáo cụ trực quan. Để đảm bảo tính hiệu quả, SGK Toán 1 đã được thiết kế theo hướng mở đảm bảo việc tổ chức dạy học có tính khả thi trong nhiều điều kiện khác nhau. Cụ thể, bên cạnh việc lồng ghép sử dụng các thiết bị dạy học theo quy định, sách cũng được thiết kế và có hướng dẫn cụ thể trong SGV để các thầy cô có thể xây dựng và sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Đồng thời, GV cũng được hướng dẫn và cung cấp các phương án tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả trong từng nội dung cụ thể.

e) *Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho HS qua giảng dạy Toán 1*. Phương pháp dạy học Toán 1 cần góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập. Ở đây, các hoạt

động toán học, cụ thể như các hoạt động thực hành ước lượng, đo lường hay các hoạt động trò chơi hai người, nhóm sẽ giúp HS phát triển các phẩm chất như yêu lao động, học tập, phát huy tính trung thực, ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học, đồng thời các năng lực như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...

*Phương pháp dạy học môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ và các năng lực đặc thù khác.* Cụ thể, SGK Toán 1 được thiết kế với những ưu thế nổi trội, thông qua cấu trúc mở, linh hoạt, đa dạng, hệ thống bài tập, ví dụ, hoạt động phong phú, đa dạng, sẽ đảm bảo cho HS có thể vừa rèn luyện kĩ năng tính toán, ước lượng, vừa giúp hình thành và phát triển các thành tố của năng lực toán học như năng lực tư duy, lập luận, năng lực mô hình hoá, năng lực giao tiếp,... Với cấu trúc tổng thể được xây dựng dựa trên một tuyến nhân vật xuyên suốt có cốt truyện, SGK Toán 1 còn góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ của HS, giúp HS có được tầm nhìn rộng mở đối với thế giới xung quanh.

## IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÁN 1

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học; điều chỉnh các hoạt động dạy học, đảm bảo sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Để đạt được mục tiêu này, cần phải vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, hỏi đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập,...) và vào những thời điểm thích hợp. Đối với môn Toán 1, việc đánh giá kết quả học tập cần lưu ý những điểm chính sau:

– Đánh giá quá trình (hay đánh giá thường xuyên) do GV phụ trách môn học tổ chức kết hợp với đánh giá của GV các môn học khác, của bản thân HS được đánh giá và của các HS khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cha mẹ HS. SGK Toán 1 được thiết kế với nhiều hoạt động, hệ thống bài tập đa dạng về mức độ và phong phú về hình thức từ trắc nghiệm đến câu hỏi mở, do đó GV cần có sự quan sát, ghi lại quá trình thực hiện để từ đó có được đánh giá cụ thể, chính xác, đảm bảo đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của HS, tránh tình trạng tách

rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của HS.

– Đánh giá định kì (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kì và đánh giá tổng kết được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HS. Trong các bài học ở cuối tập một và tập hai của SGK Toán 1, chúng tôi đã đưa ra những nội dung chủ yếu, dạng mẫu có thể sử dụng để phục vụ cho công tác đánh giá định kì.

– Đối với HS tiểu học, đặc biệt là HS lớp 1, chúng ta cần chú trọng đánh giá năng lực HS thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HS. Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét. Ở đây, cần chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Ví dụ khi đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học có thể sử dụng các công cụ như hệ thống câu hỏi, bài tập phân hoá; đánh giá năng lực mô hình hoá toán học có thể sử dụng công cụ như các dự án, bài tập gắn với tình huống toán học trong thực tiễn; đánh giá năng lực giải quyết vấn đề có thể sử dụng công cụ là các tình huống yêu cầu HS phải nhận dạng, phát hiện và trình bày được vấn đề, sử dụng các câu hỏi đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề đó; đánh giá năng lực giao tiếp toán học có thể sử dụng công cụ là các hoạt động thực hành, các trò chơi toán học để HS có cơ hội được nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

## V MỘT SỐ LƯU Ý VỀ DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1

**1.** Về nội dung kiến thức cơ bản trong SGK Toán 1 không có khác biệt nhiều so với SGK Toán 1 của Chương trình giáo dục phổ thông 2000. Sách Toán 1 được xây dựng theo định hướng ổn định và kế thừa, cập nhật và phát triển, kết hợp truyền thống và hiện đại.

**2.** Nội dung SGK Toán 1 có sự đổi mới khác biệt chủ yếu là về cấu trúc, sắp xếp lại theo định hướng phát triển năng lực.

***2.1.*** Cấu trúc, sắp xếp nội dung học tập phù hợp với thời lượng học tập quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018: lớp 1 học 3 tiết/tuần, cả năm học 105 tiết, trong đó học kì 1: 54 tiết; học kì 2: 51 tiết.

***2.2.*** Cấu trúc, sắp xếp nội dung dạy học trong sách Toán 1 phù hợp với các mạch kiến thức của môn Toán trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018: môn Toán ở Tiểu học cấu trúc theo ba mạch kiến thức: Số và Phép tính; Hình học và Đo lường; Một số yếu tố Thống kê và Xác suất. Riêng ở lớp 1 theo hai mạch kiến thức: Số và Phép tính; Hình học và Đo lường.

***2.3.*** Nội dung dạy học trong SGK Toán 1 được cấu trúc, sắp xếp theo các chủ đề, bài học (mỗi bài học có thể gồm 1 tiết hoặc nhiều tiết). Việc cấu trúc nội dung gọn lại, giúp làm nổi bật các trọng tâm, yêu cầu cần đạt về kiến thức và phát triển năng lực ở mỗi chủ đề, bài học theo đúng mục tiêu của môn Toán lớp 1; giúp GV chủ động, sáng tạo, HS tự tin, chủ động nắm được kiến thức cơ bản và phát triển năng lực trong các hoạt động dạy học.

***2.4.*** Cấu trúc nội dung dạy học trong SGK Toán 1 có những đổi mới phù hợp với yêu cầu đổi mới về cấu trúc nội dung SGK theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (theo tiêu chí đánh giá SGK của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Sách Toán 1 được trình bày kênh hình, kênh chữ hợp lí và màu sắc đẹp, hấp dẫn HS, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 1.
- Sách Toán 1 được chia làm hai tập, mỗi tập dùng cho một học kì, các chủ đề nội dung trong từng tập được sắp xếp xen kẽ giữa số, hình học và đo lường phù hợp tiến trình học tập của HS cho từng học kì và cả năm học.
- Đặc biệt, trong sách Toán 1 có tuyến nhân vật (gồm 5 em: Mai, Việt, Nam, Mi và Rô-bốt) xuyên suốt cuốn sách. Các em ngày ngày cùng với các bạn khác ở các vùng miền tổ quốc cùng học tập, vui chơi, tiếp xúc gần gũi với những thực tế xung quanh các em, với những câu chuyện cổ tích, lịch sử, môi trường,... Tất cả đều gắn với nội dung dạy học theo các chủ đề trong Toán 1.
- SGK Toán 1 được xây dựng đồng bộ với SGV và sách bổ trợ, cùng bộ đồ dùng học tập (giúp GV và HS có điều kiện thuận lợi khi triển khai thực hiện dạy học theo chương trình, SGK năm 2018).
- Khi xây dựng sách Toán 1, nhóm tác giả cũng đã lưu ý đến nhu cầu chuyển từ sách giấy sang sách điện tử, nhằm đáp ứng xu hướng dạy học bằng phương tiện công nghệ trong thời đại 4.0.

**3.** Nội dung SGK Toán 1 có sự khác biệt, đổi mới chủ yếu là về cách tiếp cận, xây dựng nội dung theo định hướng "Kết nối tri thức với cuộc sống", kết hợp xây dựng nội dung với phương pháp dạy học, với hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực học tập

của HS so với yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề trong nội dung đó. Kết nối giữa người học và người dạy, tạo mối quan hệ đồng cảm giữa thầy và trò, giữa trò với trò; động viên khuyến khích HS kịp thời.

Cách tiếp cận, xây dựng phát triển nội dung dạy học theo hướng nêu trên được thể hiện xuyên suốt trong SGK Toán 1. Có thể làm rõ hơn điều đó ở một số nội dung dạy học các dạng bài đặc trưng sau:

### *3.1. Dạy học hoạt động "khám phá"*

- Giúp HS tự khám phá, phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Cách tiếp cận thường là: Từ kiến thức đã có, qua các bài toán thực tiễn (tình huống cần giải quyết), bằng hình ảnh vật thật hoặc đồ dùng học tập trực quan, sinh động, HS tự quan sát (có sự hướng dẫn của GV, không áp đặt), tìm hiểu, tham gia giải quyết vấn đề, dần dần nắm bắt được kiến thức mới theo yêu cầu của bài học. Từ đó có thể vận dụng vào các hoạt động thực hành, luyện tập tiếp theo trong tiết học, bài học hoặc trong chủ đề.

### *3.2. Dạy học hoạt động "thực hành, luyện tập, trải nghiệm"*

- Giúp HS vận dụng được kiến thức mới vào các bài tập "tình huống" cụ thể, nhằm củng cố kiến thức đã học, hình thành các kĩ năng thực hành, luyện tập và phát triển năng lực học tập qua các hoạt động thực hành, luyện tập đó.
- HS tự làm việc là chính. Nhóm chỉ là tương tác, hỗ trợ để mọi cá nhân đều được thực hành, luyện tập (khi cần trao đổi, giải quyết các bài toán "có tình huống" được hiệu quả hơn).
- Khuyến khích HS không chỉ tìm ra "đáp án" của bài toán mà cần thiết là tìm ra "con đường" để tìm ra đáp án đó. Qua mỗi bài toán (tình huống), HS được phát triển năng lực tư duy (phân tích, tổng hợp) phù hợp với từng đối tượng HS và phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, trường.
- Qua thực hành, luyện tập, HS tạo thói quen biết tự kiểm tra, đánh giá (đúng hay sai, sai ở đâu, rồi tự sửa chữa). Tạo thói quen tìm tòi, phát hiện để tìm cách giải bài toán tốt hơn và có thể vận dụng giải quyết được các bài toán tương tự trong thực tế,...
- Trong Toán 1, hoạt động thực hành, trải nghiệm được tiến hành vận dụng từ mức độ đạt yêu cầu đến phát triển cao hơn, thường thể hiện ở phần:

+ "Hoạt động" sau phần "Khám phá"; "Luyện tập" sau phần "Hoạt động" của mỗi tiết học.
+ Các bài "Luyện tập chung" sau một số bài hoặc chủ đề.
+ Các bài "Thực hành, trải nghiệm" về hình học và đo lường.

### *3.3. Dạy học hoạt động "trò chơi"*

- *Trò chơi* trong SGK Toán 1 được hiểu là "*trò chơi Toán học*", nhằm giúp HS củng cố, nắm chắc hơn kiến thức, kĩ năng, nội dung đã học. Qua đó HS thấy hứng thú học tập, được giao lưu trong nhóm, thay đổi động hình học tập (thoải mái, vui hơn) và tạo "môi trường" học tập để HS phát triển năng lực học Toán (quan sát, phân tích, tổng hợp, lựa chọn khả năng tối ưu nhằm đạt kết quả cuộc chơi,...).
- Tổ chức chơi giữa hai bạn hoặc theo nhóm cần đạt yêu cầu mục tiêu của "trò chơi", mọi HS đều được chơi (phù hợp cách chơi, thời gian quy định). Cần nhận xét, đánh giá kết quả sau khi chơi (củng cố nội dung kiến thức của bài học)...
- Dạy học "Trò chơi" trong tiết dạy Toán thường thực hiện theo các bước:

*Bước 1:* Nêu rõ mục tiêu cần đạt của "Trò chơi".

*Bước 2:* Nêu rõ luật chơi (cách chơi).

*Bước 3:* Tổ chức hoạt động chơi tại lớp theo nhóm hoặc cặp đôi.

*Bước 4:* Tổng kết, rút kinh nghiệm chơi (hiệu quả chơi so với mục tiêu).

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN HAI

# HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

## Chủ đề 1 CÁC SỐ TỪ 0 ĐẾN 10

### TIẾT HỌC ĐẦU TIÊN

#### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

– Bước đầu biết yêu cầu đạt được trong học tập Toán 1.

– Giới thiệu các hoạt động chính khi học môn Toán lớp 1.

– Làm quen với đồ dùng học tập của môn Toán lớp 1.

#### II CHUẨN BỊ

– Sách Toán 1.

– Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

#### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**1.** GV hướng dẫn HS sử dụng sách Toán 1

– GV cho HS xem sách Toán 1.

– GV giới thiệu ngắn gọn về sách, từ bìa 1 đến Tiết học đầu tiên.

– Sau "Tiết học đầu tiên", mỗi tiết học sẽ gồm 2 trang. GV giải thích cho HS cách thiết kế bài học sẽ gồm 4 phần "Khám phá", "Hoạt động", "Trò chơi" và "Luyện tập".

– GV cho HS thực hành gấp sách, mở sách và đặc biệt là hướng dẫn HS giữ gìn sách.

**2.** GV giới thiệu nhóm nhân vật chính của sách Toán 1

GV cho HS mở đến bài "Tiết học đầu tiên" và giới thiệu về các nhân vật Mai, Nam, Việt và Rô-bốt. Các nhân vật này sẽ đồng hành cùng các em trong suốt 5 năm tiểu học. Ngoài ra sẽ có bé Mi, em gái của Mai cùng tham gia với nhóm bạn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3.** GV hướng dẫn HS làm quen với một số hoạt động học tập Toán ở lớp 1

GV gợi ý HS quan sát từng tranh về hoạt động của các bạn nhỏ. Từ đó giới thiệu những yêu cầu cơ bản và trọng tâm của Toán 1 như:

– Đếm, đọc số, viết số.

– Làm tính cộng, tính trừ.

– Làm quen với hình phẳng và hình khối.

– Đo độ dài, xem giờ, xem lịch.

**4.** GV cho HS xem từng tranh miêu tả các hoạt động chính khi học môn Toán: nghe giảng, học theo nhóm, tham gia trò chơi Toán học, thực hành trải nghiệm Toán học và tự học.

**5.** GV giới thiệu bộ đồ dùng học Toán 1 của HS

– Cho HS mở bộ đồ dùng học Toán 1.

– GV giới thiệu từng đồ dùng cho HS, nêu tên gọi, giới thiệu tính năng cơ bản để HS làm quen. Tuy nhiên chưa cần yêu cầu HS ghi nhớ.

– Hướng dẫn HS cách cất, mở và bảo quản đồ dùng học tập.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Bài 1 CÁC SỐ 0, 1, 2, 3, 4, 5 (3 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Đếm, đọc, viết được các số từ 0 đến 5.

– Sắp xếp được thứ tự các số từ 0 đến 5.

* ***Phát triển năng lực***

Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

### II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính, ghim,...).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– GV hỏi HS về số cá trong bể ở các bức tranh.

– Trong phần này, GV cần cho HS bước đầu làm quen với số lượng và nhận mặt các số từ 0 đến 5. GV có thể chỉ vào bức tranh đầu tiên và giới thiệu: "Trong bể có một con cá. Có một khối vuông". GV viết số 1 lên bảng. Sau đó, GV chuyển sang các bức tranh khác.

*Lưu ý:*

– Khi sang bức tranh thứ hai, GV nên chỉ vào con cá thứ nhất và đếm "một", rồi chỉ vào con cá thứ hai và đếm "hai", sau đó giới thiệu: "Trong bể có hai con cá". Tương tự, GV đếm và giới thiệu: "Có hai khối vuông". GV viết số 2 lên bảng.

– GV thực hiện việc đếm, giới thiệu và viết số tương tự với các bức tranh còn lại.

– Với bức tranh cuối cùng, GV có thể đặt câu hỏi: "Trong bể có con cá nào không? Có khối vuông nào không?". Sau đó, GV giới thiệu: "Trong bể không có con cá nào. Không có khối vuông nào". GV viết số 0 lên bảng.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV có thể chấm các chấm theo hình số lên bảng rồi hướng dẫn HS viết các số theo chiều mũi tên được thể hiện trong SGK.

*Bài 2:*

– Với câu a, GV có thể hỏi HS về nội dung các bức tranh (bức tranh minh hoạ gì?...) sau đó yêu cầu HS đếm và nêu kết quả.

– Với câu b, GV có thể hỏi HS về điểm giống nhau trong ba bức tranh minh hoạ (đều vẽ bể) và điểm khác nhau trong ba bức tranh (tranh có cá, tranh không có cá), cùng HS đếm số con cá trong mỗi bể.

*Bài 3:*

– Trước tiên, GV nên yêu cầu HS đếm số lượng các chấm xuất hiện trên mỗi mặt xúc xắc.

– Tuỳ theo mức độ tiếp thu của HS mà GV có thể yêu cầu HS làm luôn bài tập hoặc cùng HS làm ví dụ trước.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* GV hỏi về nội dung mỗi bức tranh, sau đó yêu cầu HS đếm và nêu kết quả.

*Bài 2:* GV giải thích đề bài và yêu cầu HS tìm các số thích hợp.

*Bài 3:*

- GV yêu cầu HS phân biệt các củ cà rốt đã tô màu và chưa tô màu, sau đó đếm số lượng củ cà rốt đã tô màu rồi nêu kết quả.
- GV có thể giải thích mẫu ở câu a để HS hiểu yêu cầu của đề bài.

*Bài 4:* GV yêu cầu HS phân biệt được các con số, tìm ra các con gà ghi số 2. Đếm số lượng các con gà đó rồi nêu câu trả lời.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:*

- GV có thể hỏi HS về con vật được minh hoạ trong mỗi bức tranh.
- Để HS hiểu yêu cầu của đề bài, GV hướng dẫn HS đếm số lượng con gà trong bức tranh đầu tiên.
- Tuỳ mức độ tiếp thu của HS mà GV có thể hướng dẫn HS thêm một, hai bức tranh khác.

*Bài 2:*

- GV hướng dẫn HS đếm thêm để tìm ra phương án đúng.
- Chẳng hạn, với câu a, trước tiên GV yêu cầu HS đếm số lượng thùng đang có trên xe. Sau đó đếm thêm số thùng có ở trong mỗi phương án A, B rồi tìm ra phương án đúng là A.
- Làm tương tự với câu b.

*Bài 3:* GV gợi ý cho HS:

- Các số trên đoàn tàu thứ nhất xuất hiện theo thứ tự: 1, 2, 3, 4, 5.
- Các số trên đoàn tàu thứ hai xuất hiện theo thứ tự ngược lại: 5, 4, 3, 2, 1.

*Bài 4:*

- GV nên yêu cầu HS gọi tên các đối tượng trong tranh.
- GV nên giải thích cụ thể hơn về yêu cầu của đề bài: Với mỗi đối tượng trong đề bài, HS cần đếm số lượng đối tượng đó trong bức tranh, rồi nêu kết quả.

– GV chọn một đối tượng bất kì (nên chọn con bò sữa) rồi yêu cầu HS xác định số lượng (con bò sữa) có trong bức tranh, sau đó nêu kết quả.

– Lưu ý với đối tượng là con chim, trong tranh không có con chim nào, vậy số lượng con chim có trong bức tranh là 0.

# Bài 2 CÁC SỐ 6, 7, 8, 9, 10 (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10.

– Sắp xếp được các số trong phạm vi 10 theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

* ***Phát triển năng lực***

Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, biết quan sát để tìm kiếm sự tương đồng.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính, ghim,...).

– Xúc xắc, mô hình, vật liệu,... để tổ chức trò chơi trong bài học.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– Chỉ vào các bức tranh, GV có thể hỏi: "Trong bức tranh có những con vật hay đồ vật gì?".

– Trong phần này, GV cần cho HS bước đầu làm quen với số lượng và nhận mặt các số từ 6 đến 10.

– GV yêu cầu HS quan sát bức tranh đầu tiên. GV có thể chỉ vào từng con ong và đếm "một, hai, ba, bốn, năm, sáu". Sau đó, GV giới thiệu: "Có sáu con ong", đồng thời viết số 6 lên bảng.

– GV thực hiện việc đếm và giới thiệu số tương tự với các bức tranh còn lại.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV có thể chấm các chấm theo hình số rồi hướng dẫn HS viết lần lượt từng số ở trên bảng.

*Bài 2:*

- GV có thể hỏi và giới thiệu cho HS về loại bánh xuất hiện trong các hình vẽ.
- GV nên giải thích về yêu cầu của đề bài: Đếm số bánh ở mỗi hình, sau đó nêu kết quả.
- GV yêu cầu HS đếm số lượng bánh trong hình đầu tiên, sau đó đối chiếu với kết quả được đưa ra trong SGK.

*Bài 3:* GV hướng dẫn HS đếm thêm để tìm ra phương án đúng.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:*

- GV hỏi HS về các con vật được minh hoạ trong mỗi bức tranh.
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh đầu tiên để kiểm tra lại đáp số được đưa ra trong SGK.

*Bài 2:*

- Các số ở hình đầu tiên xuất hiện theo thứ tự: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.
- Các số ở hình tiếp theo xuất hiện theo thứ tự ngược lại: 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0.

*Bài 3:* GV hướng dẫn HS đếm và ghi lại số chân của từng con vật, sau đó đếm số lượng các con vật có 6 chân rồi nêu câu trả lời. Kết quả là: có 3 con vật có 6 chân.

*Bài 4:* GV hướng dẫn HS xem tranh, đếm rồi nêu kết quả.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:*

- GV nên hỏi HS trong mỗi bức tranh vẽ con vật nào.
- GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn về yêu cầu của đề bài: Đếm số lượng các con vật trong mỗi bức tranh và chọn số tương ứng.
- GV có thể chọn một, hai bức tranh để làm mẫu cho HS.

*Bài 2:* GV hướng dẫn HS tìm ra phương án đúng bằng cách đếm thêm.

**Trò chơi:** Nhặt trứng

*Chuẩn bị:* Xúc xắc, mô hình như SGK.

*Cách chơi:*

– Chơi theo nhóm.

– Người chơi lần lượt gieo xúc xắc, đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc. Lấy một quả trứng trong ô được bao quanh bởi số đó.

– Trò chơi kết thúc khi lấy được 6 quả trứng.

*Lưu ý:* Để phân biệt quả trứng đã lấy, GV nên hướng dẫn HS sử dụng hai loại bút chì màu khác nhau để đánh dấu.

## Bài 3 NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Có biểu tượng ban đầu về nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.

– So sánh được số lượng của hai nhóm đồ vật qua sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng.*

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học và sử dụng mô hình toán học là nối 1 – 1.

### II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Tiết 1**

**1. Khám phá**

– GV có thể khởi động bài học bằng một vài câu hỏi vui về ếch, ví dụ: "Bạn nào đã từng nhìn thấy con ếch?", "Các em thấy ếch ngồi trên lá chưa?".

– GV có thể hỏi "Có đủ lá cho ếch ngồi lên không?", sau khi HS trả lời, GV có thể hỏi "Vậy số ếch có nhiều hơn số lá không?", sau đó lại hỏi "Số ếch có ít hơn số lá không?".

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- GV chỉ vào hình vẽ trong SGK và nói "Các em có nhìn thấy đường nối giữa mấy chú ếch và mấy chiếc lá không?", GV giải thích "Cứ một chú ếch nối với một chiếc lá", GV hỏi "Có đủ lá để nối với ếch không?".
- GV kết luận "Khi nối ếch với lá, ta thấy hết lá nhưng thừa ếch, vậy: Số ếch nhiều hơn số lá. Số lá ít hơn số ếch.".
- GV lặp lại với minh hoạ thứ hai về thỏ và cà rốt, có thể mở đầu bằng câu hỏi vui "Đố các em, thỏ thích ăn gì nào?".
- Với ví dụ thứ hai, GV có thể giới thiệu thêm cho các em "Khi nối thỏ với cà rốt, cả hai đều được nối hết nên chúng bằng nhau."

  *Lưu ý:* HS thực hiện được so sánh số lượng hai nhóm sự vật bằng cách nối cặp 1 – 1 để kết luận nhóm nào nhiều hơn, ít hơn hay bằng nhau.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV hướng dẫn HS ghép cặp mỗi bông hoa với một con bướm. Sau đó GV hỏi lại "Bướm còn thừa hay hoa còn thừa?" rồi hỏi "Số bướm nhiều hơn hay số hoa nhiều hơn?".

*Bài 2:* Tương tự bài 1.

*Bài 3:* GV nên ghép cặp chim với cá ở gần nhau (để tìm câu đúng trong hai câu a, b).

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Cho HS tự làm. Sau đó GV gọi một số em đứng lên trả lời câu hỏi. Cuối cùng, GV nhận xét đúng sai và hướng dẫn giải bằng cách ghép cặp lá dâu với tằm (nên ghép cặp lá dâu và tằm ở gần nhau).

*Bài 2:* Hướng dẫn để HS nhận thấy tất cả các con nhím đều có nấm mà vẫn còn 1 cây nấm không trên con nhím nào. Vậy số nấm nhiều hơn số nhím.

Ngoài cách vừa nêu, GV có thể dùng cách "truyền thống" là nối nhím với nấm. Tuy vậy, bài này nên sử dụng cách hướng dẫn như trên. Đó là một cách làm "khác", một "góc nhìn" khác về bài toán và rất có lợi cho tư duy của HS nếu được sử dụng.

*Bài 3:* GV hướng dẫn HS ghép cà rốt với bắp cải. Ban đầu ghép cà rốt với bắp cải trong hình vẽ chính, sau đó thử ghép với từng phương án A và B để tìm ra được đáp án đúng.

*Bài 4:* Do HS chưa đọc thạo, GV có thể đọc to từng câu a, b, c, d rồi hỏi HS câu đó đúng hay sai. Bài này có thể đổi thành "Tô màu vịt" để thêm hấp dẫn.

# Bài 4 SO SÁNH SỐ (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Nhận biết được các dấu >, <, =.

– Sử dụng được các dấu >, <, = khi so sánh hai số.

– So sánh được các số trong phạm vi 10 (ở các nhóm có không quá 4 số).

* ***Phát triển năng lực***

HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.

## II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Lớn hơn, dấu >

### 1. Khám phá

– GV có thể dẫn dắt vào bài: "Hôm nay chúng ta học về so sánh số: Lớn hơn, dấu lớn hơn".

– Tiếp đó, GV cho HS đếm số vịt ở hình bên trái và hình bên phải để giải thích về con số ở cạnh mỗi hình.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS so sánh số vịt ở hai bên của hình vẽ (dùng cách ghép "tương ứng 1 – 1").

– GV có thể kết luận: "Số vịt ở phía bên này (chỉ vào nhóm có 4 con vịt) nhiều hơn số vịt ở phía bên kia. Bên này có 4 con vịt, bên kia có 3 con vịt. Như vậy 4 lớn hơn 3.".

– Sau đó, GV hướng dẫn các em viết phép so sánh: 4 > 3 vào vở.

– Minh hoạ thứ hai bằng quả dưa cũng dẫn dắt tương tự.

*Lưu ý:* HS nhận biết dấu >, dựa vào số lượng sự vật của hai nhóm viết ra phép so sánh dùng dấu >.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV hướng dẫn HS cách viết dấu > vào vở.

*Bài 2:* GV hướng dẫn HS cách thử lần lượt để tìm ra đáp án đúng.

*Bài 3:* Yêu cầu HS đếm số lượng sự vật chính trong hình: ở hình thứ nhất là kiến, hình thứ hai là cây, hình thứ ba là cò, hình thứ tư là khỉ và hươu cao cổ; sau khi đếm, nêu số trong ô vuông rồi nêu dấu lớn hơn trong ô tròn ở giữa. Bài tập nhằm nâng cao dần tư duy cho HS, từ so sánh số lượng sự vật cùng loại đến số lượng sự vật khác loại. Quá trình này là trừu tượng hoá: số lượng tách khỏi sự vật cụ thể.

*Bài 4:* Có thể yêu cầu HS tìm đường đi bằng bút chì cho trực quan và dễ thực hiện.

## Tiết 2. Bé hơn, dấu <

### 1. Khám phá

- GV dẫn dắt vào bài: "Hôm trước chúng ta học về dấu lớn hơn, hôm nay chúng ta học về dấu bé hơn.".
- Với hình minh hoạ bằng chim chào mào, GV cho HS đếm số chim, hỏi xem bên nào có số chim ít hơn, sau đó kết luận "số 2 bé hơn số 3" và hướng dẫn HS viết phép so sánh: $2 < 3$ (tương tự tiết học về dấu lớn hơn).
- Với hình minh hoạ bầy kiến làm tương tự.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV hướng dẫn HS cách viết dấu < vào vở.

*Bài 2:* GV hướng dẫn HS cách thử lần lượt để tìm ra đáp án đúng.

*Bài 3:* Đếm số lượng sự vật trong hình, nêu số và dấu < thích hợp.

*Bài 4:* GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài. Cho HS ghép thử và gợi ý nếu cần thiết.

## Tiết 3. Bằng nhau, dấu =

### 1. Khám phá

- Ví dụ minh hoạ về xẻng và cuốc, GV có thể hỏi HS: "Đố các em đây là cái gì?", GV có thể hỏi HS hoặc kể về tác dụng của các dụng cụ này bằng một số hình minh hoạ (do GV tự chuẩn bị).
- Sau đó GV cho HS đếm số lượng xẻng, cuốc và có thể cho một số em trả lời kết quả. Tiếp theo, GV viết "4 = 4" lên bảng và nói: "Khi hai số bằng nhau, ta dùng dấu = để viết phép so sánh.".
- GV tiếp tục lặp lại với ví dụ về máy tính xách tay và chuột máy tính.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV hướng dẫn HS cách viết dấu = vào vở.

*Bài 2:* Hai nhóm sự vật được ghép cặp với nhau ngoài quan hệ về số lượng bằng nhau còn có một mối liên tưởng khác. Ví dụ: Gia đình gà và vịt cùng là gia cầm; các bạn nam và nữ đều là HS; thìa và bát dùng để ăn; mây tạo ra mưa (giọt nước). GV có thể

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

gợi liên tưởng này cho các em HS bằng cách nêu ví dụ về gà và vịt rồi đặt câu hỏi về các cặp sự vật khác.

*Bài 3:* GV yêu cầu HS đếm số lượng lá vàng và lá xanh để tìm đáp án đúng.

*Bài 4:* GV hướng dẫn HS đếm số chấm ở mỗi con bọ rùa và chọn dấu >; <; = thích hợp.

### Tiết 4. Luyện tập

*Bài 1:* Dựa vào đếm số chấm trong mỗi hình để đặt dấu >; <; = thích hợp.

*Bài 2:* Để làm được bài này, HS cần thuộc thứ tự các số. Sau khi để HS tự làm bài, GV chữa từng phép tính bằng cách đặt câu hỏi trước. Ví dụ với (?) > 9, GV có thể hỏi: "Số nào lớn hơn 9?" hoặc "Khi đếm, sau số 9 là số mấy?". Do yêu cầu về việc thuộc thứ tự so sánh các số là khá khó với HS, GV có thể dành nhiều thời gian cho bài này hơn và có thể viết lại 11 số đã học lên bảng: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

*Bài 3:* GV cho HS đếm số thùng hàng trên mỗi tàu, sau đó hỏi: "Tàu nào chở nhiều thùng hàng nhất?". Cuối cùng GV cho HS nêu câu trả lời.

*Bài 4:* Ngoài việc rèn luyện kĩ năng đếm, viết phép so sánh, bài tập còn gợi mở về việc đếm các sự vật theo 2 cách: cách thứ nhất (câu a) theo màu sắc (đỏ và xanh) và cách thứ hai (câu b) theo loại quả (táo và ớt). GV có thể kết luận (nhằm mục đích gợi mở cho các em về mặt tư duy) "Các em thấy, nếu ta đếm quả theo màu sắc thì được $4 < 5$, còn nếu đếm theo loại quả thì được $5 > 4$.".

## Bài 5 MẤY VÀ MẤY (3 tiết)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Biết mối liên hệ giữa các số trong phạm vi 10 làm cơ sở cho phép cộng sau này.

* ***Phát triển năng lực***

Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, biết quan sát để tìm kiếm sự tương đồng.

### II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính, ghim,...).
- Các tấm thẻ từ 1 chấm đến 6 chấm để tổ chức hoạt động, trò chơi trong bài học (GV xem chi tiết trong hướng dẫn tương ứng).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

#### 1. Khám phá

– GV yêu cầu HS đếm số con cá ở mỗi bể và đếm số cá ở cả hai bể.

– GV giới thiệu: "3 con cá và 2 con cá được 5 con cá".

*Lưu ý:* Vì HS chưa biết khái niệm "tổng" nên GV cần tránh sử dụng khái niệm này. GV có thể đặt câu hỏi: "Ở hai bình có tất cả bao nhiêu con cá?".

#### 2. Hoạt động

*Bài 1:* Tương tự phần khám phá, GV có thể hướng dẫn HS bằng cách yêu cầu HS đếm số cá trong mỗi bể rồi nêu kết quả. Sau đó, đếm số cá ở cả hai bể rồi nêu kết quả. Ví dụ với câu a, GV nhấn mạnh: "2 con cá và 4 con cá được 6 con cá".

*Bài 2:*

GV có thể chuẩn bị các tấm thẻ có số chấm từ 1 đến 6.

Với mỗi hình vẽ, GV giơ hai tấm thẻ trước cả lớp. HS đếm số chấm ở cả hai thẻ để tìm ra kết quả. GV cho HS đọc kết quả và ghi vào vở.

*Lưu ý:* GV cần tránh sử dụng khái niệm "tổng" trong các câu nói.

### Tiết 2

#### 1. Khám phá

– GV có thể đặt các câu hỏi:

+ Trong bể có tất cả mấy con cá?

+ Những con cá trong bể có màu gì?

+ Có bao nhiêu con cá màu hồng? Bao nhiêu con cá màu vàng?

– Sau khi HS trả lời xong các câu hỏi trên, GV chỉ vào từng bể và nhấn mạnh: "Trong bể có 5 con cá gồm 2 con cá màu hồng và 3 con cá màu vàng.".

– GV đặt tiếp các câu hỏi: Trong bể có bao nhiêu con cá to? Bao nhiêu con cá nhỏ? (con cá to hiểu theo nghĩa khi ta so sánh kích thước của con cá đó với kích thước các con cá khác trong bể). Sau đó, GV nhấn mạnh: "Trong bể có 5 con cá gồm 1 con cá to và 4 con cá nhỏ.".

– Hoạt động khám phá nhằm giúp HS dần phát hiện ra các cách tách (phân tích) một số thành tổng của hai số khác. HS sử dụng kiến thức vừa được chia sẻ ở trên để giải quyết yêu cầu tách số ở hình vẽ tiếp theo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV giải thích mẫu:

– Tách 4 thành 1 và 3 dựa theo kích thước hoặc hướng bơi của các con cá.

– Tách 4 thành 2 và 2 dựa vào màu sắc.

*Lưu ý:* Tách 4 thành 1 và 3 hay thành 3 và 1 là tương tự nhau.

*Bài 2:*

– GV yêu cầu HS lấy que tính.

– GV yêu cầu HS tách 6 que tính thành hai nhóm khác với cách được đưa ra trong SGK.

– HS ghi lại kết quả vào vở.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:*

– GV nên hướng dẫn lại ý đầu tiên và nhấn mạnh: "1 chấm và 2 chấm được 3 chấm".

– GV có thể hướng dẫn thêm 1 đến 2 ý nữa để HS hiểu yêu cầu của bài toán.

*Bài 2:*

– Câu a, GV yêu cầu HS đếm số bánh ở từng đĩa, sau đó đếm số bánh ở cả hai đĩa rồi cho HS nêu kết quả.

– Câu b, GV yêu cầu HS đếm số bánh trong đĩa, sau đó đếm từng loại bánh rồi cho HS nêu kết quả.

*Bài 3:*

– GV giải thích mẫu: Dựa vào màu của các viên bi để có cách tách số đúng.

– HS làm các ý còn lại theo mẫu.

# Bài 6 LUYỆN TẬP CHUNG (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10.

– So sánh và sắp xếp được thứ tự các số trong phạm vi 10.

– Gộp và tách được số trong phạm vi 10.

* ***Phát triển năng lực***

Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, biết quan sát để tìm kiếm sự tương đồng.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính, ghim,...).

– Những mô hình, vật liệu, xúc xắc,... để tổ chức các hoạt động, trò chơi trong bài học.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1:* GV cùng HS quan sát tranh và gợi ý HS tìm ra một số để HS hiểu yêu cầu của bài toán và xác định các số còn lại.

*Bài 2:* GV yêu cầu HS đếm số cá trong mỗi bể và nêu kết quả.

*Bài 3:* GV có thể giải thích cụ thể hơn yêu cầu của để bài: Tìm chậu hoa ghi số là số bông hoa trong mỗi hình. Chẳng hạn chậu ghi số 3 ghép với hình có 3 bông hoa.

*Bài 4:* GV có thể hỏi HS về bức tranh. Yêu cầu HS quan sát tranh, đếm số lượng vật được yêu cầu rồi nêu câu trả lời.

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* GV nên giải thích cụ thể hơn về yêu cầu của để bài: Mỗi toa tàu mang một con số. Hãy tìm con số thích hợp cho các toa tàu ở giữa (hay các toa tàu màu xanh).

*Bài 2:*

– Trước tiên, GV nên yêu cầu HS gọi tên các đối tượng trong bức tranh.

– GV giải thích yêu cầu của để bài: Đếm số lượng mỗi đối tượng trong bức tranh rồi nêu kết quả.

*Bài 3:*

– Trước khi làm bài tập này, GV nên cho HS đọc lần lượt các số từ 1 đến 10.

– GV cho HS đọc số trên hình, tìm các số còn thiếu và nêu kết quả.

*Bài 4:*

– Câu a, GV cho HS đếm số hạt sen ở mỗi cốc, ghi kết quả đếm vào vở, so sánh để tìm số lớn nhất.

– Câu b, GV hướng dẫn tương tự câu a, tìm số bé nhất.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* GV nhắc lại cách sử dụng các dấu so sánh thông qua một số ví dụ cụ thể. Ví dụ: Ta sẽ điền dấu so sánh nào vào chỗ trống sau: 1 ... 2. Ta sẽ điền dấu bé hơn: <. GV cho HS nêu câu trả lời.

*Bài 2:*

– GV có thể hỏi HS về tên gọi của các con vật xuất hiện trong bài.

– GV yêu cầu HS quan sát từng bức tranh rồi trả lời câu hỏi:

+ Trong tranh có bao nhiêu con mèo? Bao nhiêu con cá?

+ So sánh số mèo với số cá rồi nêu kết quả so sánh.

*Lưu ý:* Sau khi HS làm bài xong, GV có thể hỏi HS: Nếu mỗi con mèo ăn 1 con cá thì ở bức tranh nào có đủ cá cho mèo ăn?

**Trò chơi:** Cầu thang – Cầu trượt

*Chuẩn bị:* xúc xắc, quân cờ (để đại diện cho người chơi).

*Cách chơi:*

– Chơi theo nhóm.

– Mỗi người chọn một quân cờ và đặt tại ô XUẤT PHÁT.

– Người chơi lần lượt gieo xúc xắc và di chuyển quân cờ của mình theo số chấm nhận được. Cần chú ý đi đúng đường, không di chuyển xuyên qua tường (đường kẻ đậm).

– Khi di chuyển đến một ô, người chơi đọc số lớn hơn trong hai số ở ô đó. Nếu đúng, để nguyên quân cờ ở đó. Nếu sai, di chuyển quân cờ quay về ô trước đó.

– Khi di chuyển đến ô ở chân cầu thang, hãy leo lên. Nếu là ô ở đỉnh cầu trượt, hãy trượt xuống.

– Trò chơi kết thúc khi có người chơi về đích.

*Lưu ý:* GV có thể tuỳ ý yêu cầu HS di chuyển quân cờ đến đúng ĐÍCH (khó), hoặc đơn giản hơn là chỉ cần đến ĐÍCH (đến đúng ĐÍCH tức là nếu quân cờ đang ở ô có số 2 và 1 thì HS phải gieo xúc xắc được số 1 hoặc số 2 mới được di chuyển đến ô tiếp theo, hoặc gieo được số 3 mới được về ĐÍCH; trường hợp gieo được số lớn hơn 3 thì đứng yên).

## Tiết 4. Luyện tập

*Bài 1:*

GV cho HS xác định số đồ chơi trong mỗi hàng, sau đó so sánh để tìm ra hàng có nhiều đồ chơi hơn.

*Bài 2:*

GV cho HS quan sát tranh, đếm số ô tô và số máy bay để xác định câu trả lời đúng.

*Bài 3:*

GV hướng dẫn HS làm mẫu hình đầu tiên. Đếm số chấm ở cả hai con xúc xắc rồi nêu kết quả.

*Bài 4:*

GV yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết tên gọi của các con vật xuất hiện trong tranh, tư thế của chúng, màu lông của chúng.

a)

| Cách tách | Gợi ý |
|---|---|
| 6 thành 1 và 5 | Đếm số con chó, số con mèo |
| 6 thành 2 và 4 | Đếm số con màu xanh, số con màu vàng |
| 6 thành 3 và 3 | Đếm số con ngồi, số con chạy |

b)

| Cách tách | Gợi ý |
|---|---|
| 9 thành 1 và 8 | Đếm số con màu trắng, số con màu nâu |
| 9 thành 2 và 7 | Đếm số con đứng, số con nằm |
| 9 thành 3 và 6 | Đếm số con chó, số con mèo |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Chủ đề 2 LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH PHẲNG

## Bài 7 HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN, HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Có biểu tượng ban đầu (trực quan, tổng thể) về hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

– Nhận biết được các dạng hình trên thông qua các đồ vật thật, hình vẽ, các đồ dùng học tập.

* ***Phát triển năng lực***

– Qua hoạt động so sánh, phân tích để nhận dạng hình trong một nhóm các hình đã cho. Gắn các hình đã học với những đồ vật thực tế ở xung quanh, trong lớp học,...

– HS được phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học.

### II CHUẨN BỊ

– Các mô hình (bìa, miếng nhựa) hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khăn tay hình vuông, đĩa hình tròn, mô hình biển báo giao thông hình tam giác, khung tranh hình chữ nhật.

– Sưu tầm đồ vật thật, tranh ảnh đồ vật có các dạng hình trên.

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Tiết 1**

**1. Khám phá**

– GV đưa chiếc khăn tay cho HS quan sát và nói: Chiếc khăn tay này có dạng hình vuông. Tiếp đó đưa mô hình bìa hình vuông và nói: "Đây là hình vuông".

– Tương tự đưa chiếc đĩa hình tròn, rồi dẫn đến mô hình "Đây là hình tròn". Đưa biển báo giao thông hình tam giác, rồi đưa ra mô hình và nói: "Đây là

hình tam giác". Đưa khung tranh hình chữ nhật, rồi dẫn đến "Đây là hình chữ nhật".

– Đưa cả 4 mô hình các hình đã nêu một lúc (hoặc gắn lên bảng...) rồi cho HS đọc tên từng hình. Tiếp đó cho HS quan sát hình vẽ 4 hình đó trong SGK để đọc tên từng hình.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS nhận dạng các đồ vật thực tế rồi ghép (hoặc trả lời) với các hình thích hợp (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật). Nếu có các vật thật, không là hình vẽ thì càng tốt.

*Bài 2:* HS tự quan sát nhóm các hình rồi chỉ ra hình thích hợp theo câu trả lời của bài. GV có thể cho HS làm từng câu hoặc cả 4 câu a, b, c, d cùng một lúc (tuỳ sự tiếp thu của HS).

*Lưu ý*: HS bằng trực quan nhận biết hình (chưa yêu cầu giải thích tại sao hoặc nêu quá kĩ về đặc điểm mỗi hình).

*Bài 3:* Qua hình vẽ tổng hợp, HS phân tích nhận dạng được các hình rồi đếm số lượng mỗi hình (hình vuông, hình tròn, hình tam giác).

*Lưu ý*: Chưa yêu cầu đếm các hình phức tạp, ở bài này chủ yếu đếm hình để củng cố nhận biết hình (phần luyện tập về sau sẽ có bài đếm phức tạp hơn).

**Đáp án:** *Bài 1:* Đồng hồ – Hình tròn, Viên gạch – Hình vuông, Lá cờ – Hình tam giác, Tấm gỗ – Hình chữ nhật.

*Bài 2:* a) Chọn B, D; b) Chọn A, D;
c) Chọn B, E; d) Chọn A, C.

*Bài 3:* 3 hình vuông, 2 hình tròn, 7 hình tam giác.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu bài này là củng cố nhận biết các hình đã học.

Từ một nhóm các hình, HS nhận biết được các hình thích hợp (là hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật), rồi đếm mỗi loại có bao nhiêu hình.

*Bài 2:* Qua quan sát hình vẽ các que tính, HS nhận biết được hình vuông, hình tam giác. Từ đó đếm được số hình tam giác, số hình vuông trong hình đó (đếm số hình tam giác phức tạp hơn vì có hình tam giác lớn gồm 4 hình tam giác nhỏ).

*Lưu ý:* Có thể thay que tính bằng các đoạn que khác thích hợp.

*Bài 3:* Yêu cầu HS nhận biết các hình đã học trong các bức tranh như SGK. Từ đó đếm các hình thích hợp và nêu, viết số thích hợp vào ô ? trong bảng.

*Lưu ý:* GV có thể phóng to các bức tranh (hoặc chiếu lên bảng) có màu sắc hấp dẫn để HS dễ quan sát trước khi tự làm bài tập này.

*Bài 4:*

- HS cần đọc kĩ câu hỏi (tìm hình không là hình vuông) để trả lời (HS quen tìm hình là hình vuông).
- Có thể gợi ý HS tìm các hình vuông trước, rồi chỉ ra các hình còn lại không là hình vuông.

**Đáp án:** *Bài 1:* b) 4 hình tròn, 3 hình vuông, 3 hình tam giác, 2 hình chữ nhật.

*Bài 2:* b) 4 hình vuông, 5 hình tam giác.

*Bài 3:* a) (2, 1, 3, 0); b) (1, 1, 3, 0); c) (2, 3, 1, 0).

# Bài 8 THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

- Nhận dạng được các hình đã học (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật).
- Nắm được một số thao tác đơn giản khi xếp, ghép các hình đơn lẻ thành một hình tổng hợp theo yêu cầu.

* ***Phát triển năng lực***

- Rèn trí tưởng tượng không gian, biết phân tích, tổng hợp khi xếp, ghép các hình.
- Gây hứng thú học tập khi HS tự xếp, ghép được các hình mà mình thích.

## II CHUẨN BỊ

- Mô hình các hình để xếp, ghép (theo các bài trong SGK).
- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Sưu tầm một số bộ đồ chơi xếp, ghép hình.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– GV giới thiệu bộ ghép hình (gồm 5 miếng bìa như SGK). Sau đó nêu (có thể vẽ, chiếu lên bảng) hình mẫu cần ghép (hình bạn Việt và Mai đã ghép).

– HS quan sát, GV ghép hình giống hình bạn Việt cầm. Sau đó từng em (hoặc nhóm) thao tác ghép hình giống hình bạn Mai cầm.

*Lưu ý*:

– Thứ tự, màu sắc của từng hình có thể khác nhau, miễn là thành hình như mẫu trong SGK là được.

– HS có thể tự ghép thành một hình nào đó (khác SGK) mà em thích (bằng 5 miếng bìa trên).

### 2. Hoạt động

HS làm việc cá nhân (hoặc nhóm).

Nhiệm vụ: Từ 3 miếng bìa đã cho ghép thành các hình ở các câu a, b, c, d (như trong SGK).

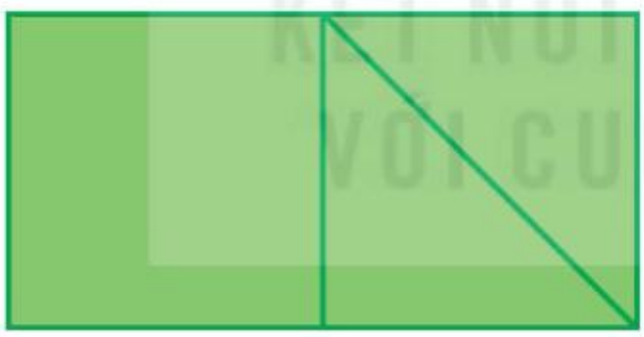
*Lưu ý:*

– GV theo dõi HS tự hoàn thành sản phẩm, chỉ hướng dẫn, giúp đỡ khi HS gặp vướng mắc nào đó.

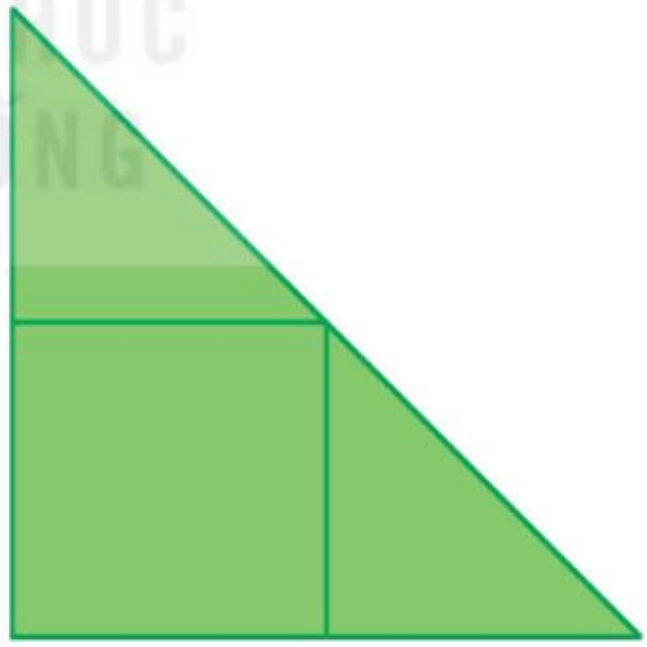
– Khi đánh giá, GV nêu cách làm của HS (có thể chiếu trên bảng) và nhận xét.

**Đáp án:**

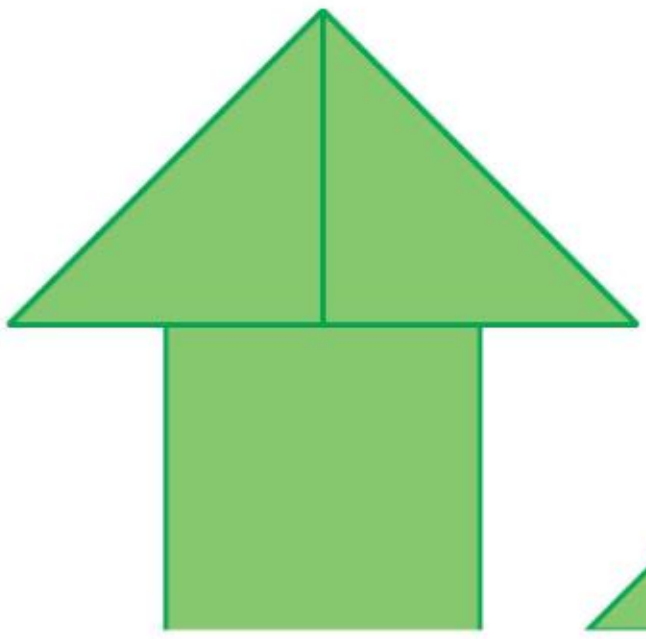
a)



b)



c)



d)



## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Thực hiện tương tự như ở phần hoạt động (với mức độ nâng cao hơn).

Yêu cầu:

- Từ 4 miếng bìa cắt ra từ một hình vuông, em ghép thành các hình ở các câu a, b, c, d (như trong SGK).
- Khi đánh giá, GV có thể nêu một phương án đã thực hiện của HS (có thể chiếu, vẽ trên bảng).

*Bài 2*: Yêu cầu HS tìm được hai miếng bìa để ghép được thành hình tròn, hình vuông, hình tam giác hoặc hình chữ nhật.

*Gợi ý:*

- HS quan sát tổng thể hình dạng cả 8 miếng bìa cần ghép và mẫu ghép hình 3 với hình B, thử chọn mỗi miếng bìa ở cột thứ nhất với một miếng bìa thích hợp ở cột thứ hai để ghép được các hình tròn, hình vuông, hình tam giác hoặc hình chữ nhật.
- Có thể thực hiện lần lượt bắt đầu từ miếng bìa 1, 2, 3, 4 (cột thứ nhất) xem nó ứng với miếng bìa nào ở cột thứ hai.

**Đáp án:**

*Bài 1:*

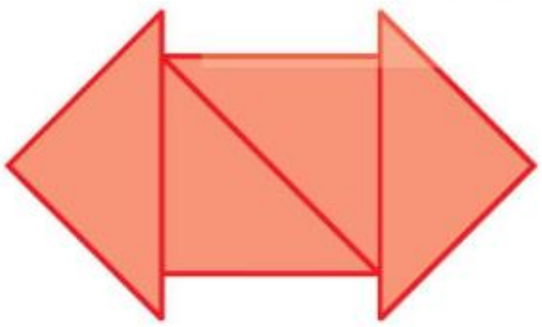
a)



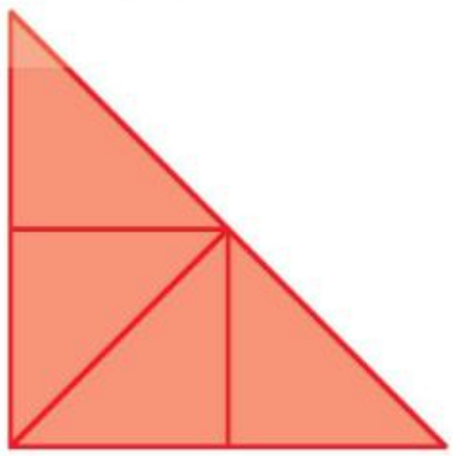
b)



c)



d)



*Bài 2:* 1 – C, 2 – A, 4 – D.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 9 LUYỆN TẬP CHUNG (1 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận dạng được các hình đã học (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật) thông qua vật thật, đồ dùng học tập.

* ***Phát triển năng lực***

Làm quen, phân tích, tổng hợp hình, phát triển tính độc lập, sáng tạo,... khi thực hiện xếp, ghép hình, đếm hình. Bước đầu phát triển tư duy lôgic khi xếp ghép hình theo các nhóm có quy luật. Gắn việc nhận dạng hình với các đồ vật thực tế ở xung quanh.

## II CHUẨN BỊ

– Một số que tính, các hình trong bộ đồ dùng học Toán 1 để xếp, ghép hình.

– Sưu tầm vật thật (hoặc tranh ảnh) có dạng các hình đã học.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tổ chức cho HS được luyện tập hoạt động cá nhân là chủ yếu.

*Bài 1*: Yêu cầu HS chỉ ra được đồ vật nào có dạng hình đã học (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật).

*Lưu ý*: Có thể liên hệ thêm những đồ vật có trong thực tế ngoài SGK.

*Bài 2:* a) Yêu cầu HS xếp que tính theo hình mẫu ở SGK.

(Nên để mỗi HS được tự tay thực hiện).

b) Yêu cầu HS dùng 5 que tính xếp thành một hình có 2 hình tam giác.

(Thường là 3 que tính xếp thành 1 hình tam giác thì 6 que tính xếp thành 2 hình tam giác.). Bài này đòi hỏi HS phải suy nghĩ cách xếp thích hợp (từ hình vẽ đã cho trong SGK, GV có thể gợi ý cách xếp 5 que tính thành một hình có 2 hình tam giác).

*Bài 3*: Yêu cầu bài này có phát triển tính lôgic (HS tìm ra quy luật theo đặc điểm nhóm hình để tìm hình thích hợp).

a) Xếp nhóm hình theo quy luật về màu sắc: đỏ, vàng, xanh, đỏ, vàng, xanh,...

b) Xếp nhóm hình theo quy luật về hình dạng: hình tam giác, hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình vuông,...

*Lưu ý*: Tuỳ theo mức độ, có thể lựa chọn những quy luật đơn giản, phù hợp với HS (không nên có quy luật phức tạp không phù hợp với HS lớp 1).

*Bài 4*: Yêu cầu: Đếm số hình tam giác dùng để ghép thành một hình đã cho (ngược với bài từ một số hình tam giác đã cho ghép thành một hình nào đó).

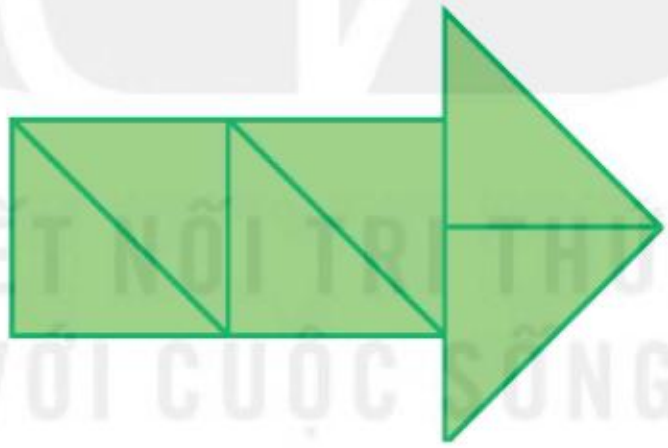
*Lưu ý*: HS phải tưởng tượng hình dạng rồi ước lượng số hình tam giác cần ghép. Khi ghép được đúng hình đã cho thì đếm số hình tam giác đã dùng để ghép được hình đó.

**Đáp án:** *Bài 2:* b)



*Bài 3:* a) chọn A; b) chọn A.

*Bài 4:* Bạn Mai đã dùng 6 miếng bìa hình tam giác.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Chủ đề 3 PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

## Bài 10 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng là "gộp lại", là "thêm vào". Biết tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 10 bằng cách đếm tất cả hoặc đếm thêm.
- Bước đầu nhận biết được đặc điểm của phép cộng với 0: số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó, 0 cộng với số nào cũng bằng chính số đó. Vận dụng được đặc điểm này trong thực hành tính.
- Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10.
- Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng (theo thứ tự từ trái sang phải).
- Bước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các công thức số (dạng $3 + 4 = 4 + 3$). Vận dụng tính chất này trong thực hành tính.

* ***Phát triển năng lực***

- Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.
- Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của bài toán.

### II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.
- Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### Tiết 1

**1. Khám phá:** Gộp lại thì bằng mấy?

a) Hình thành "khái niệm" ban đầu của phép cộng theo ý nghĩa là *gộp lại*. Cách tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm và đếm tất cả.

– GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu vấn đề (bài toán) cần giải quyết. Chẳng hạn, các em có thể nêu: Bạn Nam có 3 quả bóng bay, bạn Mai có 2 quả bóng bay. Gộp lại, cả hai bạn có bao nhiêu quả bóng bay?

– GV hướng dẫn HS tự nêu câu trả lời: cả hai bạn có 5 quả bóng bay hay gộp lại có 5 quả bóng bay. GV nêu đầy đủ: 3 quả bóng và 2 quả bóng là 5 quả bóng. GV gọi một vài HS nhắc lại.

– Tương tự như trên, GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK hoặc lấy 3 chấm tròn màu đỏ và 2 chấm tròn màu xanh trong bộ đồ dùng học tập để nêu được: 3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn.

– GV nêu: "3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn; 3 và 2 là 5". Gọi một vài HS nêu lại "3 và 2 là 5".

– GV nêu "Ta viết 3 và 2 là 5 như sau: 3 + 2 = 5 (viết lên bảng), đọc là: ba cộng hai bằng năm". GV chỉ vào dấu + và nói dấu này là dấu cộng.

– GV gọi một vài HS đọc phép tính 3 + 2 = 5. GV gọi HS lên bảng viết 3 + 2 = 5 và đọc phép tính. GV có thể gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi "ba cộng hai bằng mấy?".

b) – GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu được 1 ô tô màu vàng và 3 ô tô màu đỏ là 4 ô tô (dựa vào đếm tất cả). GV cho HS đọc phép tính 1 + 3 = 4.

– GV gọi một vài HS lên bảng viết 1 + 3 = 4 và đọc phép tính.

– GV gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi "một cộng ba bằng mấy?".

## 2. Hoạt động

*Bài 1:*

– Bài này nhằm củng cố "khái niệm" phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại, tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm tất cả.

– GV đọc và giải thích yêu cầu của để bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HS quan sát, mô tả nội dung từng hình để tìm được số thích hợp trong ô. Chẳng hạn: a) 1 quả táo màu đỏ và 1 quả táo màu xanh là 2 quả táo. Vậy số thích hợp trong ô là 2 (1 + 1 = 2). Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép tính.

*Bài 2:*

– Dạng bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài. GV có thể hướng dẫn HS quan sát từng hình vẽ trong SGK để nêu tình huống bài toán tương ứng, từ đó tìm được số thích hợp trong ô. Chẳng hạn:

a) Có 2 gấu bông màu vàng và 2 gấu bông màu đỏ. Hỏi có tất cả mấy gấu bông? Từ đó HS thấy được 2 và 4 là các số thích hợp (2 + 2 = 4).

b) Có 4 con vịt ở dưới nước và 1 con vịt ở trên bờ. Hỏi có tất cả mấy con vịt?

Từ đó HS thấy được 1 và 5 là các số thích hợp (4 + 1 = 5).

*Bài 3:*

– Bài tập này nhằm giúp HS biết biểu thị mối quan hệ giữa các số qua phép cộng, từ đó các em ghi nhớ các công thức cộng trong phạm vi 5.

– GV cho HS quan sát, nhận xét bài mẫu để nhận ra trong mỗi trường hợp đều có "cộng hai số ở hai ô dưới được số ở ô trên".

– GV cho HS làm rồi chữa bài. Sau mỗi phần, GV gọi HS đọc các phép tính đó.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:*

– Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.

– GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài và hướng dẫn HS nêu cách tìm kết quả của từng phép tính (đếm tất cả). Sau đó cho HS làm bài rồi chữa bài.

– Sau khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bài để nhận ra các phép cộng có kết quả bằng 6, chẳng hạn: năm cộng một bằng sáu, bốn cộng hai bằng sáu,…

*Bài 2:*

– Bài này nhằm giúp HS củng cố phép cộng trong phạm vi 6.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi làm bài, GV có thể yêu cầu HS đổi vở cho nhau để kiểm tra, chữa bài.

*Bài 3:*

– Dạng bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài. GV có thể hướng dẫn HS quan sát từng hình vẽ trong SGK để nêu tình huống bài toán tương ứng, từ đó tìm được số thích hợp với dấu "?" trong ô. Chẳng hạn:

a) Có 3 con thỏ trắng và 1 con thỏ vàng. Hỏi có tất cả mấy con thỏ?

*Bài 4:*

– Bài này nhằm giúp HS củng cố phép cộng trong phạm vi 6.

– GV giải thích yêu cầu của đề bài : Tìm số thích hợp trong ô. GV hướng dẫn HS tìm số thích hợp dựa vào các phép cộng đã học. Chẳng hạn, GV hỏi "1 cộng mấy bằng hai?" để HS nhận ra số phải tìm là 1. Sau đó cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi làm bài, GV có thể yêu cầu HS đổi vở cho nhau để kiểm tra, chữa bài.

## Tiết 3

### 1. Khám phá: Thêm vào thì bằng mấy?

Hình thành "khái niệm" ban đầu của phép cộng theo ý nghĩa là *thêm*. Cách tìm kết quả phép cộng dựa vào "đếm thêm".

– GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu vấn đề cần giải quyết. Chẳng hạn: Lúc đầu trong bình có 5 bông hoa, cắm thêm 2 bông hoa nữa. Vậy trong bình có tất cả mấy bông hoa?

– GV để HS tự nêu câu trả lời: 5 bông hoa thêm 2 bông hoa được 7 bông hoa. Có tất cả 7 bông hoa. GV gọi một vài HS nhắc lại.

– Tương tự như trên, GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK hoặc lấy 5 chấm tròn màu đỏ rồi lấy thêm 2 chấm tròn màu xanh trong bộ đồ dùng học tập để nhận ra 5 chấm tròn thêm 2 chấm tròn bằng 7 chấm tròn. GV nêu: Muốn biết có tất cả mấy chấm tròn ta đếm tất cả các chấm tròn, nhưng còn có cách đếm khác nhanh hơn đó là "đếm thêm" bắt đầu từ 5 (5 chấm tròn màu đỏ): 5, 6, 7. Vậy có tất cả 7 chấm tròn.

– GV nêu: "5 chấm tròn thêm 2 chấm tròn bằng 7 chấm tròn hay 5 thêm 2 bằng 7". Gọi một vài HS nêu lại "5 thêm 2 bằng 7".

– GV nêu "5 thêm 2 bằng 7, ta cũng viết là: 5 + 2 = 7 (viết lên bảng), đọc là:

năm cộng hai bằng bảy".

– GV gọi một vài HS đọc phép tính 5 + 2 = 7. GV có thể gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi "năm cộng hai bằng mấy?".

*Lưu ý:* GV có thể nêu một số tình huống tương tự để hình thành phép cộng và tìm kết quả phép cộng bằng cách "đếm thêm".

### 2. Hoạt động

*Bài 1:*

– Bài này nhằm củng cố "khái niệm" phép cộng theo ý nghĩa là thêm, cách tìm kết quả phép cộng dựa vào "đếm thêm".

– GV giải thích yêu cầu của để bài, cho HS nhắc lại yêu cầu của để bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HS "mô tả nội dung" từng hình, thực hiện đếm thêm để tìm kết quả phép tính. Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép tính.

– GV lưu ý HS khi tìm kết quả phép cộng bằng cách đếm thêm, để nhanh có kết quả ta bắt đầu đếm từ số lớn trong phép cộng đó. Chẳng hạn, để tìm kết quả phép cộng 2 + 4 ta đếm thêm bắt đầu từ 4: 4, 5, 6 (đếm bắt đầu từ 2 sẽ phải đếm nhiều hơn: 2, 3, 4, 5, 6 và do đó dễ nhầm lẫn). GV có thể nêu một vài phép cộng để HS tìm kết quả dựa vào đếm thêm, chẳng hạn:

6 + 2, 3 + 5,...

*Bài 2:*

– Dạng bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV đọc và giải thích yêu cầu của để bài rồi cho HS làm bài. GV có thể hướng dẫn HS quan sát từng hình vẽ trong SGK để nêu tình huống bài toán tương ứng rồi tìm số thích hợp trong ô. Chẳng hạn:

a) Có 4 bạn đang chơi ở cầu trượt, có thêm 2 bạn đến chơi cùng. Hỏi có tất cả mấy bạn chơi cầu trượt?

b) Lúc đầu có 3 bạn đang chơi nhảy dây, sau đó thêm 3 bạn đến chơi cùng. Hỏi có tất cả mấy bạn chơi nhảy dây?

*Bài 3:*

– Bài này nhằm củng cố và hình thành các phép cộng trong phạm vi 10. HS sử dụng đếm thêm để tìm kết quả phép tính.

– GV có thể tổ chức cho HS làm bài tập này như một trò chơi: HS chơi theo từng cặp và tự đánh giá ai làm nhanh và đúng.

**Đáp án:** *Bài 2:* a) 4 + 2 = 6; b) 3 + 3 = 6.

## Tiết 4

### 1. Khám phá: Số 0 trong phép cộng

– GV cho HS quan sát hình trong SGK, nêu bài toán rồi trả lời, chẳng hạn:

a) Đĩa thứ nhất có 4 quả cam, đĩa thứ hai có 0 quả cam. Hỏi cả hai đĩa có mấy quả cam?

GV gợi ý để HS nêu "4 quả cam và 0 quả cam là 4 quả cam" hay "bốn cộng không bằng bốn". GV viết lên bảng phép tính 4 + 0 = 4 rồi cho HS đọc phép tính.

b) Hướng dẫn tương tự như câu a.

– Sau khi làm xong cả hai phần, GV có thể nêu thêm một vài phép cộng với 0, yêu cầu HS tính kết quả.

Chẳng hạn, tính: 1 + 0; 0 + 1; 3 + 0; 0 + 3.

Từ đó GV giúp HS nhận ra: "một số cộng với 0 bằng chính số đó" và "0 cộng với một số bằng chính số đó".

## 2. Hoạt động

*Bài 1:*

– Bài này nhằm giúp HS củng cố cách thực hiện phép cộng trong phạm vi 10.

– GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài.

– Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép cộng, chẳng hạn: 0 cộng 4 bằng 4,...

*Lưu ý:* Có thể cho HS nhận xét để nhận ra: Các phép cộng ở cột thứ nhất đều có kết quả bằng 4, các phép cộng ở cột thứ hai đều có kết quả bằng 5, các phép cộng ở cột thứ ba đều có kết quả bằng 6.

*Bài 2:*

– Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 7.

– GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV giúp HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào các phép cộng đã biết hoặc đếm thêm.

– Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bảng, chẳng hạn: 6 + 1 = 7, 5 + 2 = 7,...

*Bài 3:*

– Bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV cho HS quan sát từng hình vẽ trong SGK, nêu tình huống bài toán tương ứng rồi tìm số thích hợp.

*Lưu ý:* Mục tiêu của dạng bài tập này là giúp HS hình thành năng lực biểu thị một tình huống bài toán tương ứng với hình vẽ bằng một phép cộng. HS có thể nêu các tình huống bài toán khác nhau, nên có thể viết các phép cộng khác nhau. Vì vậy, GV không áp đặt HS theo ý của GV, điều quan trọng là giúp HS biết chọn phép cộng phù hợp với tình huống bài toán mà các em đã nêu.

*Bài 4:*

– Dạng bài này giúp HS củng cố các phép cộng đã học. HS có thể sử dụng các đồ dùng trực quan như que tính, ngón tay,... hoặc đếm thêm để tìm kết quả phép tính.

– GV cho HS thực hiện từng phép tính, rồi tìm ngôi nhà ghi kết quả phép tính đó. Ngôi nhà đó chính là chuồng của thỏ.

*Lưu ý:*

- GV có thể thay các phép cộng đã cho bằng các phép cộng khác đã biết và các số tương ứng là kết quả của các phép cộng đó để HS được củng cố nhiều phép cộng hơn.
- GV có thể tổ chức cho HS làm bài này dưới dạng "trò chơi": Nối mỗi chú thỏ với chuồng thích hợp.

**Đáp án:** *Bài 3:* a) 5 + 0 = 5 hoặc 0 + 5 = 5; b) 3 + 4 = 7 hoặc 4 + 3 = 7.

## Tiết 5. Luyện tập

*Bài 1:*

- Bài này nhằm củng cố tìm kết quả phép cộng và giúp HS nhận biết bước đầu tính chất giao hoán của phép cộng dưới dạng công thức số.
- GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HS "mô tả nội dung" từng hình rồi tìm kết quả của phép tính. Chẳng hạn: a) 6 quả cam màu vàng và 2 quả cam màu xanh là 8 quả cam (6 + 2 = 8, 2 + 6 = 8). Khi chữa bài, GV cho HS nhận xét kết quả của hai phép cộng đó: 6 + 2 và 2 + 6 cùng có kết quả bằng 8 để nhận ra 6 + 2 = 2 + 6 hay "Khi đổi chỗ các số trong phép cộng, kết quả không thay đổi". Từ đó, khi biết 6 + 2 = 8 ta có ngay 2 + 6 = 8.

*Bài 2:*

- Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 8.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV có thể hướng dẫn HS làm theo từng cột và tìm kết quả phép tính thứ nhất dựa vào "đếm thêm" rồi suy ra kết quả phép tính thứ hai trong cùng cột.
- Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bài.

*Bài 3:*

- Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 9.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV hướng dẫn HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào "đếm thêm" hoặc phép cộng đã biết.
- Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bảng, chẳng hạn: 9 + 0 = 9, 8 + 1 = 9,...

*Bài 4:*

- Bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV cho HS quan sát từng hình vẽ trong SGK, nêu tình huống bài toán tương ứng rồi viết phép tính thích hợp với tình huống đã nêu. Chẳng hạn: a) Có 4 con bướm đang đậu và có 4 con bướm bay tới. Hỏi tất cả có mấy con bướm?

– GV không áp đặt HS theo ý của mình, điều quan trọng là giúp HS viết được phép tính phù hợp với tình huống bài toán mà các em đã nêu.

**Trò chơi:** Cặp tấm thẻ anh em

– Trò chơi này nhằm giúp HS củng cố các phép cộng trong phạm vi 10.

– Trước khi tổ chức cho HS chơi, GV đọc và giải thích nội dung của trò chơi sau đó hướng dẫn để HS nêu cách chơi. GV tổ chức chơi theo từng nhóm từ 4 đến 6 HS, mỗi cuộc có 2 HS tham gia chơi, các HS còn lại giám sát và đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung sau khi kết thúc trò chơi.

*Lưu ý:*

– Sau một vài cuộc chơi, GV có thể thay các tấm thẻ khác chứa các phép cộng tương ứng có cùng kết quả với các tấm thẻ đã cho để HS được củng cố nhiều phép cộng hơn.

– Tuỳ điều kiện thời gian, trò chơi có thể lặp lại nhiều lần. Tuy nhiên, cần dành thời gian để tất cả HS đều được chơi ít nhất một lần.

**Đáp án:** *Bài 4:* a) 4 + 4 = 8; b) 3 + 6 = 9 hoặc 6 + 3 = 9.

## Tiết 6. Luyện tập

*Bài 1:*

– Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 10.

– GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV hướng dẫn HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào các phép cộng đã biết hoặc "đếm thêm".

– Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bảng, chẳng hạn: 9 + 1 = 10, 8 + 2 = 10,...

– GV có thể yêu cầu HS nêu kết quả của từng phép cộng sau: 4 + 6, 3 + 7, 2 + 8, 1 + 9.

*Bài 2:*

a) – GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

– Sau khi chữa bài, GV yêu cầu HS đọc hai phép tính ở từng cột.

b) GV hướng dẫn HS cách làm bài rồi chữa bài, chẳng hạn: 4 + ? = 7. GV hỏi: "4 cộng mấy bằng 7?".

Từ đó, HS nêu được: 4 cộng 3 bằng 7 nên số phải tìm là 3.

*Bài 3:*

*) – GV nêu yêu cầu của để bài, rồi cho HS quan sát bức tranh, từ đó tự nêu được bài toán theo tình huống như trong SGK.

– GV hướng dẫn để HS nhận ra:

+ "3 bông hoa và 1 bông hoa là 4 bông hoa", vì 3 + 1 = 4.

(GV hỏi: 3 bông hoa và 1 bông hoa là mấy bông hoa?)

+ "4 bông hoa và 2 bông hoa là 6 bông hoa", vì 4 + 2 = 6.

(GV hỏi: 4 bông hoa và 2 bông hoa là mấy bông hoa?)

Vậy có tất cả 6 bông hoa.

– GV giới thiệu: Ta có thể viết: 3 + 1 + 2 = 6 (nhẩm là: 3 + 1 = 4, 4 + 2 = 6).

*) – GV hướng dẫn HS cách làm, chẳng hạn:

GV chỉ vào 1 + 2 + 2 nêu: "Ta phải làm bài này như thế nào?".

Ta làm như sau: lấy 1 cộng 2 bằng 3 rồi lấy 3 cộng 2 bằng 5.

Vậy 1 + 2 + 2 = 5.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

*Bài 4:*

– GV nêu yêu cầu của để bài, gọi HS nhắc lại.

– GV hướng dẫn để HS nêu cách làm: Tính kết quả của các phép cộng đã cho rồi nêu các quả bóng chứa phép tính có kết quả bằng 10.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài. Khi chữa bài, yêu cầu HS chỉ vào từng quả bóng có kết quả bằng 10 và đọc phép tính.

*Bài 5:*

– Bài này nhằm giúp HS phát triển khả năng quan sát, dự đoán, khái quát hoá. Đây là bài tập khó, dành cho HS khá, giỏi nên GV không yêu cầu bắt buộc tất cả HS phải làm.

– GV giải thích yêu cầu của để bài. Khi làm bài này đòi hỏi HS phải biết quan sát, nhận xét để nhận ra mối liên hệ giữa các số trên tháp số.

– GV cho HS quan sát tháp số và dựa vào gợi ý của Rô-bốt để nhận ra: 4 + 1 = 5, số 5 ở ô chính giữa và trên hai ô số 4 và 1; tương tự với 1 + 1 = 2; 5 + 2 = 7. Từ đó, tìm được số thích hợp trong các ô còn lại theo thứ tự từ dưới lên là: 1, 3, 10.

*Lưu ý:* Nếu không còn thời gian trên lớp thì GV gợi ý để HS nêu được nhận xét như trên, HS sẽ làm bài khi tự học.

# Bài 11 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Nhận biết được ý nghĩa của phép trừ.

– Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10.

– Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có 2 dấu phép tính trừ.

* ***Phát triển năng lực***

– Thông qua giải các bài toán thực tế liên quan đến phép trừ HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.

– Thông qua diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và trả lời câu hỏi của bài toán, HS được phát triển năng lực giao tiếp toán học.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Xúc xắc để tổ chức trò chơi (cho mỗi HS, hoặc cho nhóm).

– Tìm các bài toán, tình huống thực tế liên quan đến phép trừ,...

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

**1. Khám phá:** Bớt đi còn lại mấy?

a) – GV nêu bài toán (như SGK): "Có 6 quả cam, bớt 1 quả, còn lại mấy quả cam?".

– HS có thể đếm số cam còn lại là 5 quả.

– GV dẫn ra: "6 quả bớt 1 quả còn 5 quả", hay nói "6 bớt 1 là 5", 6 trừ 1 là 5, viết là: 6 – 1 = 5, dấu – là dấu trừ. Phép tính 6 – 1 = 5 đọc là sáu trừ một bằng năm.

b) Dựa vào câu a, HS tự trả lời câu hỏi: "5 quả bóng, bay mất 2 quả, còn lại 3 quả bóng", rồi tương tự nêu được phép tính: 5 – 2 = 3.

**2. Hoạt động**

*Bài 1:* a) Quan sát tranh, HS nêu được phép trừ: 8 – 3 = 5 rồi nêu số thích hợp trong ô. Có thể nêu tình huống: Trên cây có 8 quả bưởi, đã hái đi 3 quả. Hỏi trên cây còn mấy quả bưởi?

b) Tương tự câu a, HS nêu được phép trừ: 10 – 7 = 3, rồi nêu số thích hợp trong ô dấu ?.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Có thể nêu tình huống trong ổ có 10 quả trứng, đã nở 7 quả trứng. Hỏi còn mấy quả trứng chưa nở thành gà con?

*Bài 2*: Quan sát hình vẽ để hiểu được gạch đi nghĩa là trừ đi, rồi từ hình vẽ HS tìm ra kết quả phép tính thích hợp. Chẳng hạn: 7 – 2 = 5; 7 – 5 = 2; 8 – 5 = 3; 6 – 4 = 2; 9 – 4 = 5.

*Lưu ý:* HS nhận biết và biết cách tính các "công thức" tính vừa hình thành.

## Tiết 2

**1. Khám phá:** Tách ra còn lại mấy?

a) HS quan sát tranh rồi trả lời câu hỏi bài toán (Lọ hoa có 9 bông hoa gồm cả hoa màu đỏ và hoa màu vàng, biết hoa màu vàng có 3 bông. Hỏi hoa màu đỏ có mấy bông?). Từ đó hình thành phép trừ 9 – 3 = 6 (đọc là chín trừ ba bằng sáu).

*Lưu ý*: Có thể từ mô hình tách số 9 thành 3 và 6 giúp hình thành phép trừ 9 – 3 = 6.

b) Tương tự câu a, HS quan sát tranh (8 quả tách ra 5 quả ở đĩa màu xanh, còn lại 3 quả ở đĩa màu vàng). Từ câu hỏi hình thành phép trừ 8 – 3 = 5, đọc là tám trừ ba bằng năm (có thể dựa vào sơ đồ tách số 8 thành 5 và 3 như hình vẽ trong SGK để nêu phép trừ thích hợp).

**2. Hoạt động**

*Bài 1*: HS quan sát tranh có 6 con thú bông, tách thành hai nhóm, nhóm gấu bông (2 con) và nhóm sóc bông (cần tìm). Từ đó hình thành phép trừ 6 – 2 = 4, HS tự nêu câu trả lời có 4 sóc bông (nêu, viết số thích hợp vào ô dấu ?).

*Bài 2*: HS quan sát tranh có 8 con thỏ tách thành hai nhóm, nhóm vào chuồng A (4 con), nhóm vào chuồng B (cần tìm). Từ câu hỏi bài toán hình thành phép trừ 8 – 4 = 4, HS tự nêu câu trả lời có 4 con thỏ vào chuồng B (nêu, viết số thích hợp vào ô dấu ?).

*Bài 3*: Dựa vào tách số, HS tìm được kết quả phép trừ tương ứng (qua đó nhận biết và biết cách tính các "công thức" tính trong bảng).

*Bài 4*: HS quan sát tranh rồi viết được phép tính thích hợp 10 – 3 = 7 (có 10 con chim, 3 con bay đi, còn mấy con ở trên cành?) (nêu, viết số thích hợp vào ô dấu ?).

**Đáp án:** *Bài 1*: 4 sóc bông.

*Bài 2*: 4 con thỏ.

*Bài 3*: a) 6 – 5 = 1; 6 – 1 = 5; b) 7 – 1 = 6; 7 – 6 = 1.

c) 9 – 2 = 7; 9 – 7 = 2; d) 10 – 2 = 8; 10 – 8 = 2.

*Bài 4*: 10 – 3 = 7.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* Giúp HS hình thành bảng trừ trong phạm vi 6 (6 – 1 = 5, 6 – 2 = 4, 6 – 3 = 3, 6 – 4 = 2, 6 – 5 = 1). Từ đó biết cách hình thành bảng trừ trong phạm vi 10.

*Lưu ý:* Hình vẽ giúp HS hình thành từng phép trừ tương ứng mỗi hàng.

*Bài 2:* HS nhẩm tính ra kết quả các phép tính ghi trên mỗi con thỏ. Từ đó tìm ra các con thỏ ghi phép tính có kết quả là 4. Chẳng hạn:

Các con thỏ ghi phép tính có kết quả là 4 là: 5 – 1 = 4, 6 – 2 = 4, 7 – 3 = 4, 8 – 4 = 4.

*Bài 3:* Yêu cầu HS nhẩm được kết quả các phép tính: 9 – 3 = 6, 9 – 4 = 5, 9 – 5 = 4, 9 – 6 = 3, 9 – 7 = 2, 9 – 8 = 1, rồi nêu, viết kết quả vào ô dấu ? trong bảng.

*Bài 4:* Yêu cầu HS từ mỗi hình vẽ tìm ra phép tính thích hợp.

Chẳng hạn: Với hình vẽ đầu tiên: Có 10 con ếch trên lá sen, có 5 con ếch nhảy xuống nước, còn lại mấy con ếch? Từ đó nêu phép tính tương ứng là 10 – 5 = 5.

Tương tự với hai hình vẽ còn lại (HS quan sát tranh, nêu bài toán rồi tìm phép tính thích hợp trả lời câu hỏi bài toán đó).

## Tiết 4

### 1. Khám phá: Số 0 trong phép trừ

– Qua các câu hỏi và hình ảnh ở câu a, câu b, GV yêu cầu HS nêu được các phép tính tương ứng: 3 – 1 = 2, 3 – 2 = 1.

– Ở câu c, HS nêu được phép tính 3 – 3. Quan sát thấy trong bể cá không còn con cá nào, từ đó có kết quả phép tính: 3 – 3 = 0.

– Ở câu d, GV gợi ý để HS nêu được phép tính 3 – 0. Quan sát thấy trong bể vẫn còn 3 con cá, từ đó có kết quả phép tính: 3 – 0 = 3.

*Lưu ý:* GV có thể nêu cho HS biết: "Số nào trừ đi chính số đó cũng bằng 0, số nào trừ cho 0 cũng bằng chính số đó".

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* Dựa vào lưu ý ở "Khám phá", HS có thể nhẩm ra kết quả, rồi nêu kết quả từng phép tính trong bài.

*Bài 2:* HS nhẩm ra kết quả từng phép tính rồi tìm được các phép tính có cùng kết quả.

*Bài 3:* HS quan sát hình vẽ (hiểu được lúc đầu có 3 con vịt ở trong chuồng, sau đó cả 3 con chạy ra hết), từ đó nêu được phép tính thích hợp: 3 – 3 = 0.

**Đáp án:** *Bài 2:* 7 – 4 = 3 – 0 = 3; 5 – 5 = 3 – 3 = 0; 7 – 0 = 9 – 2 = 7; 4 – 0 = 6 – 2 = 4.

## Tiết 5. Luyện tập

*Bài 1:* a) Yêu cầu HS tính nhẩm ra kết quả từng phép tính. (2 – 1 = 1, 3 – 2 = 1, 4 – 3 = 1, 4 – 4 = 0, 4 – 1 = 3, 3 – 1 = 2, 5 – 1 = 4, 2 – 0 = 2).

b) Yêu cầu HS tính nhẩm tìm ra kết quả từng phép trừ trong bảng (nêu, viết số vào ô dấu ? trong bảng).

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính nhẩm tìm ra kết quả phép tính ghi ở mỗi bông hoa. Sau đó so sánh kết quả mỗi phép tính với 3. Từ đó tìm được bông hoa ghi phép tính có kết quả lớn hơn 3. Chẳng hạn: Tìm được các bông hoa ghi phép tính có kết quả lớn hơn 3 là: 7 – 2 = 5, 8 – 4 = 4, 4 – 0 = 4, 6 – 1 = 5.

*Bài 3:*

a) Quan sát tranh, HS đếm được có 5 con cá đang cắn câu (có 2 lưỡi câu mắc vào cụm rong).

b) Nhẩm 7 – 2 bằng mấy? (ghi được 7 – 2 = 5). Nhẩm 7 trừ mấy bằng 2? (ghi được 7 – 5 = 2).

Có thể hướng dẫn để HS nêu: "Có 7 con mèo, 5 con câu được cá, còn lại mấy con chưa câu được cá?" (ứng với phép tính 7 – 5 = 2).

*Bài 4:* GV hướng dẫn HS quan sát tranh và nêu được tình huống "Có 8 con vịt, có 5 con bơi dưới nước. Hỏi có mấy con vịt ở trên bờ?". Từ đó nêu được phép tính thích hợp: 8 – 5 = 3.

## Tiết 6. Luyện tập

*Bài 1:* Dẫn đến phép trừ có 2 dấu phép tính.

HS quan sát tranh, rồi nêu phép tính thích hợp với từng tình huống:

– Lần thứ nhất vớt ra 3 con, còn 6 con cá (9 – 3 = 6).

Lần thứ hai vớt tiếp ra 2 con, còn 4 con cá (6 – 2 = 4).

– Sau cả hai lần vớt còn 4 con cá (9 – 3 – 2 = 4).

GV chốt lại: Muốn tính 9 – 3 – 2 = ?, ta tính nhẩm từ trái sang phải 9 – 3 = 6, 6 – 2 = 4, rồi ghi kết quả cuối cùng là: 9 – 3 – 2 = 4.

*Bài 2*: HS tính lần lượt từ trái sang phải (câu a, b, c thực hiện liên tiếp 2 phép trừ, với câu d thực hiện cộng trước rồi trừ sau). Chẳng hạn có kết quả: a) 8 – 2 – 3 = 3; b) 7 – 4 – 1 = 2; c) 10 – 5 – 2 = 3; d) 3 + 6 – 4 = 5.

**Trò chơi:** Câu cá

*Yêu cầu:*

– Củng cố các phép trừ trong phạm vi 10.

– Tổ chức chơi theo đôi một hoặc nhóm (theo luật chơi hấp dẫn, gây hứng thú học tập) theo các bước sau:

+ Nêu mục tiêu: Củng cố phép trừ trong phạm vi 10.

+ Cách chơi (như SGK).

+ Thực hiện trò chơi ở lớp.

+ Tổng kết, nhận xét, đánh giá kết quả chơi.

# Bài 12 BẢNG CỘNG, BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Hình thành được bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 và vận dụng tính nhẩm.

* ***Phát triển năng lực***

Qua việc xây dựng bảng cộng, bảng trừ, thấy được mối quan hệ ngược giữa phép cộng và phép trừ, từ đó HS được phát triển tư duy lôgic. Qua giải các bài toán có tình huống thực tế HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Những mô hình, vật liệu, xúc xắc,... để tổ chức hoạt động, trò chơi.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

**1. Khám phá:** Bảng cộng

Từ hình ảnh các bông hoa, HS hình thành các phép tính cộng có kết quả bằng 7. (Nêu được kết quả các phép tính 1 + 6, 2 + 5, 3 + 4, 4 + 3, 5 + 2, 6 + 1).

**2. Hoạt động**

*Bài 1:* HS tự thực hiện tính nhẩm các phép tính cộng có kết quả bằng 10.

*Bài 2:* Đây là bảng cộng trong phạm vi 10. HS hoàn thành bảng này (nêu được kết quả các phép tính còn thiếu trong bảng).

*Lưu ý:* HS được hệ thống lại các phép tính đã học thành bảng. Sau khi hình thành bảng, GV có thể cho HS đọc kết quả phép tính theo từng cột trong bảng (để nhận biết, hệ thống).

*Bài 3:* HS nhẩm kết quả các phép tính ở mỗi chú ong rồi tìm cánh hoa cho mỗi chú ong (chú ong sẽ đậu vào cánh hoa chứa kết quả của phép tính ghi trên chú ong đó). Chẳng hạn: Cánh hoa số 5 cho các chú ong ghi phép tính 3 + 2 và 4 + 1.

Thực chất là bài nối phép tính với số là kết quả của phép tính đó.

### Tiết 2

**1. Khám phá:** Bảng trừ

Từ hình ảnh các bông hoa, HS hình thành các phép tính 8 trừ cho một số. (Nêu được kết quả các phép tính 8 – 1, 8 – 2, 8 – 3, 8 – 4, 8 – 5, 8 – 6, 8 – 7).

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS thực hiện tính nhẩm các phép tính 6 trừ cho một số.

*Bài 2:* Đây là bảng trừ trong phạm vi 10. HS hoàn thành bảng trừ này (nêu được kết quả các phép tính còn thiếu trong bảng).

*Lưu ý:* GV cho HS đọc kết quả phép tính theo từng cột giúp HS nhận biết, hệ thống các phép tính trừ đã học.

*Bài 3:* HS tính nhẩm ra kết quả các phép tính ghi ở các lá cờ cắm trong mỗi lọ hoa. (Có thể nhận thấy các phép tính ở trên các lá cờ cắm chung một lọ hoa thì có cùng kết quả).

**Đáp án:** *Bài 3:* 4 – 1 = 5 – 2 = 6 – 3 = 8 – 5 = 3;

4 – 0 = 7 – 3 = 5 – 1 = 4;  6 – 1 = 10 – 5 = 5.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* Dựa vào hình vẽ, HS nêu bài toán, tìm phép tính thích hợp rồi tính kết quả (nêu, viết số thích hợp vào ô dấu ? ở mỗi phép tính).

*Bài 2:* HS thực hiện các phép tính theo thứ tự mũi tên trong mỗi sơ đồ. Tìm ra số thích hợp trong ô rồi nêu, viết số thích hợp đó vào ô dấu ?.

**Trò chơi:** Chọn tấm thẻ nào?

*Yêu cầu:*

– Củng cố phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10.

– Tổ chức chơi theo cách chơi trong SGK (theo luật chơi hấp dẫn, gây hứng thú học tập).

– Thực hiện các bước chơi (như trò chơi trong tiết 6 – Luyện tập – trang 51, SGV Toán 1).

# Bài 13 LUYỆN TẬP CHUNG (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận biết được ý nghĩa thực tế của phép cộng, phép trừ. Thực hiện được phép cộng, phép trừ (tính nhẩm) trong phạm vi 10.

* ***Phát triển năng lực***

Tiếp tục củng cố năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp khi nêu được phép tính thích hợp với mỗi tình huống thực tế (qua tranh vẽ).

## II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Yêu cầu:* Củng cố mối quan hệ của phép cộng và phép trừ. Tăng cường tính nhẩm (dựa vào bảng cộng, bảng trừ).

*Bài 1:* Yêu cầu HS tính nhẩm tìm ra kết quả, thấy được tính chất giao hoán của phép cộng, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính nhẩm, nêu được kết quả các phép tính còn thiếu trong bảng.

*Bài 3:* Tương tự như bài 2.

*Bài 4:*

a) HS tính nhẩm tìm ra kết quả từng phép tính từ trái sang phải.

b) HS phát hiện ra "quy luật": $1 + 2 = 3$, $2 + 1 = 3$, $1 + 0 = 1$, tiếp đến $3 + 3 = 6$, $3 + 1 = 4$, $6 + 4 = 10$.

### Tiết 2. Luyện tập

*Yêu cầu:* Củng cố thực hiện tính (tính nhẩm) cộng, trừ trong phạm vi 10.

*Bài 1:* Yêu cầu HS tính (hoặc nhẩm) tìm ra kết quả các phép tính rồi tìm chú ong chứa phép tính có kết quả bằng 4.

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính nhẩm (dựa vào bảng cộng, trừ trong phạm vi 10), từ đó tìm số thích hợp còn thiếu trong mỗi phép tính, biết kết quả phép tính đều là 5.

*Bài 3:* a) Yêu cầu HS tính nhẩm (dựa vào bảng cộng, trừ trong phạm vi 10) để tìm ra kết quả các phép tính ghi trên mỗi quả bưởi.

b) HS dựa vào kết quả của câu a để tìm ra số quả bưởi ghi phép tính có kết quả bằng 5.

**Đáp án:** *Bài 3:* b) Có 4 quả bưởi ghi phép tính có kết quả bằng 5.

### Tiết 3. Luyện tập

*Yêu cầu:* HS nêu được phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ.

*Bài 1:* HS tự phân tích tranh vẽ, tìm ra phép tính thích hợp (gộp hai nhóm hoa ở hai hàng), viết được phép cộng $4 + 6 = 10$, rồi nêu câu trả lời: "Có tất cả 10 bông hoa".

*Bài 2:* HS tự phân tích tranh vẽ, thấy được 8 bạn đang chơi, có thêm 2 bạn chạy đến chơi cùng. Từ đó nêu được phép tính $8 + 2 = 10$.

*Bài 3:* HS thực hiện tính rồi so sánh.

*Bài 4:* Yêu cầu HS quan sát tranh, nêu được phép tính thích hợp (có 8 ô tô, có 3 ô tô chạy ra khỏi bến. Hỏi còn lại mấy ô tô?).

**Đáp án:** *Bài 1:* $4 + 6 = 10$.

*Bài 2:* $8 + 2 = 10$.

*Bài 3:* a) $9 > 4 + 1$; $8 = 10 - 2$; $7 < 2 + 6$.

b) $3 + 4 = 7$; $7 + 2 > 8$; $10 - 2 > 7$.

*Bài 4:* $8 - 3 = 5$.

# Chủ đề 4 LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH KHỐI

## Bài 14 KHỐI LẬP PHƯƠNG, KHỐI HỘP CHỮ NHẬT (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật qua các vật thật và đồ dùng học tập.

* ***Phát triển năng lực***

Bước đầu phát triển trí tưởng tượng không gian, liên hệ với thực tế, có hứng thú học tập qua việc thực hành đếm hình, xếp, ghép khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

### II CHUẨN BỊ

– Mô hình khối lập phương, khối hộp chữ nhật (bằng bìa, nhựa,...).

– Sưu tầm những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

– Các khối lập phương nhỏ để xếp, ghép hình.

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Tiết 1**

**1. Khám phá**

– Thông qua đồ vật thật (hộp quà, xúc xắc) và hình vẽ (SGK), GV cho HS quan sát giới thiệu biểu tượng khối lập phương (có mô hình minh hoạ, nhận dạng tổng thể).

– Thông qua đồ vật thật (bể cá, loa thùng) và hình vẽ (SGK), GV cho HS quan sát giới thiệu biểu tượng khối hộp chữ nhật (có mô hình minh hoạ, nhận dạng tổng thể).

**2. Hoạt động**

*Bài 1* và *Bài 2:* Yêu cầu HS quan sát các hình khối, từ đó nhận ra được hình thích hợp (là khối lập phương hoặc khối hộp chữ nhật), rồi nêu tên chữ ở dưới mỗi hình thích hợp đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Bài 3:* a) Từ các đồ vật thật (khối gỗ, hộp bút, khối ru-bích, hộp bánh), yêu cầu HS quan sát để nhận ra được đồ vật nào có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật rồi nêu tên đồ vật với khối thích hợp.

b) Mỗi em có thể nêu tên đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật mà các em biết trong thực tế quanh ta hoặc trong lớp học.

**Đáp án:** *Bài 1:* A, C.

*Bài 2:* A, B.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* GV có thể phóng to hình vẽ trong SGK hoặc chiếu lên bảng để HS quan sát, rồi tự trả lời các câu hỏi của bài toán.

a) HS quan sát, từ đó nhận biết rồi đếm số khối lập phương có trong hình vẽ.

b) HS quan sát, từ đó nhận biết qua hai dấu hiệu (khối gỗ dạng khối hộp chữ nhật và có màu đỏ), rồi đếm số khối hộp chữ nhật màu đỏ có trong hình vẽ.

*Bài 2:* Các khối gỗ lập phương xếp, ghép thành hình các chữ T, H, C. Yêu cầu HS quan sát, đếm số khối lập phương ở mỗi chữ, rồi so sánh và trả lời các câu hỏi.

*Lưu ý:* Có thể cho từng HS hoặc nhóm xếp các chữ từ những khối lập phương trong đồ dùng học tập, sau đó trả lời câu hỏi.

*Bài 3:* Các khối lập phương xếp thành các hình: A, B, C. Yêu cầu HS nhận ra hình nào là khối lập phương trong ba hình đó rồi trả lời.

*Bài 4:* Là dạng bài xếp hình thành dãy theo quy luật.

a) Yêu cầu HS quan sát để nhận ra quy luật. Xếp lần lượt các hình theo từng nhóm (khối hộp chữ nhật, khối lập phương) rồi tìm ra hình thích hợp đặt vào dấu "?".

b) HS quan sát thấy các khối lập phương được xếp theo quy luật từng nhóm gồm ba màu (đỏ, vàng, xanh,...). Từ đó tìm ra hình thích hợp đặt vào dấu "?".

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 5;

b) 2.

*Bài 2:* a) Chữ H;

b) Chữ T và C.

*Bài 3:* Hình C.

*Bài 4:* a) B;

b) A.

# Bài 15 VỊ TRÍ, ĐỊNH HƯỚNG TRONG KHÔNG GIAN (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Có nhận biết ban đầu về định hướng không gian (trước – sau, trên – dưới, phải – trái, ở giữa). Từ đó xác định được vị trí giữa các hình.

* ***Phát triển năng lực***

– Phát triển trí tưởng tượng không gian. Bước đầu biết phân tích xác định mối quan hệ vị trí giữa các hình.

## II CHUẨN BỊ

– Các hình khối, hình phẳng trong bộ đồ dùng học Toán 1.

– Liên hệ, sưu tầm tranh ảnh, mô hình thực tế liên quan đến định hướng không gian (như trong SGK),...

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

* *Trước – Sau, ở giữa*

Cho HS quan sát tranh "Thỏ xếp hàng", nhận biết được về vị trí "trước – sau, ở giữa" của các chú thỏ.

* *Trên – Dưới*

– Cho HS quan sát tranh, nhận biết được vị trí "trên – dưới" của búp bê (ở trên mặt bàn) và con mèo (ở dưới mặt bàn).

– GV có thể nêu các ví dụ khác để củng cố nhận biết quan hệ vị trí (đã nêu trên).

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS quan sát hình, nhận biết được vị trí trước, sau, ở giữa của các toa tàu rồi tìm số thích hợp trong ô.

*Bài 2:* HS quan sát hình, nhận biết được vị trí của các đèn màu đỏ, vàng, xanh trên cột đèn giao thông (trong SGK), từ đó xác định màu của mỗi đèn ở vị trí thích hợp.

### 3. Luyện tập

Củng cố nhận biết về "trước – sau", "trên – dưới".

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Bài 1:*

a) HS quan sát tranh vẽ, xác định đâu là hàng trước, đâu là hàng sau. Từ đó đếm được hàng trước có 4 bạn, hàng sau có 6 bạn.

b) HS quan sát tranh vẽ, trả lời được có tất cả 10 bạn ngồi xem phim hoạt hình.

*Lưu ý:* GV đặt thêm những câu hỏi xung quanh tranh vẽ để HS có thể xác định, nhận biết được về "trước – sau, ở giữa" (ngoài SGK).

*Bài 2:*

- Câu a, b, c: HS quan sát hình vẽ, xác định đâu là hàng trên cùng, hàng dưới cùng, đâu là hàng ở giữa. Từ đó đếm được số viên gạch ở từng hàng theo yêu cầu của đề bài.
- Câu d: HS tìm tất cả số viên gạch bằng "đếm", hay qua thực hiện tính 2 + 3 + 4 = 9.

*Lưu ý:* GV có thể gợi ý những câu hỏi khác (chẳng hạn số viên gạch ở hàng nào nhiều nhất? ít nhất?...).

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 4 bạn, 6 bạn;

b) 10 bạn.

*Bài 2:* a) 2 viên;

b) 4 viên;

c) 3 viên;

d) 9 viên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Tiết 2

### 1. Khám phá

* *Phải – Trái*

a) Cho HS quan sát tranh Thỏ và Rùa, nhận biết theo hướng nhìn của người quan sát, từ trái sang phải, để xác định bên phải là Rùa, bên trái là Thỏ.

b) Cho HS quan sát tranh, nhận biết theo hướng nhìn của người quan sát, từ trái sang phải: thứ nhất là Mai, thứ hai là Nam và thứ ba là Rô-bốt.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS tự quan sát vị trí các hình đã cho (trong SGK) để xác định bên trái là khối hình nào, bên phải là khối hình nào.

*Bài 2:* HS quan sát hình, từ đó xác định được vị trí mỗi hình theo yêu cầu của đề bài.

*Lưu ý:* GV có thể nêu các ví dụ trong thực tế (ngoài SGK) để củng cố nhận biết vị trí, định hướng trong không gian giữa các hình,...

**Đáp án:** *Bài 1:* Bên phải là khối hộp chữ nhật, bên trái là khối lập phương.

*Bài 2:* – Hình tam giác ở vị trí thứ ba.

– Hình tròn ở vị trí thứ ba.

– Hình vuông ở giữa hình tròn và hình tam giác.

### 3. Luyện tập

*Bài 1:*

a) HS quan sát rồi nêu tên các hình từ trái sang phải.

b) HS xác định hình ở giữa hình tam giác và hình tròn là hình nào rồi nêu tên hình đó.

*Bài 2:*

– Yêu cầu HS xác định được đâu là mặt trước, mặt trên, mặt bên phải của khối lập phương.

– GV gợi ý: Hình A đã cho biết màu các mặt trước, mặt trên, mặt bên phải của khối lập phương.

Dựa vào màu tô ở các mặt của hình A, HS chỉ ra được các mặt trên, mặt trước, mặt bên phải của hình B có màu nào.

*Lưu ý:* Nhận biết vị trí các mặt khối lập phương theo hướng người quan sát.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Hình tam giác, hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật.

b) Hình vuông.

*Bài 2:* Mặt trước màu xanh, mặt trên màu vàng, mặt bên phải màu đỏ.

## Bài 16 LUYỆN TẬP CHUNG (1 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Củng cố nhận dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật (qua các hoạt động đếm hình, xếp, ghép hình, trò chơi,...).

– Củng cố về vị trí, định hướng trong không gian.

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển trí tưởng tượng, định hướng trong không gian qua phân tích, tổng hợp hình, xếp, ghép hình để nhận biết các khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## II CHUẨN BỊ

Các hình khối trong bộ đồ dùng học Toán 1.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

*Bài 1:* HS nhận biết các hình nào là khối lập phương, khối hộp chữ nhật rồi nêu câu trả lời.

*Bài 2:*

– Bài này củng cố nhận dạng khối lập phương, đồng thời củng cố định hướng không gian (mặt trước, mặt trên, mặt bên phải khối lập phương).

– Yêu cầu HS nhận biết được mặt trước, mặt bên phải, mặt trên của xúc xắc, rồi tìm ra số chấm thích hợp ở mỗi mặt.

*Bài 3:* HS đếm số khối lập phương ở mỗi hình, rồi xác định câu nào đúng như yêu cầu của đề bài.

*Bài 4:*

– Yêu cầu của bài này là từ 8 khối lập phương nhỏ xếp được một khối lập phương lớn.

– Nên cho HS tự xếp bằng các khối lập phương có sẵn (mỗi cạnh gồm 2 khối lập phương nhỏ).

**Đáp án:** *Bài 1:* A, C, E là khối lập phương; B, G là khối hộp chữ nhật.

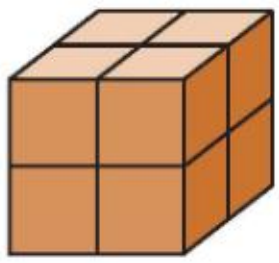
*Bài 2:* a) 5 chấm;

b) 6 chấm;

c) 3 chấm.

*Bài 3:* Câu b đúng.

*Bài 4:* Xếp thành hình sau:



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Chủ đề 5 ÔN TẬP HỌC KÌ 1

## Bài 17 ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Ôn tập, củng cố các số trong phạm vi 10 (hình thành số, nhận biết, đọc, viết số, phân tích số, sắp thứ tự, so sánh số,...).

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển tư duy lôgic, năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học khi tham gia các hoạt động trong bài học liên quan đến các số trong phạm vi 10.

### II CHUẨN BỊ

– Các đồ dùng, vật liệu để thực hiện một số trò chơi khi ôn tập.

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Tiết 1. Luyện tập**

*Bài 1:* Yêu cầu HS:

Đếm số cá trong mỗi bể cá rồi tìm số thích hợp. Đọc các số đó.

*Bài 2:* Yêu cầu HS quan sát tranh, tìm ra các con vật, đếm số con vật, rồi thực hiện trả lời các câu hỏi của bài toán.

a) Đếm số các con vật rồi nêu kết quả.

b) Dựa vào kết quả ở câu a để tìm ra con vật có số lượng ít nhất theo yêu cầu của đề bài.

*Bài 3:* Yêu cầu HS biết so sánh số (so sánh số với kết quả phép tính), từ đó nêu được các dấu >; <; = thích hợp.

**Đáp án:** *Bài 2:* a) Chim: 8, Thỏ: 6, Gà con: 9, Chó: 3, Vịt: 7, Trâu: 2.

b) Trâu có số lượng ít nhất.

*Bài 3:* a) $6 < 8$ b) $9 > 9 - 1$ c) $10 = 8 + 2$

d) $4 + 3 = 7$ e) $5 + 1 < 8$ g) $3 + 0 > 2$

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu HS nắm được thứ tự các số từ 1 đến 10, từ đó tìm được các số còn thiếu.

*Bài 2:* HS biết so sánh hai số, từ đó thực hiện được các yêu cầu của đề bài.

*Bài 3:* Yêu cầu HS xác định thứ tự vị trí của các bạn rùa khi có tình huống rùa đỏ đi vào giữa rùa xanh và rùa vàng. HS tự xác định được (cảm nhận trực giác hoặc vẽ lại hình khi có 4 rùa rồi xác định vị trí của rùa nâu).

*Bài 4:* Bài này có suy luận lôgic đơn giản. HS quan sát tranh và phân tích tình huống mà đề toán nêu ra (cả 3 bạn thỏ vào cả 2 chuồng, phân tích: 3 chỉ có thể gồm như sau:

$$3 = 1 + 2.$$

*Nhận xét:* 2 > 1 mà chuồng A có nhiều thỏ hơn chuồng B, vậy chuồng A có 2 bạn thỏ, chuồng B có 1 bạn thỏ.

*Lưu ý:* Các bài toán ở tiết này là các bài toán vui, thường giải quyết các tình huống phát triển năng lực HS. GV nên có tranh vẽ, cách hướng dẫn hấp dẫn, gây hứng thú cho HS.

**Đáp án:** *Bài 1:* Các số còn thiếu là: 2, 4, 6, 8.

*Bài 2:* a) 5, 6, 7, 8.

b) 8; 5.

c) 6; 7.

*Bài 3:* Thứ tư.

*Bài 4:* Chuồng A có 2 bạn thỏ, chuồng B có 1 bạn thỏ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Bài 18 ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Ôn tập, củng cố thực hiện phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10. Thực hiện tính nhẩm (qua bảng cộng, trừ). Vận dụng nêu được phép tính thích hợp với tình huống thực tế liên quan.

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển tư duy lôgic, năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học khi tham gia hoạt động trong bài học liên quan đến các phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Phiếu để thực hiện trò chơi.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

*Bài 1:*

HS dựa vào bảng cộng, bảng trừ để tính nhẩm, tìm ra kết quả của mỗi phép tính (lưu ý phép cộng, trừ với 0).

*Bài 2:* Yêu cầu HS dựa vào bảng để tính nhẩm, tìm ra kết quả mỗi phép tính, từ đó:

a) Tìm được số thích hợp ở trong ô.

b) Tìm được dấu thích hợp ở trong ô.

*Bài 3:* HS tính nhẩm các phép tính, so sánh kết quả mỗi phép tính với 5, từ đó chỉ ra được các bông hoa ghi phép tính có kết quả bằng 5.

*Bài 4:* Yêu cầu HS từ các số 7, 9, 2, 1 lập được các phép tính cộng, trừ đúng.

*Lưu ý:* Có bốn phép tính đúng:

$2 + 7 = 9$;  $7 + 2 = 9$;  $9 - 7 = 2$;  $9 - 2 = 7$.

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu HS tính nhẩm để tìm ra kết quả mỗi phép tính ở từng toa tàu.

*Bài 2:* HS quan sát tranh rồi nêu được phép tính thích hợp: $7 - 3 = 4$.

*Bài 3:* HS quan sát tranh rồi nêu được phép tính thích hợp: $4 + 2 = 6$.

**Trò chơi:** Bắt gà

GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp đôi hoặc chơi theo nhóm (mỗi nhóm có 1 phiếu như trong SGK và một con xúc xắc).

*Lưu ý:*

– Trò chơi củng cố các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

– Hình thức chơi vui, hấp dẫn và có hiệu quả (theo các bước đã nêu ở trang 51 – SGV Toán 1).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# Bài 19 ÔN TẬP HÌNH HỌC (1 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận biết dạng tổng thể, trực quan các hình phẳng, hình khối đã học qua mô hình hoặc hình dạng các vật trong thực tế.

* ***Phát triển năng lực***

Làm quen với phân tích, tổng hợp khi xếp, ghép hình. Rèn tư duy lôgic khi xếp hình theo quy luật. Phát triển trí tưởng tượng, định hướng không gian, liên hệ với thực tế,...

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Các mô hình dùng để xếp, ghép hình như các bài tập trong SGK.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

*Bài 1:* Yêu cầu HS nhận biết được các hình đã học (hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật). Từ đó trả lời các câu hỏi.

*Bài 2:*

Yêu cầu HS nhận biết được hình nào là khối lập phương.

*Bài 3:* Xếp hình theo quy luật.

Yêu cầu HS nhận dạng, gọi tên các hình, tìm ra quy luật xếp hình (hình tròn, hình tam giác, hình vuông,...). Từ đó xác định được hình nào thích hợp xếp vào dấu hỏi (?).

*Lưu ý:*

– GV có thể xếp các hình này theo quy luật khác đi để trả lời câu hỏi tương tự.

*Bài 4:* Bài toán dạng xếp, ghép hình phẳng.

Yêu cầu HS tự xếp lấy các hình a), b) từ 4 miếng bìa hình tam giác đã cho.

(HS có thể lúng túng bước đầu, nhưng khi tự mình hoàn thành sản phẩm, HS sẽ hứng thú hơn).

**Đáp án:** *Bài 1:* a) A, D;

b) G, K;

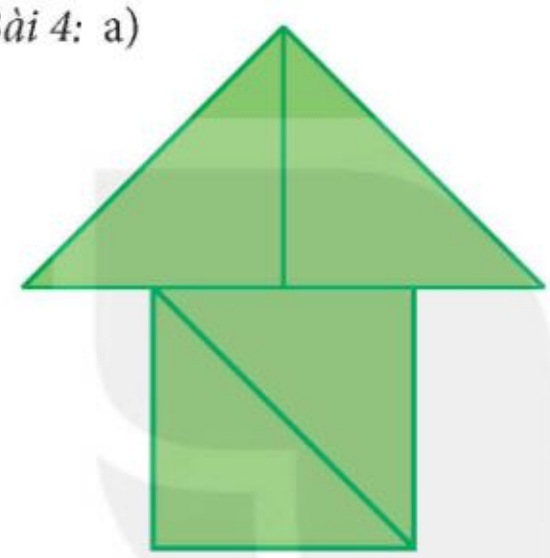
c) B, E;

d) C, I.

*Bài 2:* A, C, E.

*Bài 3:* B.

*Bài 4:* a)



b)



## Bài 20 ÔN TẬP CHUNG (1 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Thực hiện được các bài toán liên quan đến số, phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10. Viết được phép tính thích hợp với tình huống trong tranh vẽ.

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển năng lực giải quyết vấn đề khi giải bài toán có tình huống thực tế,...

### II CHUẨN BỊ

GV có thể chuẩn bị sắp xếp các bài tập trong SGK thành dạng bộ đề kiểm tra học kì 1 (theo quy định).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Nội dung bài này được thiết kế theo cấu trúc, mức độ nội dung của bài kiểm tra cuối học kì 1 nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt (yêu cầu cốt lõi) của HS sau khi học xong học kì 1. Do đó, GV không cần hướng dẫn nhiều, tốt nhất là GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

– Sau khi làm bài, GV cho HS tự kiểm tra, đánh giá bài làm của nhau.

– Khi chữa bài, GV gọi một vài HS nêu cách làm từng bài để cả lớp cùng nghe.

*Lưu ý:* Khi chữa bài 5, GV hướng dẫn HS nhận ra "quy luật" sắp xếp các hình.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 8; b) 6; c) 5; d) 10.

*Bài 2:* Các số đã cho sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 4, 6, 7, 8.

*Bài 3:* $3 + 5 = 8$; $6 + 4 = 10$; $3 + 0 = 3$;

$8 - 4 = 4$; $10 - 5 = 5$; $5 - 0 = 5$.

*Bài 4:* a) $4 + 6 = 10$; b) $10 - 5 = 5$.

*Bài 5:* Hình thích hợp đặt vào dấu hỏi (?) là hình tam giác, chọn C.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# Chủ đề 6 CÁC SỐ ĐẾN 100

## Bài 21 SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Bước đầu nắm được cấu tạo số (theo hệ thập phân), từ đó biết đọc, viết, xếp thứ tự, so sánh các số có hai chữ số (trong phạm vi 20, số tròn chục, số đến 100).

* ***Phát triển năng lực***

- Bước đầu thấy được sự "khái quát hoá" trong việc hình thành các số trong phạm vi 10 (tính trực quan) đến các số có hai chữ số trong phạm vi 100.
- HS hứng thú và tự tin trong học tập.

### II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Những tư liệu, vật liệu để thực hiện được các trò chơi trong bài (SGK).

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Tiết 1**

**1. Khám phá:** Các số đến 20

- Qua hình ảnh "túi" 10 quả cà chua giúp HS hình thành khái niệm (10 là 1 chục), từ đó hình thành các số 11,..., 20. Chẳng hạn: 1 chục và 1 đơn vị là 11, đọc là mười một,...; 1 chục và 5 đơn vị là 15, đọc là mười lăm,...
- Bước đầu nhận biết các số từ 11 đến 20, hình thành từ "đếm" số quả cà chua, hoặc hình thành từ cấu tạo số theo hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số.

*Lưu ý:* Có thể dùng thẻ 1 chục que tính và que tính lẻ thay túi quả để dạy bài này.

**2. Hoạt động**

*Bài 1:* Củng cố phần "Khám phá", HS quan sát tranh vẽ, tự đếm rồi viết được các số theo số chục (số các túi) và số đơn vị (các quả lẻ). Chẳng hạn: a) 12; b) 14; c) 18; d) 20 (2 chục).

*Lưu ý:* Mỗi túi quy định là 1 chục.

*Bài 2:* HS đếm số viên băng đá (a) hoặc số con cá (b) rồi nêu được các số thích hợp với dấu "?" trong ô (củng cố đọc, viết số trong phạm vi 20).

*Bài 3:*

– Bài toán vui, giúp HS hứng thú học tập và củng cố về thứ tự các số từ 1 đến 20.

– Yêu cầu HS tìm ra các số thích hợp với dấu "?" (dựa vào thứ tự các số).

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* HS nắm được thứ tự số và tìm được số thích hợp. (Bài này củng cố đọc, viết số trong phạm vi 20 và viết số theo thứ tự liên tiếp tăng dần).

*Bài 2:* HS quan sát tranh, nhận biết được các viên kẹo, bông hoa và gói quà trên bàn. Từ đó "đếm" số lượng kẹo, số bông hoa, gói quà, sau đó nêu được số thích hợp theo yêu cầu câu hỏi a, b, c.

*Lưu ý:* Bài này có hình ảnh vui, sinh động, hấp dẫn nên HS tự "quan sát" – đếm – rồi trả lời câu hỏi (có thể kể như là buổi sinh nhật của bạn Mi,...).

**Trò chơi:** Đường đến **ĐẢO GIẤU VÀNG**

Bài này qua hoạt động chơi vui, hấp dẫn, HS được củng cố đọc số trong phạm vi 20.

*Lưu ý:* Tuỳ thời gian, điều kiện, GV có thể in ra các phiếu cho HS chơi theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (phải đạt yêu cầu đã nêu là chủ yếu).

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 10, 11, 12, 13, 14; b) 14, 15, 16, 17, 18;

c) 12, 13, 14, 15, 16; d) 15, 16, 17, 18, 19;

e) 11, 12, 13, 14, 15; g) 16, 17, 18, 19, 20.

*Bài 2:* a) 15; b) 4;

c) 5.

## Tiết 3

### 1. Khám phá: Các số tròn chục

Qua hình ảnh "các túi 1 chục quả cà chua", HS nhận biết được các số tròn chục (1 chục là 10, 2 chục là 20,..., 9 chục là 90); biết đọc, viết các số tròn chục.

*Lưu ý:* Có thể dùng các thẻ 1 chục que tính trong hộp đồ dùng học tập thay thế các túi cà chua để dạy học bài này.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* Củng cố thứ tự các số tròn chục, HS tự nêu được các số tròn chục trong các ô tương ứng theo thứ tự từ bé đến lớn: 10, 20,..., 90. (Có thể cho HS làm bài tương tự: Viết các số tròn chục theo thứ tự từ lớn đến bé: 90, 80,..., 20, 10).

*Bài 2:* HS nhận biết mỗi số tròn chục, rồi nêu cách đọc tương ứng.

(*Lưu ý:* Hình ảnh mỗi chú chim cánh cụt đi về nhà tương ứng của chú chim đó.)

*Bài 3:* Quan sát tranh, HS nhận biết được mỗi cây cà chua có 10 quả, hiểu là 1 chục, 4 cây cà chua hiểu là 4 chục, viết 40. Từ đó tìm được các số tròn chục tương ứng với số cây cà chua trong mỗi luống.

*Bài 4:* HS hiểu mỗi túi là 1 chục, 3 túi là 3 chục (30). Từ đó HS đếm số túi ở mỗi hàng rồi nêu số tương ứng (theo mẫu).

**Đáp án:** *Bài 1:* 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.

*Bài 2:* 10 – Mười; 20 – Hai mươi; 30 – Ba mươi; 40 – Bốn mươi;
50 – Năm mươi; 60 – Sáu mươi.

*Bài 3:* 40, 70, 20, 30.

*Bài 4:* 60, 80, 40, 90.

# Tiết 4

## 1. Khám phá: Các số đến 99

HS nhận biết được số có hai chữ số theo số chục và số đơn vị, từ đó đọc, viết được số có hai chữ số. (Từ hình ảnh thực tế số túi 1 chục quả và số quả lẻ → số chục và số đơn vị → viết số → đọc số).

*Lưu ý:*

- Từ bài này HS biết đọc, viết số có hai chữ số dựa vào cấu tạo thập phân của số theo hàng chục và hàng đơn vị (không cần đếm số lượng đồ vật như ở giai đoạn 10 số đầu).
- Có thể dùng thẻ 1 chục que tính và que tính lẻ trong hộp đồ dùng học tập để học bài này (thay hình ảnh quả).

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* Củng cố cấu tạo số (số gồm mấy chục và mấy đơn vị). Từ các túi 1 chục quả và số quả lẻ, HS biết được số gồm mấy chục, mấy đơn vị, từ đó tìm được số có hai chữ số tương ứng.

*Lưu ý:* Có thể dùng que tính thay cho quả để dạy học.

*Bài 2:* Củng cố về thứ tự các số từ 10 đến 99. HS tự tìm các số còn thiếu trong các ô theo thứ tự từ bé đến lớn (GV có thể cho HS đọc các số tìm được).

*Bài 3:* Củng cố đọc, viết số. HS quan sát tranh rồi nêu cách đọc số tương ứng với số ghi trên mỗi con chim cánh cụt.

*Lưu ý:* GV có thể cho HS tìm số tương ứng với cách đọc số đó.

**Đáp án:** *Bài 1:* 18 gồm 1 chục và 8 đơn vị; 35 gồm 3 chục và 5 đơn vị; 69 gồm 6 chục và 9 đơn vị; 57 gồm 5 chục và 7 đơn vị; 25 gồm 2 chục và 5 đơn vị.

*Bài 2:* a) 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19;

b) 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29;

c) 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99.

*Bài 3:* 50 – Năm mươi; 99 – Chín mươi chín; 15 – Mười lăm;

21 – Hai mươi mốt; 19 – Mười chín.

## Tiết 5. Luyện tập

*Bài 1:* Củng cố cấu tạo số (số gồm mấy chục và mấy đơn vị).

HS quan sát tranh que tính, nhận biết số chục và số đơn vị rồi tìm các số thích hợp (theo mẫu).

*Bài 2:* Củng cố phân tích số (tách số có hai chữ số thành số chục và số đơn vị). Yêu cầu HS tìm được các số thích hợp.

*Bài 3:* Yêu cầu HS quan sát tranh, đếm số chục và số đơn vị → nêu số thích hợp → đọc số tương ứng (HS thực hiện theo mẫu).

*Bài 4:* HS quan sát, nhận biết các số rồi tìm được các số theo yêu cầu đề bài (số có một chữ số, số tròn chục).

**Đáp án:** *Bài 2:* a) 57 gồm 5 chục và 7 đơn vị;

b) 64 gồm 6 chục và 4 đơn vị.

*Bài 4:* a) 1, 8, 2;

b) 30, 50.

## Tiết 6. Luyện tập

*Bài 1:* Củng cố đọc, viết, thứ tự các số từ 0 đến 99.

HS quan sát bảng các số theo thứ tự từ 0 đến 99 rồi tìm các số thích hợp còn thiếu.

*Bài 2:* Dựa vào cấu tạo số, HS tìm được các số tương ứng trong các ô.

**Trò chơi:** Cánh cụt câu cá

Củng cố đọc, viết các số có hai chữ số.

*Lưu ý:*

– Có thể tổ chức chơi theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ.

– Chơi hứng thú nhưng trật tự, tránh hình thức.

– Có thể phô tô hình trong SGK thành các phiếu để mỗi HS đều được chơi.

**Đáp án:** *Bài 1:* 63, 64, 65, 66; 73, 74, 75, 76; 83, 84, 85, 86.

*Bài 2:* 37; 4, 6;

50; 7, 2;

84; 9, 1.

# Bài 22 SO SÁNH SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Biết cách so sánh hai số có hai chữ số (dựa vào cấu tạo số, so sánh số chục rồi so sánh số đơn vị). Vận dụng để xếp thứ tự các số (từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé), xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số cho trước (có không quá 4 số).

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển năng lực phân tích, so sánh, đối chiếu khi tìm cách so sánh hai số. Năng lực vận dụng từ "quy tắc" (mô hình) so sánh hai số có hai chữ số vào các trường hợp cụ thể, giải các bài toán thực tế.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Các phiếu (phô tô trang trò chơi trong SGK) để HS thực hiện chơi theo cặp đôi hay theo nhóm.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– HS đếm số quả cà chua, nhận biết 16 quả ít hơn 19 quả, viết là $16 < 19$. Từ đó có thể nhận xét: 16 và 19 cùng có 1 chục, 6 đơn vị < 9 đơn vị, vậy $16 < 19$.

– Tương tự, HS đếm số quả cà chua, nhận biết 42 quả nhiều hơn 25 quả, 42 > 25. Từ đó có thể nhận xét: 42 có 4 chục, 25 có 2 chục, 4 chục > 2 chục, vậy 42 > 25.

*Lưu ý:* 16 < 19 thì có 19 > 16, 42 > 25 thì có 25 < 42.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* Trước hết, HS quan sát tranh, đếm số quả táo để nhận biết số cần tìm tương ứng gồm mấy chục và mấy đơn vị. Sau đó viết các số cần so sánh vào vở. So sánh hai số rồi viết dấu >; <; = thích hợp vào giữa hai số (theo mẫu).

*Lưu ý:* Khi so sánh hai số có thể thực hiện theo nhận xét sau: Nếu số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hai số có số chục bằng nhau thì số nào có số đơn vị lớn hơn thì lớn hơn.

*Bài 2:* Ở mỗi câu, HS so sánh hai số (theo nhận xét ở bài 1) rồi xác định túi nào có số lớn hơn.

*Lưu ý:* Có thể đổi lệnh: Xác định túi có số bé hơn.

*Bài 3:* So sánh hai số rồi tìm dấu >; <; = thích hợp ở trong ô.

*Bài 4:* Vận dụng tìm số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm số.

Cho HS quan sát nhóm các số, so sánh các chữ số hàng chục trước, nếu chữ số hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu chữ số hàng chục như nhau thì so sánh tiếp các chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn. Từ đó tìm ra chiếc lọ có số bé nhất, chiếc lọ có số lớn nhất.

**Đáp án:** *Bài 1:* 25 > 15; 14 < 16; 20 = 20.

*Bài 2:* a) Túi 53; b) Túi 57; c) Túi 68.

*Bài 3:* 24 > 19; 56 < 65;

35 < 37; 90 > 89;

68 = 68; 71 < 81.

*Bài 4:* a) 32, 37;

b) 6, 30.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Từ việc so sánh số có hai chữ số, HS tự xác định được số nào lớn hơn trong hai số đó rồi trả lời.

*Bài 2:* Tương tự bài 1, từ việc so sánh hai số, HS xác định được số nào bé hơn trong hai số đó rồi trả lời.

*Lưu ý:* Cả bài 1 và bài 2, HS tự tìm ra kết quả (GV có thể hỏi vì sao em có kết quả như thế để HS giải thích).

*Bài 3:* Từ việc so sánh các số, HS xác định được số bé nhất (xếp đầu tiên), số lớn nhất (xếp sau cùng). Từ đó tìm được hai ô tô cần đổi chỗ cho nhau để xếp được các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

*Bài 4:* Tương tự bài 3, từ việc so sánh các số, HS xác định được số lớn nhất (xếp đầu tiên), số bé nhất (xếp sau cùng). Từ đó đổi chỗ hai ô tô để xếp được các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

**Trò chơi:** Cầu thang – Cầu trượt

- Yêu cầu của trò chơi này là củng cố so sánh số có hai chữ số, tìm số bé hơn (chơi vui, hấp dẫn, có hiệu quả, tránh hình thức).
- Có thể tổ chức chơi theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (tuỳ điều kiện thời gian mà kết thúc trò chơi).

**Đáp án:** *Bài 1:* 16; 60; 51.

*Bài 2:* 15; 80; 29.

*Bài 3:* a) Đổi chỗ hai xe số 80 và 30;

b) Đổi chỗ hai xe số 74 và 70.

*Bài 4:* a) Đổi chỗ hai xe số 40 và 50;

b) Đổi chỗ hai xe số 70 và 74.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:*

- HS biết so sánh hai số có hai chữ số, từ đó xác định câu nào điền dấu (>; <) đúng hay sai. Nêu Đ (đúng) hoặc S (sai) thích hợp trong ô.
- GV cho HS tự chữa những câu sai (nêu lại dấu >; < cho đúng).

*Bài 2:*

a) Yêu cầu HS biết so sánh hai số, từ đó nêu được các dấu thích hợp (>; <; =) trong ô của mỗi phép so sánh.

b) Sau khi nêu đúng dấu (>; <; =) vào ô, GV có thể cho HS xác định đường đi thoát ra khỏi "mê cung" để ô tô đến trạm xăng.

*Bài 3:* HS so sánh số HS ở các lớp rồi trả lời các câu hỏi trong bài.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) S; b) Đ;

c) Đ; d) S.

*Bài 2:* a) 14 < 29, 19 > 17, 80 > 75,

8 = 8, 4 = 4, 36 = 36,

54 > 18, 78 > 22.

*Bài 3:* a) Lớp 1A; b) Lớp 1B; c) Lớp 1C; d) Lớp 1B.

## Bài 23 BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100 (1 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận biết được số 100 (99 thêm 1 là 100, 100 = 10 chục); đọc, viết được số 100. Biết lập bảng các số từ 1 đến 100.

* ***Phát triển năng lực***

Thông qua việc so sánh, phân tích thứ tự số, hình thành bảng các số từ 1 đến 100, đếm các số tự nhiên theo "quy luật"... (cách đều 2) HS được phát triển tư duy lôgic, phân tích, tổng hợp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

### II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1, trong đó có các thẻ 1 chục que tính và que tính lẻ để hình thành số 100 (thay các túi quả như SGK).
- Bảng các số từ 1 đến 100.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**1. Khám phá:** Hình thành số 100

HS quan sát có 9 túi, mỗi túi 10 quả cà chua và 1 túi 9 quả cà chua, tất cả có 99 quả cà chua. Cho thêm 1 quả vào túi 9 quả, có "99 thêm 1 là 100". Biết 100 gồm 10 chục. Cho HS đọc, viết số 100.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* Hình thành bảng các số từ 1 đến 100.

Dựa vào thứ tự các số, HS tìm được các số còn thiếu trong bảng. HS nhận biết được bảng các số từ 1 đến 100.

*Bài 2:* Đọc các số trong bảng theo yêu cầu.

HS nhận biết được thế nào là số có hai chữ số giống nhau, số tròn chục bé hơn 100, số lớn nhất có hai chữ số, từ đó đọc các số đó theo yêu cầu của đề bài (từ bảng các số từ 1 đến 100).

*Lưu ý:*

- Dựa vào bảng các số từ 1 đến 100 (hoàn thành ở bài 1) để làm bài 2.
- Có thể hỏi thêm (nếu cần): Số lớn nhất có một chữ số là số nào? Số bé nhất có hai chữ số là số nào?...

*Bài 3:* a) HS đếm liên tiếp các số, rồi tìm số còn thiếu.

b, c) HS nhận biết thêm 2 vào số trước thì được số sau, từ đó đếm được "cách đều 2" rồi tìm số còn thiếu (có thể cho HS đọc các số đã tìm được).

*Lưu ý:* GV có thể cho HS đếm "cách đều 2" những dãy số sau (liên hệ với đánh số nhà ở hai bên dãy phố):

- 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, ..., 18, 20, ..., ..., ..., 28, 30;
- 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, ..., 17, 19, 21, ..., ..., ..., 29, 31.

*Bài 4:* HS quan sát mỗi hình ở A, B, C (vẽ hình dạng và các số thích hợp), từ đó tìm ra hình cần ghép vào chỗ (?) trong bảng.

**Đáp án:** *Bài 1:* 16, 20, 27, 29, 34, 37, 43, 48, 54, 57, 63, 64, 72, 76, 77, 88, 96, 98.

*Bài 2:* a) 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99;

b) 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90;

c) 99.

*Bài 3:* a) 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38;

b) 51, 53, 55, 57, 59, 61, 63, 65, 67;

c) 82, 84, 86, 88, 90, 92, 94, 96, 98.

*Bài 4:* Hình B.

# Bài 24 LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận biết được số có hai chữ số, cấu tạo số. Đọc, viết số, so sánh và xếp được thứ tự các số có hai chữ số.

* ***Phát triển năng lực***

Qua một số bài toán vui (ghép hình, dãy số theo "quy luật", lập số từ các chữ số), HS làm quen với phương pháp phân tích, tổng hợp, phát triển tư duy lôgic, năng lực giải quyết vấn đề,...

## II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1:* Củng cố về cấu tạo số có hai chữ số gồm các chục và đơn vị. HS quan sát tranh các túi quả, nhận biết, phân tích số (theo mẫu) rồi nêu các số thích hợp trong các ô.

*Bài 2:* Củng cố viết số theo đọc số, hoặc theo cấu tạo số (số đó gồm mấy chục và mấy đơn vị). HS nêu các số tương ứng (theo đường nối như SGK).

*Bài 3:* Từ cách đọc ở ngôi sao, HS tìm được số tương ứng ở thanh tre.

*Bài 4:* HS quan sát các mảnh ghép rời, so với hình dạng các mảnh ghép tương ứng đã có trong hình vuông, từ đó nêu số thích hợp trong mỗi mảnh hình ghép rời đó.

*Lưu ý:* Bài này vừa củng cố "ghép hình" ở hình phẳng đã học, vừa củng cố đọc, viết số.

*Bài 5:* HS quan sát, nhận biết các hình, đếm số ô vuông ở mỗi hình, so sánh số ô vuông đó rồi tìm ra hình theo yêu cầu của đề bài ở câu a, b.

**Đáp án:** *Bài 1:* b) 44 gồm 4 chục và 4 đơn vị;

c) 61 gồm 6 chục và 1 đơn vị.

*Bài 2:* a) 62; b) 39; c) 100; d) 51.

*Bài 3:* 14, 11, 15, 19.

*Bài 5:* a) Hình C; b) Hình B.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu viết số theo "quy luật" (đơn giản), HS phải quan sát tìm ra dấu hiệu đặc biệt (quy luật) của mỗi số trong dãy số đó, từ đó đếm thêm một số đơn vị để tìm số thích hợp trong ô, chẳng hạn:

a) Các số "tròn chục" (từ 10 đến 60).

b) Các số cách đều 2 (đếm thêm 2 đơn vị từ 1 đến 11).

c) Các số cách đều 2 (đếm thêm 2 đơn vị từ 80 đến 90).

d) Các số cách đều 5 (đếm thêm 5 đơn vị từ 5 đến 30).

*Lưu ý:* GV để HS tự quan sát rồi nêu số thích hợp (nếu cần mới gợi ý, hướng dẫn).

*Bài 2:* HS so sánh hai số rồi tìm số thích hợp (số lớn hơn hoặc số bé hơn trong mỗi cặp số).

*Bài 3:* HS so sánh các số rồi tìm số lớn nhất, số bé nhất trong ba số đó.

*Bài 4:* HS quan sát các miếng ghép (hình dạng và số ghi trên đó) rồi nhận xét các đặc điểm ở mỗi miếng ghép, sau đó chọn miếng ghép thích hợp.

*Lưu ý:* Có thể gợi ý cho HS quan sát các số ở các miếng ghép trước (loại miếng A vì có 4, 5 ở rèm còn lại; loại miếng B vì có số 19, 20 ở rèm còn lại), sau đó xét thêm miếng C (phù hợp có 10, 11 liền sau 9,...).

*Bài 5:* Yêu cầu lập các số có hai chữ số khác nhau từ các chữ số 8, 3, 7. HS tự lập được các số 83, 87 (với 8 là chữ số hàng chục); 38, 37 (với 3 là chữ số hàng chục); 78, 73 (với 7 là chữ số hàng chục).

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 10, 20, 30, 40, 50, 60.

b) 1, 3, 5, 7, 9, 11.

c) 80, 82, 84, 86, 88, 90.

d) 5, 10, 15, 20, 25, 30.

*Bài 2:* a) 54, 63;

b) 61, 17.

*Bài 3:* Số lớn nhất là 40;

Số bé nhất là 31.

*Bài 4:* Miếng rèm C.

*Bài 5:* 83, 87, 38, 37, 73, 78.

# Chủ đề 7 ĐỘ DÀI VÀ ĐO ĐỘ DÀI

## Bài 25 DÀI HƠN, NGẮN HƠN (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Nhận biết được và biết cách xác định đồ vật nào dài hơn, đồ vật nào ngắn hơn, hai đồ vật dài bằng nhau.

* ***Phát triển năng lực***

Bước đầu làm quen với phương pháp đối chiếu, so sánh, xác định mối quan hệ ngược nhau (a dài hơn b thì b ngắn hơn a).

### II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1 (có một số vật để so sánh độ dài như que tính, bút chì, bút mực, bút lông,...).

– Một số vật thật cần thiết để so sánh độ dài (như trong SGK) hoặc có trong thực tế phù hợp với điều kiện từng trường.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### Tiết 1. Dài hơn, ngắn hơn

**1. Khám phá:** HS quan sát hình vẽ có bút mực, bút chì. Các đầu bút đó đặt thẳng vạch dọc bên trái. HS nhận biết được: bút mực dài hơn bút chì, bút chì ngắn hơn bút mực.

**2. Hoạt động**

*Bài 1:* HS quan sát từng cặp hai vật, nhận biết được vật nào dài hơn trong mỗi cặp rồi trả lời câu hỏi: Vật nào dài hơn?

*Lưu ý:* Có thể cho HS trả lời câu hỏi: "Vật nào ngắn hơn trong mỗi cặp?".

*Bài 2:* HS nhận biết con sâu A dài mấy đốt, đếm xem các con sâu B, sâu C dài mấy đốt rồi so sánh chiều dài các con sâu, từ đó tìm con sâu ngắn hơn con sâu A.

*Bài 3:* HS quan sát chiều dài các chìa khoá (bằng cách kẻ các vạch thẳng dọc ở đầu bên trái và ở đầu bên phải của các chìa khoá). Từ đó xác định được chìa khoá nào dài hơn hoặc ngắn hơn chìa khoá kia.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Lưu ý:* Nhận biết chìa khoá ở đặc điểm hình đuôi chìa khoá.

*Bài 4:* HS quan sát chiều dài các con cá (kẻ các vạch thẳng tương tự bài 3), từ đó xác định trong ba con cá, con nào dài nhất, con nào ngắn nhất.

**Đáp án:** *Bài 2:* Con sâu C ngắn hơn con sâu A.

*Bài 3:* a) A ngắn hơn B; b) D dài hơn C;

c) A ngắn hơn C; d) C ngắn hơn B.

*Bài 4:* a) A ngắn nhất, B dài nhất;

b) A ngắn nhất, C dài nhất.

## Tiết 2. Cao hơn, thấp hơn

### 1. Khám phá

HS quan sát hình, nhận biết được bạn nào thấp hơn, cao hơn hoặc cao bằng bạn kia; bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất.

*Lưu ý:* Nhận biết qua đường vạch ngang ở chân và ở đầu mỗi bạn.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS xác định các đường vạch ngang ở phía chân và phía đầu các con vật, từ đó so sánh, nêu được con vật nào cao hơn trong mỗi cặp.

*Lưu ý:* Có thể nêu thêm câu hỏi: "Con vật nào thấp hơn trong mỗi cặp?".

*Bài 2:* Tương tự bài 1, HS xác định được lọ hoa nào thấp hơn trong mỗi cặp.

*Bài 3:* Tương tự bài 1, HS xác định các vạch ngang ở gốc cây và ngọn cây, quan sát, tìm ra được cây nào cao hơn hoặc thấp hơn cây kia. Từ đó tìm được cây cao nhất, cây thấp nhất trong mỗi hàng.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Sư tử; b) Mèo;

c) Đà điểu; d) Gấu.

*Bài 3:* a) Cao nhất: D, thấp nhất: A;

b) Cao nhất: A, thấp nhất: C;

c) Cao nhất: A, thấp nhất: C;

d) Cao nhất: A, thấp nhất: D;

e) Cao nhất: C, thấp nhất: D.

# Bài 26 ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Nhận biết được đơn vị đo độ dài dạng đơn vị tự quy ước và đơn vị đo cm (xăng-ti-mét). Có biểu tượng về "độ dài" của vật (theo số đo bằng đơn vị quy ước hoặc đơn vị đo cm).

– Biết cách đo độ dài một số đồ vật theo đơn vị cm hoặc đơn vị tự quy ước.

* ***Phát triển năng lực***

– Qua hoạt động thực hành đo, HS biết phân tích, so sánh độ dài các vật theo số đo của vật.

– Phát triển tư duy qua ước lượng, so sánh độ dài của các vật trong thực tế.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Thước kẻ có vạch chia cm.

– Một số đồ vật thật để đo độ dài (như trong SGK) hoặc có trong thực tế phù hợp với điều kiện từng trường.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

HS quan sát tranh, nhận biết được bút chì dài 2 "gang tay", thước kẻ dài 3 "gang tay".

*Vận dụng:*

a) HS quan sát tranh, đếm số gang tay đo chiều cao của mỗi lọ hoa, rồi nêu số đo mỗi lọ hoa (bằng gang tay).

b) HS thực hiện tương tự như câu a, nhận thấy bút chì dài hơn 1 gang tay, quyển sách dài hơn 2 gang tay, hộp bút chì bằng 2 gang tay, từ đó xác định được đồ vật nào dài nhất.

*Lưu ý:* "Gang tay" là đơn vị "quy ước" (thường dùng để ước lượng độ dài).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## 2. Hoạt động

*Khám phá lớp học:*

HS quan sát các đồ vật thường thấy ở lớp học, tập ước lượng chiều dài hoặc chiều cao mỗi đồ vật theo "gang tay" của em (con số ước lượng này là "vào khoảng" mấy gang tay, chưa chính xác). Sau đó HS được đo thực tế mỗi đồ vật đó (xác định đúng chiều dài, chiều cao mỗi vật đó theo "gang tay"). Nêu kết quả số đo theo ước lượng hoặc số đo thực tế.

*Lưu ý:*

- "Gang tay" là đơn vị quy ước của mỗi em nên số đo độ dài của đồ vật có thể khác nhau đối với mỗi em trong lớp.
- Nên cho HS so sánh số đo theo ước lượng với số đo thực tế để các em làm quen và tập ước lượng độ dài các vật.
- Tuỳ điều kiện thời gian có thể thực hiện đo chiều dài một đồ vật và chiều cao một đồ vật là đủ.
- Hình ảnh trong SGK là minh hoạ, gợi ý, GV cho HS đo vật thật ở lớp.

# Tiết 2

## 1. Khám phá: Xăng-ti-mét

- GV giới thiệu để HS nhận biết được thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét, đơn vị đo xăng-ti-mét (ước lượng độ dài khoảng 1 đốt ngón tay của HS), cách viết tắt 1 xăng-ti-mét là 1 cm (1 cm đọc là một xăng-ti-mét).
- GV giới thiệu cách đo một vật (bút chì) bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét (đặt một đầu bút chì ở vạch 0 của thước, vạch cuối của bút chì ứng với số nào của thước, đó là số đo độ dài của bút chì).
- Trên hình vẽ, bút chì dài 5 cm.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS kiểm tra cách đo độ dài bút chì của ba bạn (đặt thước thẳng và vật đo phải áp sát thẳng hàng, đặt đầu vật cần đo vào đúng số 0 trên thước). Từ đó xác định được ai đặt thước đo đúng.

*Lưu ý:*

- Có thể chiếu hình hoặc vẽ to lên bảng để HS thấy rõ các trường hợp đặt thước của ba bạn.
- Có thể hỏi thêm: Ai đặt thước sai? Bút chì dài mấy xăng-ti-mét?

*Bài 2:* a) Dựa vào cách đo độ dài ở phần khám phá, HS biết dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài bút chì, bút mực và bút sáp rồi nêu số đo (cm) ở trong mỗi ô tương ứng.

b) Từ các số đo độ dài tìm được, HS so sánh các số đo, xác định được bút dài nhất, bút ngắn nhất.

*Bài 3:* HS quan sát rồi ước lượng độ dài mỗi vật (dài khoảng bao nhiêu cm). Sau đó HS biết "kiểm tra" lại bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét (đo chính xác). Từ đó nêu "số đo độ dài ước lượng" và "số đo độ dài chính xác" thích hợp trong mỗi ô.

*Lưu ý:* GV có thể sử dụng những vật đo khác, phù hợp với điều kiện của trường lớp, xung quanh các em.

*Bài 4:* HS có thể đếm số ô trong mỗi băng giấy để biết mỗi băng giấy dài bao nhiêu xăng-ti-mét (coi mỗi ô dài 1 cm).

**Đáp án:** *Bài 1:* Nam đặt thước đúng.

*Bài 2:* a) 6 cm (bút chì); 8 cm (bút mực); 4 cm (bút sáp).

b) Bút mực dài nhất, bút sáp ngắn nhất.

*Bài 3:* a) 5 cm; b) 4 cm;

c) 7 cm; d) 11 cm.

*Bài 4:* Băng giấy màu đỏ: 6 cm;

Băng giấy màu xanh: 8 cm;

Băng giấy màu vàng: 4 cm.

## Bài 27 THỰC HÀNH ƯỚC LƯỢNG VÀ ĐO ĐỘ DÀI (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Biết cách thực hiện ước lượng và đo độ dài những đồ vật thực tế ở trong lớp học, ở xung quanh, gần gũi các em theo đơn vị "tự quy ước" như gang tay, sải tay, bước chân và theo đơn vị xăng-ti-mét.

– Có biểu tượng về độ dài các đơn vị đo "quy ước" (gang tay, sải tay, bước chân), đơn vị xăng-ti-mét.

* ***Phát triển năng lực***

– Biết phân tích, so sánh các độ dài ước lượng với độ dài thực tế.

– HS được trải nghiệm, vận dụng cách đo độ dài vào việc đo các đồ vật có trong thực tế, lớp học, qua đó rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề trong thực tế.

## II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Thước có vạch chia xăng-ti-mét.
- Một số đồ vật thật để đo độ dài (như SGK) hoặc có trong thực tế phù hợp với điều kiện từng trường.
- Lựa chọn không gian để trải nghiệm đo độ dài ở lớp, sân trường (phù hợp với điều kiện từng trường).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

**1. Khám phá:** Khám phá đồ dùng học tập

HS quan sát các đồ dùng học tập (SGK), ước lượng nhận biết độ dài mỗi đồ vật, từ đó lựa chọn một trong hai số đo đã cho, số đo nào phù hợp với độ dài thực tế của đồ vật đó.

*Lưu ý:* Thay vì cho HS xem tranh trong SGK, GV có thể cho HS quan sát những vật thật có trong thực tế để miêu tả, cảm nhận, lựa chọn phù hợp.

**2. Hoạt động**

*Bài 1:* Đo chiều dài bảng lớp em bằng sải tay.

HS được đo chiều dài bảng lớp bằng chính sải tay của mỗi em, từ đó cho biết chiều dài của bảng lớp dài khoảng bao nhiêu sải tay của em đó.

*Lưu ý:*

- Hình ảnh Rô-bốt đo chiều dài bảng được khoảng 4 sải tay chỉ là minh hoạ gợi ý cách đo cho HS.
- Số đo chiều dài bảng lớp ở các em có thể khác nhau (vì độ dài sải tay của mỗi em có thể dài, ngắn khác nhau).

*Bài 2:* Đo phòng học lớp em bằng bước chân.

HS được đo độ dài phòng học từ mép tường đến cửa ra vào bằng chính bước chân của mỗi em, từ đó cho biết một chiều phòng học của lớp em dài khoảng bao nhiêu bước chân của em đó.

*Lưu ý:*

- Hình ảnh trong SGK là minh hoạ gợi ý cách đo độ dài phòng học bằng bước chân (HS được đo thực tế ở lớp học). GV tránh sử dụng các khái niệm "chiều rộng" hay "chiều dài" mà chỉ giới thiệu là đo từ đâu đến đâu.
- Số đo độ dài phòng học của lớp ở các em có thể khác nhau (vì độ dài bước chân của mỗi em có thể dài, ngắn khác nhau).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV có thể cho HS đo khoảng cách bằng bước chân của mỗi em giữa hai cây hoặc chiều dài sân khấu,... ở sân trường (ngoài lớp học).

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* a) Yêu cầu HS dùng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài các xe đồ chơi theo đơn vị cm rồi tìm số thích hợp.

HS quan sát tranh vẽ các đồ chơi rồi đo chiều dài mỗi đồ chơi (hình ảnh SGK đã gợi ý có thước đo vạch xăng-ti-mét ở dưới trang, mỗi ô vuông có cạnh dài 1 cm. HS đếm số ô vuông để tìm chiều dài của mỗi đồ chơi). Nêu số đo tương ứng trong mỗi ô.

b) So sánh số đo độ dài của các xe đồ chơi để xác định đồ chơi nào dài nhất và có bao nhiêu xe ngắn hơn xe khách.

*Lưu ý:* GV có thể cho HS dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét đo chiều dài một số đồ vật thật (chuẩn bị trước đồ vật có số đo là số tự nhiên) rồi trả lời các câu hỏi tương tự như trong SGK hoặc phát triển hơn.

*Bài 2:* Yêu cầu HS dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét đo độ dài các đồ vật (hình vẽ trong SGK) rồi nêu số đo tương ứng của mỗi đồ vật. Sau đó so sánh số đo để tìm đồ vật nào dài nhất.

*Lưu ý:* Đo độ dài theo đường mũi tên có ở mỗi hình.

*Bài 3:*

– HS nhận thấy bút chì A, bút chì C dài hơn bút chì B, mà bút chì B đo được dài 8 cm, từ đó tìm ra bút chì nào dài hơn 8 cm.

– Hoặc GV có thể gợi ý: Vẽ các vạch thẳng ở đuôi mỗi bút chì xuống thước ở dưới. Nhận thấy bút chì A dài 10 cm, bút chì B dài 8 cm, bút chì C dài 12 cm. Từ đó tìm ra bút chì nào dài hơn 8 cm.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Tàu hoả: 11 cm; xe bồn: 5 cm; xe lu: 4 cm; xe khách: 7 cm; xe con: 4 cm; xe cẩu: 5 cm.

b) Tàu hoả dài nhất;

c) Có 4 xe ngắn hơn xe khách.

*Bài 2:* Bàn chải: 7 cm; Bảng điều khiển: 3 cm; Tua vít: 9 cm.

Tua vít dài nhất.

*Bài 3:* Bút chì A, bút chì C dài hơn 8 cm.

# Bài 28 LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Cảm nhận đúng về dài hơn – ngắn hơn, cao hơn – thấp hơn.

– Thực hành giải quyết được các vấn đề thực tế đơn giản liên quan đến đo độ dài.

* ***Phát triển năng lực***

– Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, đặc biệt là khả năng quan sát.

– Bước đầu biết chỉ ra chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.

– Xác định cách thức giải quyết vấn đề.

– Thực hiện và trình bày giải pháp cho vấn đề.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.

– Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1*: *Lưu ý:*

– GV nên cho HS gọi tên đồ vật trước khi so sánh.

– HS không cần sử dụng thước để đo độ dài trong bài này.

*Bài 2:* Nếu như ở bài 1 là so sánh dài hơn – ngắn hơn thì trong bài này, HS cần so sánh cao hơn – thấp hơn, từ đó chỉ ra được bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất.

*Bài 3:*

– Câu a, HS có thể quan sát hai con vật để xác định con vật nào cao hơn.

*Lưu ý:* Có thể hỏi: Con vật nào thấp hơn?

– Câu b, bút chì đặt đứng, thước kẻ đặt ngang nên không so sánh trực tiếp chiều dài của hai vật với nhau được. Vì thế, GV hướng dẫn HS cách so sánh gián tiếp thông qua vật trung gian là quyển sách Toán 1.

Thước kẻ dài hơn quyển sách Toán 1, quyển sách Toán 1 dài hơn bút chì. Vậy thước kẻ dài hơn bút chì.

*Bài 4:* Sử dụng thước kẻ có chia vạch xăng-ti-mét đo đúng độ dài mỗi vật.

*Bài 5:* Đồ vật cho được vào hộp bút phải ngắn hơn hộp bút.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Bút chì dài hơn bút sáp.

b) Cục tẩy dài hơn cái ghim.

*Bài 2:* a) Bạn Nam cao nhất.

b) Bạn Mi thấp nhất.

*Bài 4:* Bút chì dài 8 cm; Bút sáp dài 6 cm;

Đồng hồ dài 12 cm; Điện thoại dài 10 cm.

*Bài 5:* Bút chì, cục tẩy cho được vào hộp bút.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Thông qua hình ảnh, GV có thể yêu cầu HS xác định bục cao nhất, bục thấp nhất, từ đó kết hợp với điều kiện của bài toán để đưa ra câu trả lời thích hợp.

*Bài 2:* GV gợi ý HS quan sát số khoảng cách giữa hai cây liên tiếp (hoặc số cây) từ chỗ cáo tới chỗ sóc và thỏ, từ đó so sánh rồi đưa ra kết luận.

*Bài 3:*

– HS xác định được đường đưa sóc đến chỗ hạt dẻ có thể là hai đường nào (đường màu vàng và đường màu xanh)?

– HS xác định được: Muốn đến chỗ hạt dẻ mà đi qua gốc cây (đường màu vàng), sóc phải đi bao nhiêu bước? (4 + 6 = 10 bước).

– Đi thẳng từ A đến hạt dẻ (đường màu xanh), sóc phải đi mấy bước? (8 bước).

– Từ đó so sánh số bước đi của sóc qua các đường để xác định đường nào ngắn hơn.

*Bài 4:*

a) HS đo độ dài mỗi bút chì để xác định mỗi bút chì dài bao nhiêu xăng-ti-mét.

b) HS so sánh các số đo để trả lời các câu hỏi trong bài.

**Đáp án:** *Bài 1:* Thỏ về đích thứ nhất;

Cáo về đích thứ hai;

Sóc về đích thứ ba.

*Bài 2:* Từ chỗ cáo tới chỗ sóc dài hơn từ chỗ cáo tới chỗ thỏ.

*Bài 3:* Đường màu xanh.

*Bài 4:* a) A: 7 cm, B: 8 cm, C: 3 cm, D: 5 cm, E: 9 cm;

b) E dài nhất, C ngắn nhất.

# Chủ đề 8 PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

## Bài 29 PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép cộng (hình thành phép cộng qua thao tác với que tính, bài toán thực tế).

– Thực hiện được phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số. Thực hiện được tính nhẩm.

* ***Phát triển năng lực***

– Giải được các bài toán thực tế có liên quan tới phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số.

– Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt giao tiếp khi giải toán vui, trò chơi, toán thực tế,...

### II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Tiết 1**

**1. Khám phá**

– Cho HS thao tác với que tính để minh hoạ và hình thành phép cộng 41 + 5.

– Cho HS quan sát tranh từ thực tế (các quả táo) dẫn đến phép cộng 20 + 4.

– Dựa vào cấu tạo số (chục và đơn vị), HS nắm được quy tắc tính (gồm đặt tính rồi tính từ hàng đơn vị đến hàng chục).

*Lưu ý:* Dựa vào tranh để nêu thành "bài toán" thực tế dẫn đến phép tính giải, rồi mới thực hiện "kĩ thuật" tính.

– Ví dụ hình thứ nhất: GV bắt đầu bằng việc hỏi HS về số lượng que tính trong mỗi hàng.

Tiếp theo, GV hướng dẫn viết phép tính 41 + 5 theo hàng dọc rồi thực hiện tính, bắt đầu từ hàng đơn vị. Chẳng hạn:

– Viết 41 rồi viết 5 thẳng cột với 1

– Viết dấu +

– Kẻ vạch ngang.

$$\begin{array}{r} 41 \\ +\ 5 \\ \hline 46 \end{array}$$

Tính:

- 1 cộng 5 bằng 6, viết 6.
- Hạ 4, viết 4.

Vậy 41 + 5 = 46.

Lưu ý viết các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

GV yêu cầu HS đếm tổng số que tính ở cả hai hàng để kiểm tra kết quả.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* Thực hiện thuật toán cộng số có hai chữ số với số có một chữ số.

*Bài 2:* GV có thể thực hiện thành hai bước: bước thứ nhất đặt đúng phép tính, GV kiểm tra cả lớp xem đã đặt đúng chưa rồi mới chuyển sang bước thứ hai là tính.

*Bài 3:* Thực hiện phép tính ở bên trái và tìm kết quả ở bên phải. Thực hiện đúng, HS sẽ ghép được cặp con vật – thức ăn. Bài toán ngoài mục đích luyện tập tính cộng nhẩm còn giới thiệu thêm kiến thức về thức ăn của các loài vật gần gũi. HS có thể không cần tính vẫn nối được cặp con vật – thức ăn nhờ kiến thức đời sống.

**Đáp án:** *Bài 1:* 27, 67, 87. *Bài 2:* 19, 76, 98.

*Bài 3:* 40 + 9 = 49; 76 + 2 = 78; 90 + 8 = 98; 25 + 1 = 26.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Luyện tập đặt tính rồi tính.

*Bài 2:* Trên mỗi hàng thực hiện hai phép tính cộng từ trái sang phải.

*Bài 3:* Bài toán đặt phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán. GV gọi một số HS đọc đề bài. GV đặt câu hỏi: "Muốn biết cả hai chị em gấp được bao nhiêu chiếc thuyền giấy thì các em dùng phép tính gì?". Sau đó GV cho HS ghi phép tính vào vở, kiểm tra và chữa bài.

*Bài 4:* GV có thể để các em tự làm. Khi chữa bài, GV đọc to từng lựa chọn. Ví dụ với lựa chọn A, GV hỏi: "Nếu cho tất cả ếch con trên cây bèo này lên lá sen thì trên lá sen có bao nhiêu chú ếch con?". Tương tự cho B, C.

*Bài 5:* GV có thể tổ chức bài này thành một trò chơi có hai nhóm tham gia. Mỗi nhóm tìm các phép cộng đúng có một số hạng ở hình thứ nhất và một số hạng ở hình thứ hai ra kết quả ở hình thứ ba. Kết quả bài này có hai phép tính đúng.

**Đáp án:** *Bài 1:* 46, 79, 39. *Bài 2:* 15, 16; 25, 26; 42, 46.

*Bài 3:* 25 + 3 = 28. *Bài 4:* B. Bài 5: 40 + 2 = 42; 52 + 3 = 55.

# Bài 30 PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép cộng (qua bài toán thực tế để hình thành phép cộng cần tính).

– Thực hiện được phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số (không nhớ). Biết tính nhẩm trong trường hợp đơn giản.

* ***Phát triển năng lực***

– Giải được các bài toán tình huống thực tế liên quan tới phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số.

– Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt khi giải các bài toán vui, trò chơi, toán thực tế,...

## II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– Cho HS thao tác với que tính để minh hoạ và hình thành phép cộng 32 + 15. GV bắt đầu bằng việc yêu cầu HS đếm số lượng que tính trong mỗi hàng. Sau đó có thể hỏi HS về số lượng que tính ở mỗi hàng để HS thấy mối liên hệ giữa số que tính ở mỗi hàng với chữ số hàng chục và hàng đơn vị tương ứng.

Chẳng hạn: Ở hàng thứ nhất có 3 bó que tính ứng với chữ số hàng chục là 3 và có 2 que tính rời ứng với chữ số hàng đơn vị là 2.

– GV hướng dẫn HS đặt phép tính cộng 32 + 15 theo hàng dọc rồi thực hiện phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số, bắt đầu từ hàng đơn vị.

Chẳng hạn: Viết 32 rồi viết 15 dưới 32 sao cho chục thẳng cột với chục, đơn vị thẳng cột với đơn vị, viết dấu +, kẻ vạch ngang rồi tính từ phải sang trái.

$$\begin{array}{r} 32 \\ +\ 15 \\ \hline 47 \end{array}$$

- 2 cộng 5 bằng 7, viết 7.
- 3 cộng 1 bằng 4, viết 4.

Vậy 32 + 15 = 47.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GV yêu cầu các em đếm lại số que tính ở cả hai hàng để kiểm tra kết quả phép tính cộng.

Tương tự cho ví dụ với quả táo.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* Thực hiện cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số bằng cách đặt tính.

*Bài 2:* HS đặt tính rồi tính.

*Bài 3:* HS có thể tính nhẩm hoặc đặt tính cộng (nếu chưa thành thạo tính nhẩm). Sau khi tính ra kết quả thì ghép các cặp phép tính với kết quả. Bên dưới trực thăng, vòng tròn có chữ H là bãi đỗ cho trực thăng. Trong tiếng Anh, helicopter là trực thăng nên thường dùng chữ H kí hiệu bãi đỗ cho trực thăng.

*Bài 4:* GV yêu cầu HS đọc hiểu bài toán, có thể gọi một số em đọc to bài toán. GV đặt câu hỏi: "Muốn biết có tất cả bao nhiêu quả cà chua thì các em làm phép tính gì?". Cuối cùng GV cho các em viết phép tính và tính kết quả ra vở.

**Đáp án:** *Bài 1:* 52, 45, 87, 89. *Bài 2:* 34, 79, 74, 98.

*Bài 3:* 39 + 40 = 79, 80 + 10 = 90. *Bài 4:* 10 + 26 = 36.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Ôn tập lại cách đặt tính để thực hiện phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số.

*Bài 2:* GV gợi ý HS nên thực hiện các phép tính cộng bằng cách nhẩm. GV gọi HS trả lời câu hỏi về quả xoài ghi phép tính có kết quả lớn nhất và bé nhất.

*Bài 3:* GV gọi một số HS đọc to bài toán, sau đó cho các em viết phép tính và kết quả tính ra vở.

*Bài 4:* GV hướng dẫn cho HS tính nhẩm.

*Bài 5:* Đây là một bài tập thực hiện tính nhẩm phép cộng với cách minh hoạ phép tính sinh động và cấu trúc kiểu đồ hình. HS có thể nhẩm hoặc thực hiện nháp trên giấy để tìm các số còn thiếu. Điểm thú vị nữa của bài toán này là hai cặp phép tính tạo thành hai chữ L cùng xuất phát từ số 30 và cùng kết thúc ở số 64.

**Đáp án:** *Bài 1:* 57, 77, 96, 99.

*Bài 2:* Lớn nhất: 80 + 3; bé nhất: 2 + 40.

*Bài 3:* 15 + 24 = 39.

*Bài 4:* a) 60, 60, 60; b) 70, 70, 70; c) 30, 40, 50.

*Bài 5:* 53, 42, 64.

# Bài 31 PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ (hình thành phép trừ qua bài toán thực tế).

– Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

* ***Phát triển năng lực***

– Phát triển năng lực giải quyết vấn đề khi giải các bài toán thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

– Phát triển năng lực giao tiếp toán học khi diễn đạt, trả lời câu hỏi, các bài toán vui, trò chơi, toán thực tế,...

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).

– Những mô hình, vật liệu, xúc xắc,... để tổ chức trò chơi trong bài học (SGK).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– Cho HS quan sát tranh từ thực tế (các que tính, nhóm quả táo) để dẫn đến các phép trừ 76 – 5 = 71 và 34 – 4 = 30.

– Dựa vào cấu tạo số (chục và đơn vị), HS nắm được quy tắc tính (gồm đặt tính rồi tính từ hàng đơn vị đến hàng chục).

*Lưu ý:*

– Dựa vào tranh để nêu thành "bài toán" thực tế dẫn đến phép tính giải, rồi mới thực hiện "kĩ thuật" tính.

– Hướng dẫn HS đặt tính và thực hiện phép trừ tương tự như đối với phép cộng.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS tính phép trừ (đã đặt tính sẵn). HS tự tính ra kết quả (thực chất tính ở hàng đơn vị là vận dụng bảng trừ trong phạm vi 10).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Bài 2:* HS đặt tính rồi thực hiện tính như ở bài 1 (GV kiểm tra phần đặt tính của HS, lưu ý từng hàng thẳng cột).

*Bài 3:* HS tính phép tính ghi trên ô tô. Kết quả mỗi phép tính là chỗ đỗ cho mỗi ô tô tương ứng.

*Bài 4:* Từ bài toán hay gặp trong thực tế, GV hướng dẫn HS nêu được phép tính thích hợp.

**Đáp án:** *Bài 1:* 15, 33, 65, 73, 90. *Bài 2:* 13, 42, 72, 90.

*Bài 3:* 47 – 2 = 45; 78 – 5 = 73. *Bài 4:* 29 – 5 = 24.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Cho HS biết cách tính nhẩm "trừ dần, bớt 1" để tìm ra kết quả phép trừ đơn giản.

a) Hướng dẫn mẫu: GV có thể đưa ra nhận xét: 35 – 2 có thể lấy 35 trừ dần 1 hai lần, 35 – 1 = 34; 34 – 1 = 33. Kết quả 35 – 2 = 33.

b) Tương tự như mẫu: Lấy 18 trừ dần 1 ba lần, 18 – 1 = 17; 17 – 1 = 16; 16 – 1 = 15. Kết quả 18 – 3 = 15.

c) HS tự làm như mẫu: Lấy 16 trừ dần 1 bốn lần, 16 – 1 = 15; 15 – 1 = 14; 14 – 1 = 13; 13 – 1 = 12. Kết quả 16 – 4 = 12.

*Bài 2:* Củng cố cách đặt tính rồi tính. HS tự phát hiện vấn đề vì sao đúng, sai rồi nêu Đ (đúng), S (sai). Sau đó GV có thể cho HS tự chữa lại những câu sai cho đúng.

*Bài 3:* Yêu cầu HS thực hiện các phép tính, tìm ra kết quả rồi nêu hai phép tính có cùng kết quả.

(Có thể cho HS nhẩm, hoặc cho HS ghi tạm kết quả vào bên cạnh mỗi phép tính rồi kết luận cho chắc chắn.)

*Lưu ý:* GV yêu cầu HS tìm tất cả các cặp phép tính có cùng kết quả.

*Bài 4:* Từ hình ảnh vui, GV có thể nêu bài toán, gợi ý (cho gì, hỏi gì) từ đó yêu cầu HS nêu phép tính thích hợp.

*Lưu ý:* 18 bạn gồm hai nhóm, nhóm các bạn thỏ (cần tìm) và nhóm các bạn rùa (8 bạn). Từ đó viết được phép trừ (18 – 8) để tìm ra số bạn thỏ (10 bạn).

**Đáp án:** *Bài 2:* a) Đ; b) S (sai khi trừ ở hàng chục);
c) S (sai ở đặt tính); d) Đ.

*Bài 3:* 98 – 3 = 96 – 1; 66 – 5 = 65 – 4; 77 – 7 = 76 – 6.

*Bài 4:* 18 – 8 = 10.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu HS tự đặt tính rồi tính.

*Lưu ý:* Có liên hệ tới quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

*Bài 2:* Yêu cầu HS thực hiện phép cộng, trừ theo sơ đồ mũi tên rồi tìm số thích hợp trong mỗi ô.

*Lưu ý:* Tính lần lượt từ trái sang phải theo chiều mũi tên.

*Bài 3:* Yêu cầu HS thực hiện các phép tính, so sánh kết quả tìm được với 55 rồi trả lời câu hỏi (theo yêu cầu của đề bài).

(Nên để HS tự nhẩm kết quả rồi so sánh kết quả các phép tính ở từng cánh diều với 55).

*Bài 4:* GV có thể nêu bài toán, gợi ý (cho gì, hỏi gì), từ đó yêu cầu HS nêu phép tính thích hợp.

**Trò chơi:** Lấy đồ chơi nào?

Tổ chức chơi theo cặp đôi hay nhóm. Mỗi người lần lượt chơi (thực hiện tương tự các bước như trò chơi nêu ở trang 51 – SGV).

*Lưu ý:*

– Qua bài này củng cố các phép tính trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số.

– Các phép tính lập được có các dạng: 49 – 1; 49 – 2; 49 – 3; 49 – 4; 49 – 5; 49 – 6. (Kết quả ghi ở trong các gấu bông hoặc ô tô đồ chơi.)

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 57, 53; b) 68, 65; c) 97, 95.

*Bài 2:* a) 57, 53; b) 48, 41.

*Bài 3:* Diều màu vàng ghi phép tính 59 – 2 có kết quả lớn hơn 55.

*Bài 4:* 48 – 5 = 43.

# Bài 32 PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ
**(3 tiết)**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ (qua bài toán thực tế để hình thành phép trừ cần tính).

– Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số.

* ***Phát triển năng lực***

– Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học khi HS giải bài toán tình huống thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số (nêu phép tính thích hợp với "tình huống" trong tranh).

– Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt khi giải các bài toán vui, trò chơi, toán thực tế,...

## II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Những tư liệu, vật liệu (bằng bìa), xúc xắc,... để tổ chức trò chơi trong bài học (SGK).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

- Cho HS quan sát tranh, GV có thể nêu thành bài toán rồi đưa ra phép tính thích hợp. (Ví dụ: Có 76 que tính, bớt đi 32 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? Từ đó dẫn ra phép tính 76 – 32. Ta sẽ cùng thực hiện phép tính này như thế nào?). Dựa vào cấu tạo số, cho HS biết quy tắc thực hiện phép tính qua hai bước (đặt tính rồi tính) như SGK.
- Thực hiện tương tự với các quả táo để đưa ra phép trừ 52 – 20.

*Lưu ý:* Chốt lại "quy tắc tính" thực hiện phép trừ (gồm hai bước: đặt tính rồi tính. Tính từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị).

### 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS tính phép trừ (đã đặt tính sẵn). Yêu cầu thực hiện đúng (trừ từ hàng đơn vị đến hàng chục).

*Bài 2:* Yêu cầu HS thực hiện bước đặt tính trước rồi mới tính kết quả (đặt tính cần thẳng cột các hàng đơn vị, hàng chục; thực hiện tính từ phải sang trái).

*Bài 3:* Yêu cầu HS tìm ra kết quả các phép tính ở mỗi quả dưa, rồi so sánh các kết quả tính đó. Từ đó tìm ra quả dưa ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

*Bài 4:* GV có thể nêu bài toán, phân tích đề (bài toán cho gì, hỏi gì). Từ đó cho HS đưa ra phép trừ thích hợp.

**Đáp án:** *Bài 1:* 23, 27, 20, 24, 30.

*Bài 2:* 53, 20, 17, 55.

*Bài 3:* Quả dưa ghi phép tính 70 – 20 có kết quả lớn nhất.

*Bài 4:* 75 – 25 = 50.

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Cho HS biết cách tính nhẩm trừ hai số tròn chục.

Mẫu: Trừ hai số tròn chục (60 – 20). HS nhẩm "6 chục – 2 chục = 4 chục", rồi viết ngay 60 – 20 = 40. Tương tự, HS tính nhẩm được các phép tính ở câu a, b, c.

*Bài 2:* Yêu cầu HS đặt tính rồi tính, thực hiện từ phải sang trái từ hàng đơn vị.

*Bài 3:* Yêu cầu HS tính theo thứ tự từ trái sang phải (theo chiều mũi tên):

a) 85 – 25 = 60, 60 – 20 = 40.

(Mỗi phép tính có thể "nhẩm")

b) Củng cố quy tắc tính phép trừ đã học (có thể phát triển nâng cao hơn là phải tìm chữ số thích hợp của mỗi số khi thực hiện phép trừ ở từng hàng đơn vị hoặc ở hàng chục), chẳng hạn:

*)
$$\begin{array}{r} 5\,\boxed{?} \\ -\ 2\ 4 \\ \hline 3\ 5 \end{array}$$
HS biết 9 – 4 = 5 → Nêu số 9 trong ô ở hàng đơn vị.

*)
$$\begin{array}{r} 8\ \ 5 \\ -\ \boxed{?}\ \boxed{?} \\ \hline 2\ \ 1 \end{array}$$
HS biết 5 – 4 = 1 → Nêu số 4 trong ô ở hàng đơn vị.

biết 8 – 6 = 2 → Nêu số 6 trong ô ở hàng chục.

*Lưu ý:* Có thể tìm $\boxed{?}\ \boxed{?} = 85 - 21 = 64$,...

*Bài 4:* GV có thể nêu "tình huống" trong bài toán thực tế, phân tích để (cho gì, hỏi gì). Từ đó cho HS đưa ra phép trừ thích hợp.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 20, 20, 30; b) 70, 10, 70; c) 10, 40, 30.

*Bài 2:* 20, 22, 40, 24.

*Bài 3:* a) 60, 40;

b) 59 – 24 = 35; 97 – 51 = 46;

68 – 23 = 45; 85 – 64 = 21.

*Bài 4:* 86 – 50 = 36.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.

*Lưu ý:* Bài này củng cố quy tắc tính và mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

*Bài 2:* Yêu cầu HS thực hiện tính cả bốn phép tính, từ đó tìm ra bạn nào cầm thẻ ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

*Bài 3:* Yêu cầu HS so sánh được số đo độ dài (chiều cao) của ba bạn Rô-bốt rồi tìm ra bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất.

**Trò chơi:** Hái nấm

– Củng cố phép tính trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số và cho số có một chữ số.

– Gây hứng thú học tập qua trò chơi, HS được gieo xúc xắc, được hái nấm.
– Có thể tổ chức chơi theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (tuỳ điều kiện chuẩn bị của lớp và thực hiện các bước như trò chơi nêu ở trang 51 – SGV).

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 67, 47, 20; b) 97, 41, 56.

*Bài 2:* Rô-bốt cầm thẻ ghi phép tính có kết quả lớn nhất (67 – 36 = 31).

*Bài 3:* Bạn 97 cm cao nhất, bạn 87 cm thấp nhất.

# Bài 33 LUYỆN TẬP CHUNG (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Đặt tính và thực hiện được phép tính cộng, trừ (không nhớ) số có hai chữ số.
– Tính nhẩm được các phép cộng và trừ (không nhớ) số có hai chữ số.

* ***Phát triển năng lực***

Đọc hiểu và tự nêu phép tính các bài toán yêu cầu đặt phép tính.

## II CHUẨN BỊ

Thước kẻ cho tiết 1 để vẽ hình biểu diễn khoảng cách các quả cầu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1:* GV cho HS luyện tập lại cách thực hiện phép cộng, trừ, bao gồm đặt tính rồi tính và tính nhẩm.

*Bài 2:*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ, hiểu và nêu được số thích hợp.
– Tìm độ xa của quả cầu mà Việt đá bằng phép tính: 10 + 5 = 15 (bước chân).
– Tìm độ xa của quả cầu mà Rô-bốt đá bằng phép tính: 15 + 4 = 19 (bước chân).

*Bài 3:* Để các em làm quen với bài toán, GV có thể chỉ vào một chú ếch, hỏi HS: "Chú ếch này đang nói đến số nào?". Sau khi HS thực hiện phép tính và trả lời xong thì GV chỉ vào một số ô và đặt câu hỏi, ví dụ: "Chú ếch màu xanh có đi theo số này không?", sau đó GV cho các em làm bài.

*Bài 4:*

– GV hướng dẫn HS tìm hai đốt tre bị xếp nhầm.

HS sẽ tìm đáp án đúng bằng cách thử. Cụ thể HS có thể đổi chỗ hai đốt tre bất kì và thực hiện phép tính xem đã đúng chưa. Nếu chưa đúng thì đổi lại vị trí hai đốt tre vừa đặt làm lại. Thử cho đến khi tìm được kết quả đúng.

– Bài này có thể làm theo từng cặp hoặc nhóm nhỏ (3 đến 4 em) để các em bàn luận.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 25, 37, 17, 50; b) 50, 50, 50, 50.

*Bài 2:* Mai: 10 bước chân; Việt: 15 bước chân; Rô-bốt: 19 bước chân.

*Bài 3:* Chú ếch màu nâu ăn được hoa mướp.

*Bài 4:* 98 – 73 = 25.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* GV cho HS luyện tập lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.

*Bài 2:* HS có thể tính nhẩm hoặc nếu chưa tính được thì có thể tự viết lại phép tính vào vở để tính. GV có thể gợi mở HS về sự giống nhau ở kết quả của hai phép tính 37 + 12 – 23 và 37 – 23 + 12. Như vậy xuất phát từ số 37 dù ta cộng 12 trước hay trừ 23 trước thì kết quả cuối cùng vẫn không thay đổi.

*Bài 3:* Yêu cầu tìm các chữ số còn thiếu. GV có thể gợi ý, chẳng hạn với phép tính 12 + 2 ? = 36 là: "Số nào cộng với 2 bằng 6?".

*Bài 4:* Luyện tập đọc hiểu bài toán, kĩ năng tự đặt phép tính, hoàn thành phép tính rồi nêu câu trả lời cho bài toán đó. GV gọi một số HS đọc to bài toán. Sau đó, GV đặt câu hỏi: "Bài toán này dùng phép cộng hay trừ?". Sau đó, GV cho các em tự viết phép tính rồi tính vào vở, gọi 1 HS lên chữa bài và nhận xét.

*Chú ý:* Bài này có thêm yêu cầu HS nêu câu trả lời. GV nên thiết kế câu trả lời mẫu để HS làm quen với yêu cầu này. Có thể cho HS viết câu trả lời hoàn thiện vào vở.

*Bài 5:* Để trả lời từng câu hỏi, ban đầu GV có thể yêu cầu HS đánh dấu đường đi. Chẳng hạn đường đi từ nhà dế mèn đến nhà bác xén tóc.

**Đáp án:** *Bài 1:* 28, 69, 45, 54.

*Bài 2:* 49, 26; 14, 26.

*Bài 3:* 12 + 24 = 36; 43 + 13 = 56; 68 – 21 = 47.

*Bài 4:* 53 quả thị.

*Bài 5:* a) 30 + 31 + 32 = 93 (bước chân).

30 + 15 + 21 = 66 (bước chân).

b) Nhà dế trũi gần nhà dế mèn nhất.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* GV cho HS luyện tập lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.

*Bài 2:* Luyện tập đọc hiểu bài toán, kĩ năng tự đặt phép tính, hoàn thành phép tính và nêu câu trả lời.

*Bài 3:* GV giải thích về quy luật các con số thông qua hình vẽ trên bảng. Gọi từng HS lên hoàn thành các ô từ dưới lên trên. Bài toán cũng có thể tổ chức thành một trò chơi tiếp sức: Trong nhóm, các thành viên thay nhau lên hoàn thành từng ô, nếu viết sai thì cho bạn khác lên sửa lại cho đúng và nhóm nào nhanh hơn thì thắng.

*Bài 4:* HS tính rồi nêu kết quả của mỗi phép tính.

Có thể tổ chức bài tập này thành trò chơi theo cặp. Hai bạn HS bắt đầu từ hai đầu của đường đua và lần lượt thực hiện các phép tính, bạn nào nhanh hơn (tính được nhiều phép tính đúng hơn) thì thắng. GV có thể in sẵn hình vẽ ra giấy khổ lớn rồi cho các cặp HS chơi với nhau.

**Đáp án:** *Bài 1:* 38, 87, 71, 92.

*Bài 2:* 49 – 25 = 24. Ngày thứ hai, tráng sĩ uống hết 24 bầu nước.

*Bài 3:* Các số được điền từ dưới lên trên: 22, 45, 89.

*Bài 4:* Từ trên xuống dưới: 38, 36, 70, 64, 45, 44, 19, 90.

## Tiết 4. Luyện tập

*Bài 1:* GV yêu cầu HS tính nhẩm mà không cần đặt tính.

*Bài 2:* Hướng dẫn tương tự bài 3 tiết 2.

*Bài 3:* GV có thể hướng dẫn HS viết phép tính cho bài toán (45 + 33 = 78), sau đó nêu câu trả lời.

*Bài 4:* GV hướng dẫn HS thực hiện phép tính từ trái sang phải. Có thể thay bằng mô hình tính như bài 2 tiết 2 để HS dễ hình dung cách tính.

*Bài 5:* GV cho HS luyện tập lại bài toán đặt phép tính. GV cho HS đọc to đề bài. Sau đó cho các em làm lần lượt từng ý một. Với mỗi ý, GV đặt câu hỏi là đặt phép tính cộng hay trừ. Sau khi HS trả lời câu hỏi mới cho HS làm bài.

**Đáp án:** *Bài 1:* 65, 49, 90, 3.

*Bài 2:* 18 + 50 = 68, 40 – 10 = 30, 35 + 33 = 68.

*Bài 3:* 45 + 33 = 78. Túi màu đỏ có 78 quả thông.

*Bài 4:* a) 61; b) 12; c) 57.

*Bài 5:* a) 10 + 12 = 22. Có tất cả 22 toa tàu.

b) 15 – 3 = 12. Có 12 toa chở khách.

# Chủ đề 9 THỜI GIAN. GIỜ VÀ LỊCH

## Bài 34 XEM GIỜ ĐÚNG TRÊN ĐỒNG HỒ (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Biết xem giờ đúng trên đồng hồ.

– Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

* ***Phát triển năng lực***

Thực hiện các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, quan sát tranh.

### II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Mô hình đồng hồ hoặc đồng hồ thật (nếu có điều kiện).

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Tiết 1**

**1. Khám phá**

– GV có thể đặt câu hỏi: Làm thế nào để biết về thời gian? Chẳng hạn:

+ Em thức dậy vào mỗi buổi sáng lúc mấy giờ?

+ Bố mẹ đưa em đi học lúc mấy giờ?

+ Em tan học lúc mấy giờ?...

– Sau đó, GV giới thiệu về đồng hồ. Sử dụng đồng hồ chuẩn bị trước, GV có thể đặt câu hỏi:

+ Mặt đồng hồ có bao nhiêu số? Từ số bao nhiêu đến số bao nhiêu?

+ Trên mặt đồng hồ, ngoài các số còn xuất hiện gì?

– GV giới thiệu về kim dài, kim ngắn: Kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút.

– Yêu cầu HS quan sát phần "Khám phá" trong SGK, GV sử dụng mô hình đồng hồ quay đúng 6 giờ (như đồng hồ trong SGK) rồi giới thiệu cho HS: "Đồng hồ báo thức lúc 6 giờ." GV cần nhấn mạnh: Kim ngắn (kim giờ) chỉ số 6, kim dài (kim phút) chỉ số 12.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## 2. Hoạt động

*Bài 1:*

– GV yêu cầu HS lần lượt quan sát các bức tranh a, b, c, d. GV cần cho HS xác định rõ yêu cầu của câu hỏi:

+ Bạn làm gì?

+ Bạn làm việc đó lúc mấy giờ?

– Trên cơ sở đó, GV có thể đặt câu hỏi: Bạn ở bức tranh a đang làm gì?

– Sau khi HS mô tả xong hoạt động của bạn ở bức tranh a, GV đặt tiếp câu hỏi về thời gian: Bạn thực hiện hoạt động đó lúc mấy giờ?

– Tương tự cho các bức tranh còn lại.

*Lưu ý:*

– Tuỳ trình độ HS mà GV có thể yêu cầu HS xác định kim ngắn (kim giờ) chỉ số mấy (trên mặt đồng hồ tương ứng trong mỗi hình vẽ) trước khi yêu cầu HS xác định mấy giờ.

– Trong mỗi bức tranh, đều ghi "buổi" trong ngày, nên sau khi mô tả hoạt động của các bạn trong mỗi bức tranh, GV có thể kết hợp mô tả hoặc đặt câu hỏi để HS mô tả thêm về đặc điểm của "buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối".

*Bài 2:* GV yêu cầu HS lần lượt quan sát các đồng hồ và đọc giờ.

*Bài 3:* Trường hợp đồng hồ chỉ 12 giờ khi hai kim đồng hồ ở vị trí chồng lên nhau. Vì vậy, SGK đưa ra một tình huống riêng để HS nhận thấy sự đặc biệt này. GV nên sử dụng mô hình đồng hồ xoay để đồng hồ chỉ 12 giờ cho trực quan và nhấn mạnh đặc điểm "hai kim chồng lên nhau".

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Học bài lúc 9 giờ; b) Ăn trưa lúc 11 giờ;

c) Chơi đá bóng lúc 5 giờ; d) Đi ngủ lúc 10 giờ.

*Bài 2:* 1 giờ; 3 giờ; 5 giờ; 2 giờ; 4 giờ; 8 giờ.

*Bài 3:* Rô-bốt nói đúng.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:*

– Với câu a, trước tiên, GV có thể yêu cầu HS mô tả về hoạt động của các bạn trong bức tranh rồi sau đó xác định chiếc đồng hồ mỗi bạn đang cầm chỉ mấy giờ. Từ đó, tìm ra bạn cầm đồng hồ chỉ 7 giờ.

– Câu b liên quan đến vị trí, cụ thể là cao hơn, thấp hơn. GV hướng dẫn HS tìm chiếc đồng hồ nào trong bức tranh ở vị trí cao nhất, sau đó xác định xem đồng hồ đó chỉ mấy giờ.

*Bài 2:*

– Trước khi xác định giờ trên mặt đồng hồ, GV có thể yêu cầu HS mô tả về các con vật trong mỗi bức tranh.

– Sau khi đã xác định thời gian mỗi con vật đi ngủ, GV có thể mở rộng thêm bằng cách đặt các câu hỏi:

+ Con vật nào đi ngủ muộn nhất?

+ Em thường đi ngủ lúc mấy giờ?

+ Chúng ta nên đi ngủ lúc mấy giờ?

*Bài 3:*

– Trước tiên, GV có thể đặt câu hỏi:

+ Các em có thích đi công viên không?

+ Tại sao các em thích đi công viên? Ở đó có những hoạt động gì?

– Tiếp đến, GV nên yêu cầu HS quan sát tranh và đoán tên các tiết mục được minh hoạ.

*Lưu ý:*

– Các tiết mục trong bảng được đưa ra theo thứ tự thời gian bắt đầu biểu diễn, vì vậy GV nên yêu cầu HS quan sát các bức tranh tương ứng với các tiết mục theo thứ tự như trong bảng đưa ra. Từ đó nêu thời gian bắt đầu diễn ra cho mỗi tiết mục.

– Sau khi hoàn thành câu a, GV có thể đặt thêm một số câu hỏi, chẳng hạn: "Trong các tiết mục được nêu ra, em thích tiết mục nào nhất?"; "Có bạn nào thích tiết mục khác với các tiết mục được nêu ra trong SGK không?"...

– Câu b thuộc câu hỏi ở mức sáng tạo. Để xác định Mi xem được những tiết mục nào nếu Mi đến công viên lúc 2 giờ chiều, cần biết tiết mục nào diễn ra sau 2 giờ chiều.

*Lưu ý:* Tuỳ mức độ HS và thời gian mà GV có thể cho HS làm hoặc không làm câu b.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Bạn Rô-bốt; b) 9 giờ.

*Bài 2:* a) 11 giờ trưa; b) 9 giờ tối; c) 6 giờ chiều; d) 12 giờ đêm.

*Bài 3:* a) 1: 10 giờ, 2: 11 giờ, 3: 3 giờ chiều, 4: 4 giờ chiều, 5: 5 giờ chiều.

b) Ảo thuật, phim hoạt hình 5D, xiếc cá heo.

# Bài 35 CÁC NGÀY TRONG TUẦN (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Nhận biết được các ngày trong một tuần lễ, một tuần lễ có 7 ngày.

– Bước đầu làm quen và hiểu các khái niệm "hôm qua", "hôm nay", "ngày mai".

* ***Phát triển năng lực***

– Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, đặc biệt là khả năng quan sát.

– Bước đầu biết chỉ ra chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.

– Xác định cách thức giải quyết vấn đề.

– Thực hiện và trình bày giải pháp cho vấn đề.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.

– Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– GV có thể bắt đầu với một số câu hỏi:

+ Trong tuần em đi học vào những ngày nào?

+ Em được nghỉ những ngày nào?...

– Tiếp đến, GV giới thiệu về các ngày trong một tuần lễ. Khi giới thiệu một ngày cụ thể trong tuần, GV có thể hỏi HS về hoạt động trong ngày hôm đó (thực tế), sau đó so sánh với hoạt động trong bức tranh tương ứng.

– Khi chuyển từ ngày này sang ngày khác, GV nên có câu nối, chẳng hạn: "Sau ngày thứ Hai là ngày thứ Ba, sau ngày thứ Ba là ngày thứ Tư,...".

– GV rút ra kết luận:

+ Một tuần lễ có 7 ngày là: thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật.

+ Thứ Hai là ngày đầu tuần, Chủ nhật là ngày cuối tuần.

– Tiếp theo, GV giới thiệu về hôm nay, ngày mai, hôm qua.

+ Lấy ngày hôm nay làm mốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Ngày sau ngày hôm nay là ngày mai.

+ Ngày trước ngày hôm nay là hôm qua.

– GV có thể hỏi HS về ngày diễn ra buổi học (hôm nay). Từ đó, GV gợi ý HS xác định ngày mai, hôm qua.

## 2. Hoạt động

*Bài 1:* GV nên yêu cầu HS mô tả trạng thái của cây đậu thần qua từng ngày, trước khi xác định ngày cây đậu thần nảy mầm (câu a) và ngày mà cây đậu thần ra hoa (câu b).

*Bài 2:* GV nên yêu cầu HS mô tả bức tranh để thấy được sự thay đổi của đối tượng (được nêu ra trong SGK) qua từng ngày.

*Bài 3:* GV hướng dẫn cách xác định ngày hôm nay, ngày mai, hôm qua khi cho biết một trong ba ngày đó.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Thứ Hai; b) Thứ Sáu.

*Bài 2:* Thứ Ba, thứ Năm.

*Bài 3:* a) "Hôm qua" là thứ Ba, "ngày mai" là thứ Năm;

b) "Hôm nay" là thứ Bảy, "ngày mai" là Chủ nhật.

# Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* GV có thể dẫn dắt: Bạn ốc sên bị quên đường về nhà. Chúng ta cần tìm đường về nhà cho bạn ốc sên. Con đường này rất đặc biệt. Nó phải đi qua tất cả các viên đá, nhưng mỗi viên đá chỉ được đi qua 1 lần (viên đá đã đi qua không được đi lại).

*Bài 2:* Với các môn học giả tưởng cho nhân vật Rô-bốt, SGK đưa ra một thời khoá biểu:

– Với câu a, HS chỉ cần quan sát thời khoá biểu và đọc tên các môn học mà bạn Rô-bốt học vào ngày thứ Ba.

– Câu b chính là một dạng thống kê bảng. Để làm được câu này, HS cần quan sát từng ngày trong thời khoá biểu để tìm ra những ngày bạn Rô-bốt học môn Tiếng Việt. Để tiện cho việc trình bày và theo dõi của HS, GV có thể hướng dẫn bằng cách lập bảng:

| Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |

– Sau đó, GV hướng dẫn HS quan sát thời khoá biểu. Chẳng hạn, nếu thứ Hai bạn Rô-bốt có học môn Tiếng Việt thì đánh dấu tích (✓) vào cột Thứ Hai trong bảng trên. Tương tự cho các ngày còn lại trong tuần, chúng ta sẽ thu được bảng:

| Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu |
|---|---|---|---|---|
| ✓ | | ✓ | | ✓ |

*Bài 3:* – Trước tiên, GV có thể đặt câu hỏi về bức tranh được đưa ra trong SGK:

+ Bức tranh mô tả gì?

+ Em thấy những gì trên bức tranh?

– GV có thể giải thích cụ thể hơn: "Từ thứ Hai, bạn Rô-bốt bắt đầu chuyến du lịch xuyên Việt trong 1 tuần qua 7 địa điểm. Địa điểm đầu tiên mà bạn Rô-bốt chọn trong chuyến xuyên Việt là Cao Bằng.".

– GV có thể hướng dẫn HS xác định ngày trong tuần tương ứng với số hiệu của các địa điểm.

1 (Thứ Hai) ⟶ 2 (Thứ Ba) ⟶ 3 (Thứ Tư) ⟶ 4 (Thứ Năm) ⟶ 5 (Thứ Sáu) ⟶ 6 (Thứ Bảy) ⟶ 7 (Chủ nhật)

*Lưu ý:*

– Nếu có điều kiện, GV có thể phô tô phóng to bản đồ ra một tờ giấy A0 hoặc trình chiếu bản đồ giúp HS dễ quan sát hơn khi làm bài tập này.

– Đây là bài tập có nội dung tích hợp Toán học và Địa lí, do đó nếu còn thời gian, GV có thể khai thác thêm từ bài tập này bằng cách đặt một số câu hỏi:

+ Em thích địa điểm nào ở Việt Nam? Địa điểm đó ở tỉnh (thành phố) nào?

+ Em có biết Việt Nam có tất cả bao nhiêu tỉnh không? Ngoài các tỉnh (thành phố) được nêu ra trong sách, hãy kể thêm tên một số tỉnh (thành phố) khác mà em biết.

**Đáp án:** *Bài 1:* Điền theo thứ tự: thứ Ba, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật.

*Bài 2:* a) Lắp ghép hình, máy tính, bay;

b) Thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu.

*Bài 3:* a) Hà Nội; b) Thứ Năm; c) Chủ nhật.

## Bài 36 THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Giải quyết được các vấn đề thực tế đơn giản liên quan đến đọc giờ đúng trên đồng hồ.

– Biết xem lịch để xác định các ngày trong tuần.

* ***Phát triển năng lực***

– Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, đặc biệt là khả năng quan sát.

– Bước đầu biết chỉ ra chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.

– Xác định cách thức giải quyết vấn đề.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1.

– Một số tờ lịch thật (loại lịch ngày).

*Lưu ý:* Các tờ lịch nên là các ngày liên tiếp nhau.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

### 1. Khám phá

– GV có thể dẫn dắt từ một tình huống thực tế trong đời sống có liên quan đến xác định ngày thứ. Ví dụ: "HS sẽ thi cuối kì vào ngày 15 tháng 5. Vậy làm thế nào để biết được ngày 15 tháng 5 đó là thứ mấy?"...

– Tiếp đến, GV dẫn dắt vào bài học và giới thiệu tờ lịch (tờ lịch thật đã chuẩn bị từ trước). GV giới thiệu trực quan các thông số chính xuất hiện trên mặt tờ lịch.

– Trở lại với tờ lịch được đưa ra trong SGK, GV chốt lại thông tin nhận được từ việc xem tờ lịch: Thứ Hai, ngày bảy.

– Tiếp đó, GV yêu cầu HS quan sát ô bên phải trong phần "Khám phá". GV có thể đặt một số câu hỏi:

+ Sau khi bóc đi tờ lịch thứ Hai, ngày bảy, chúng ta sẽ thấy tờ lịch gì?

+ Sau khi bóc đi tiếp tờ lịch thứ Ba, ngày tám, chúng ta thấy tờ lịch gì?

+ Có bạn nào đoán được, nếu bóc đi tiếp tờ lịch thứ Tư, ngày chín thì sau đó là tờ lịch nào không?

*Lưu ý:*

– Nên nhấn mạnh: Sau thứ Hai, ngày bảy sẽ đến thứ Ba, ngày tám. Sau thứ Ba, ngày tám sẽ đến thứ Tư, ngày chín.

– Chương trình Toán 1 chưa giới thiệu về tháng, năm.

### 2. Hoạt động

*Bài 1:*

– GV nên giải thích để bài chi tiết hơn: "Mỗi chú sóc cần tìm một gốc cây thích hợp cho mình và mỗi gốc cây chỉ là nhà của duy nhất một chú sóc.".

– Để HS dễ dàng tư duy hơn trong bài tập đầu tiên, GV có thể đặt câu hỏi mang tính gợi ý: "Thứ Ba là ngày 22 thì thứ Tư sẽ là ngày bao nhiêu?"...

*Bài 2:* Để giải quyết được bài tập này, GV nên nhắc lại các khái niệm "hôm qua", "hôm nay", "ngày mai".

*Bài 3:* Bạn Mai đã xé đi bao nhiêu tờ lịch?

– Để giải quyết bài tập này, GV có thể hướng dẫn HS liệt kê những tờ lịch bị xé đi, sau đó đếm để tìm ra đáp số. Tuy nhiên, với lớp học nhanh hoặc có những bạn học tốt, GV có thể hướng dẫn HS thêm cách làm phép tính trừ.

– Với câu b, GV có thể hướng dẫn HS thông qua bảng:

| Ngày 16 | Ngày 17 | Ngày 18 | Ngày 19 |
|---|---|---|---|
| Thứ Tư | | | |

**Đáp án:** *Bài 1:* Thứ Tư – ngày 23, Thứ Năm – ngày 24, Thứ Sáu – ngày 25.

*Bài 2:* a) Ngày 21 – ngày mai, Ngày 19 – hôm qua;

b) Hôm nay – ngày 21, Ngày mai – ngày 22.

*Bài 3:* a) Bạn Mai đã xé đi 3 tờ lịch;

b) Ngày 19 là thứ Bảy.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:*

– GV nên dẫn dắt bằng việc kể một câu chuyện. GV có thể thêm các tình tiết cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn.

– Trước khi đến với các diễn biến của cuộc chạy thi giữa rùa và thỏ, GV có thể đặt câu hỏi:

+ Rùa hay thỏ chạy nhanh hơn?

+ Các em đoán thử xem nếu rùa và thỏ chạy thi, bạn nào sẽ về đích trước?...

– Sau đó, GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh để trả lời các câu hỏi.

*Lưu ý:*

– Đây là bài tập tích hợp nội dung Toán học và Văn học. Câu chuyện được nhắc đến trong bài tập này là "Rùa và thỏ".

– Sau khi hoàn thành bài tập này, GV có thể đặt câu hỏi:

+ Thỏ chạy nhanh hơn nhưng tại sao thỏ lại về đích sau?

+ Còn rùa, tuy chạy rất chậm so với thỏ nhưng tại sao lại về đích trước?

Qua đó, GV có thể rút ra bài học cho HS.

*Bài 2:*

– Trước tiên, GV có thể hỏi HS một số câu hỏi liên quan đến máy bay và các hãng hàng không. Chẳng hạn:

+ Một phương tiện giao thông mà có thể bay trên bầu trời. Em có biết, đó là phương tiện nào không?

+ Em biết những hãng hàng không nào?...

– Để giải quyết được câu a, HS cần kĩ năng xem giờ đúng và đọc bảng. GV hướng dẫn HS xác định chuyến bay từ Hà Nội đến thành phố 1 khởi hành lúc mấy giờ, sau đó đối chiếu bảng bên dưới để xác định tên của thành phố 1. Thực hiện tương tự cho việc xác định các thành phố còn lại.

– Với câu b, GV có thể hướng dẫn HS bằng cách đặt câu hỏi gợi mở: "Để vào Đà Nẵng, em cần đi chuyến bay khởi hành lúc mấy giờ?". Từ đó, đối chiếu tìm ra máy bay thích hợp.

*Bài 3:* GV có thể đặt câu hỏi:

– Gia đình bạn Mai bắt đầu đi từ thành phố lúc mấy giờ?

– Gia đình bạn Mai về đến quê lúc mấy giờ?

– Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS xác định khoảng thời gian để gia đình bạn Mai đi từ thành phố về quê bằng cách đếm giờ trên mặt đồng hồ.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 6 giờ; b) 8 giờ; c) 9 giờ; d) 11 giờ.

*Bài 2:* a) 1 – Huế, 2 – Đà Nẵng, 3 – Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Máy bay màu đỏ.

*Bài 3:* 2 giờ.

# Bài 37 LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

Giải quyết được các vấn đề thực tế đơn giản liên quan đến đọc giờ đúng và xem lịch.

* ***Phát triển năng lực***

– Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, đặc biệt là khả năng quan sát.

– Bước đầu biết chỉ ra chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.

– Xác định cách thức giải quyết vấn đề.

– Thực hiện và trình bày giải pháp cho vấn đề.

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.

– Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

– Chuẩn bị vật liệu, mô hình, xúc xắc để thực hiện trò chơi trong SGK.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

*Bài 1:* Cho HS quan sát mỗi đồng hồ rồi đọc giờ ở đồng hồ đó.

*Bài 2:* Với bài tập này, HS cần:

– Quan sát các bức tranh mô tả hoạt động của bạn Việt.

– Xác định thời gian bạn Việt làm những hoạt động đó.

– Đây là một bài tập mở. GV nên gọi một số HS trả lời để thông qua đó tương tác với HS nhiều hơn.

*Lưu ý:* Khi HS kể về những việc thường làm vào ngày Chủ nhật, GV nên hỏi HS thêm về thời gian HS làm những công việc đó. Dựa vào đó, GV có thể yêu cầu HS nêu nhận xét về các hoạt động của bạn Việt trong ngày Chủ nhật thông qua một số câu hỏi như:

+ Em có nên ngủ dậy vào lúc 10 giờ sáng không? Tại sao không nên?

+ Em có nên đá bóng vào lúc 2 giờ chiều không? Tại sao không nên?...

*Bài 3:*

– Trước tiên, GV nên yêu cầu HS quan sát các bức tranh trong bảng để gọi tên các môn thể thao. Các môn thể thao được đưa ra gồm có: bóng chuyền, quần vợt, cầu lông, chạy và bóng bàn.

– Dựa vào bảng để trả lời câu hỏi.

**Đáp án:** *Bài 1:* 3 giờ, 6 giờ, 9 giờ.

*Bài 2:* – Việt ngủ dậy lúc 10 giờ sáng;

– Việt đá bóng lúc 2 giờ chiều;

– Việt ăn tối vào lúc 9 giờ tối;

– Việt chơi trò chơi điện tử lúc 11 giờ đêm.

Chúng ta không nên như Việt.

*Bài 3:* a) Quần vợt, chạy; b) Thứ Năm, thứ Bảy; c) Thứ Sáu.

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Bài tập này nhằm ôn lại cho HS kiến thức về so sánh các số có hai chữ số. Trước khi vào nội dung các câu hỏi trong bài tập, GV có thể đặt câu hỏi: Em có biết thỏ thích ăn gì không? Sau đó, GV dẫn dắt vào bài.

*Bài 2:* GV hướng dẫn HS, dựa vào lời đối thoại của các nhân vật trong bức tranh, thu được câu hỏi: "Hôm qua là thứ Tư, vậy ngày mai là thứ mấy?". Muốn biết "ngày mai"

là thứ mấy, cần xác định được ngày "hôm nay". Trên cơ sở đó, GV có thể gợi ý bằng cách đặt câu hỏi: "Hôm qua là thứ Tư thì hôm nay là thứ mấy? Ngày mai là thứ mấy?"

**Trò chơi:** Đưa ong về tổ

* *Chuẩn bị:*

Mỗi nhóm 1 con xúc xắc, 1 quân cờ.

* *Cách chơi:*

– Có thể cho HS oẳn tù tì để tìm ra bạn đi trước. Hai bạn luân phiên nhau di chuyển một quân cờ. Người chơi sẽ gieo xúc xắc để di chuyển quân cờ theo số ô bằng số chấm xuất hiện ở mặt trên con xúc xắc. Tại đó, người chơi phải xác định đồng hồ chỉ mấy giờ. Nếu xác định đúng thì người chơi được ở nguyên đó, nếu xác định sai thì người chơi phải quay lại vị trí ở lượt trước đó. Nếu di chuyển được quân cờ đến ô may mắn (ô có hình chú ong) thì người chơi sẽ đưa được chú ong về tổ ngay lập tức. Ai di chuyển được quân cờ đúng đến tổ ong, người chơi đó đưa được ong về tổ.

– Trò chơi kết thúc khi đưa được ong về tổ.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Thứ Ba, thứ Bảy;

b) Thứ Năm, thứ Sáu, Chủ nhật.

*Bài 2:* Thứ Sáu.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# Chủ đề 10 ÔN TẬP CUỐI NĂM

## Bài 38 ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 10
**(3 tiết)**

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Ôn tập, củng cố kiến thức về số và chữ số trong phạm vi 10, phân tích số, đọc viết số, xếp thứ tự và so sánh số.

– Củng cố bài toán có lời văn (bài toán thực tế về phép cộng, phép trừ). Quan sát tranh, viết phép tính thích hợp và nêu câu trả lời.

– Củng cố thực hiện tính (tính nhẩm) các phép cộng, trừ trong phạm vi 10 (dựa vào bảng cộng, trừ trong phạm vi 10). Thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính. Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

* ***Phát triển năng lực***

– Phát triển năng lực giải quyết vấn đề qua việc giải các bài toán thực tế (giải quyết các "tình huống" thực tế).

– Rèn khả năng diễn đạt, trình bày, giao tiếp toán học thông qua trả lời các câu hỏi của bài toán có lời văn, bài toán vui có tính lôgic, trò chơi toán học,...

– Thấy được mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

### II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1, mô hình, tranh ảnh phục vụ các bài trong SGK.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1:* Củng cố về thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé của các số tự nhiên trong phạm vi 10. HS tự tìm số thích hợp trong ô theo yêu cầu của đề bài (ở mỗi câu a, b).

*Bài 2:* HS quan sát các bông hoa, so sánh các số, rồi nêu câu trả lời theo yêu cầu ở câu a, câu b.

*Bài 3:* Củng cố về so sánh số (quan hệ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau). Yêu cầu HS quan sát để bài (tranh vẽ các ô tô), phân tích "tình huống". (Lúc đầu hàng trên có 8 ô tô, hàng dưới có 6 ô tô. Sau khi chuyển 1 ô tô từ hàng trên xuống hàng dưới thì số ô tô ở hai hàng lúc này thế nào? Nhiều hơn, ít hơn hay bằng nhau?). Từ đó tìm câu trả lời đúng.

*Lưu ý:*

- Có thể so sánh số, chẳng hạn: Sau khi chuyển 1 ô tô thì hàng trên đếm còn 7 ô tô, hàng dưới đếm có 7 ô tô nên câu C đúng (số ô tô ở hai hàng bằng nhau).
- HS có thể quan sát hình vẽ hoặc làm mô hình gắn lên bảng minh hoạ sau khi chuyển 1 ô tô thấy hai hàng ô tô tương ứng bằng nhau.

*Bài 4:* Bài này gắn với môn Tự nhiên và Xã hội, yêu cầu HS quan sát tranh rồi nêu được các giai đoạn sinh trưởng của hoa sen (1: Sen chưa ra hoa, 2: Nụ hoa, 3: Hoa sen nở, 4: Hoa sen tàn, 5: Hoa sen thành đài sen).

*Bài 5:* HS nhận xét: điểm Mai cao hơn Nam, do đó Mai điểm 10, Nam điểm 9. Còn lại Việt điểm 10. (Đây là bài toán cần suy luận lôgic, GV có thể để HS tự làm hoặc có gợi ý hướng dẫn thêm).

**Đáp án:** *Bài 1:* a) 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6; b) 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4.

*Bài 2:* a) Bông 6, 7, 8; b) Bông 6 ghi số lớn nhất, bông 3 ghi số bé nhất.

*Bài 3:* Câu C.

*Bài 4:* 3, 5, 4.

*Bài 5:* Việt được 10 điểm.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu HS thực hiện các phép tính ở trong hình vẽ. Dựa vào kết quả các phép tính để tìm ra các phép tính có kết quả là 8.

*Bài 2:* Yêu cầu HS thực hiện các phép tính ở mỗi chú thỏ. Dựa vào kết quả phép tính, HS tìm được chuồng tương ứng mà chú thỏ đó sẽ chạy vào. HS tự phát hiện được "tình huống" có hai chú thỏ mang phép tính (5 + 2) và (10 – 3) có cùng kết quả là 7 nên sẽ cùng chạy vào chuồng số 7. Từ đó trả lời được câu hỏi của bài.

*Lưu ý:* Đây là bài toán vui, có tính lôgic, GV nên tổ chức hoạt động sao cho vừa đạt yêu cầu bài ra, vừa gây hấp dẫn, hứng thú học tập cho HS.

*Bài 3:* HS tự phát hiện được "quy luật" cách tính. (Mỗi số ở hàng trên là kết quả của phép cộng hai số tương ứng ở hàng dưới liền kề). Từ đó nêu được số thích hợp.

*Lưu ý:* Đây là toán vui, có tính lôgic (phát hiện quy luật), GV nên để HS tự phát hiện rồi làm, chỉ hướng dẫn, gợi ý thêm khi cần thiết.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Bài 4:*

– Củng cố so sánh số, nêu dấu >; <; = thích hợp.

– Yêu cầu so sánh số với kết quả phép tính.

*Lưu ý:* Các bài này có mức độ yêu cầu cao hơn khi so sánh hai số, GV có thể để HS tự làm hoặc hướng dẫn để HS tìm (nhẩm) kết quả phép tính, rồi so sánh số với kết quả đó (chỉ cần nêu dấu >; <; =, không cần ghi kết quả phép tính).

*Bài 5:* Củng cố các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10: HS tính kết quả các phép tính rồi ghi số bướm đậu vào bảng.

*Lưu ý:* GV có thể tổ chức làm bài này như hoạt động "toán vui" hoặc "trò chơi" theo cặp đôi hoặc nhóm (tuỳ điều kiện của từng lớp), miễn sao đạt được yêu cầu của bài toán và gây hứng thú học tập cho HS.

**Đáp án:** *Bài 1:* 6 + 2 = 9 – 1 = 4 + 4 = 8.

*Bài 2:* Chuồng 7.

*Bài 3:* Theo thứ tự từ dưới lên trên: 4, 5, 10.

*Bài 4:* >; <; =

*Bài 5:* 2, 1, 2, 1.

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* Xếp que tính

a) HS tham gia "Toán vui" xếp que tính thành các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (dạng số điện tử).

Yêu cầu HS lấy que tính tự xếp được các số trên (theo mẫu trong SGK).

b) HS quan sát, đếm số que tính ở mỗi số (0 → 9) rồi tìm ra những số được xếp bởi 5 que tính.

*Bài 2:* "Toán vui" về phép tính cộng, trừ. Yêu cầu HS tìm cách đổi chỗ 1 que tính để được số mới thích hợp với phép tính đúng, chẳng hạn:

a) Đổi 3 thành 2 để có phép tính đúng 6 + 2 = 8.

b) Đổi 9 thành 0 để có phép tính đúng 5 – 0 = 5.

*Lưu ý:* Đây là toán vui về xếp que tính, củng cố về số và phép tính trong phạm vi 10, qua đó rèn tư duy (tìm cách giải quyết "tình huống" có vấn đề). GV để HS tự làm việc cá nhân hoặc có thể tổ chức làm việc nhóm tuỳ điều kiện của lớp (dưới hình thức như trò chơi học toán).

*Bài 3:* Bài này dưới dạng "Toán đố vui" rèn tư duy lôgic, giải quyết "tình huống" (Làm thế nào để thỏ qua được các cửa để tới chỗ có cà rốt và có mấy cách đi như thế?). GV có thể cho HS làm việc cá nhân hay nhóm (tuỳ điều kiện của lớp).

*Lưu ý:*

- Yêu cầu HS tính được phép cộng hai số ở hai cửa tương ứng để có kết quả là 10 (ghép hai số ở trong các cửa thành đường thỏ có thể đi qua được).
- Gây hứng thú học tập cho HS (khi làm việc nhóm cần có hiệu quả, tránh hình thức).

**Đáp án:** *Bài 1:* b) Các số 2, 3, 5.

*Bài 2:* $6 + 2 = 8$, $5 - 0 = 5$.

*Bài 3:* Ta có: $2 + 8 = 10$; $3 + 7 = 10$.

Như vậy có 2 cách đi để thỏ lấy được cà rốt.

# Bài 39 ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100

**(3 tiết)**

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

- Ôn tập, củng cố kiến thức về số và chữ số trong phạm vi 100 (số có hai chữ số); về đọc, viết số, cấu tạo, phân tích số, xếp thứ tự, so sánh số.
- Ôn tập, củng cố vận dụng quy tắc tính (đặt tính rồi tính), tính nhẩm, tính trong trường hợp có hai dấu phép tính, vận dụng vào giải toán có lời văn (toán thực tế) để nêu phép tính thích hợp và nêu câu trả lời.

* ***Phát triển năng lực***

Phát triển năng lực giải quyết vấn đề qua việc giải các bài toán thực tế, phát triển trí tưởng tượng, tư duy lôgic qua bài toán vui, trò chơi, năng lực mô hình hoá, giao tiếp (qua áp dụng quy tắc tính, diễn đạt,...).

## II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1, mô hình, tranh ảnh phục vụ các bài trong SGK.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1:* Bài này củng cố về lập số, đọc, viết số, cấu tạo số (hàng chục, hàng đơn vị). Yêu cầu HS quan sát tranh vẽ "que tính" rồi nêu các số thích hợp.

*Bài 2:* a) Củng cố cấu tạo số (số gồm mấy chục và mấy đơn vị). Yêu cầu HS tìm được số tương ứng trong ô (theo mẫu).

b) Có thể hiểu 47 gồm 4 chục và 7 đơn vị hay viết là: 47 = 40 + 7. Tìm các số tương ứng trong ô ở các phép tính còn lại.

*Bài 3:* Củng cố so sánh số đo độ dài. Yêu cầu HS so sánh số đo độ dài bước chân của mỗi bạn, rồi trả lời câu hỏi (trong SGK).

*Bài 4:* Toán vui "ghép hai miếng bìa để được số có hai chữ số". Yêu cầu HS lập được các số có hai chữ số khác nhau từ ba chữ số đã cho 3, 0, 7. Sau đó nhận ra có 4 số ghép được là: 37, 73, 30, 70.

*Lưu ý:* GV có thể cho HS ghép hai miếng bìa từ ba miếng bìa có ba chữ số khác 0, chẳng hạn từ ba chữ số 3, 5, 7 ghép được 6 số: 35, 37, 57, 53, 73, 75. Sau đó mới ghép ba chữ số 3, 0, 7 (SGK) để được 4 số: 30, 37, 70, 73 (số 03, 07 bị loại vì không phải là số có hai chữ số).

**Đáp án:** *Bài 2:* b) 53 = 50 + 3; 69 = 60 + 9; 96 = 90 + 6.

*Bài 3:* a) Nam có bước chân dài nhất;
b) Việt có bước chân ngắn nhất.

*Bài 4:* 37, 73, 30, 70.

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* a) Cho HS thực hiện tính nhẩm (nêu ngay kết quả tính).

b) Yêu cầu HS đặt tính rồi tính (HS tự làm, GV chỉ kiểm tra, giúp đỡ nếu cần).

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính kết quả các phép tính, rồi tìm hai phép tính có cùng kết quả. (Khi tính có thể nhẩm ra kết quả, không cần đặt tính rồi tính).

*Lưu ý:* Với tranh vẽ, HS có thể hiểu vui: Con mèo bắt được con cá khi hai phép tính tương ứng có cùng kết quả.

*Bài 3:* Yêu cầu HS tính lần lượt phép tính từ trái sang phải. (Có thể nhẩm ra kết quả rồi nêu kết quả phép tính).

*Bài 4:* Yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm các phép tính ghi trên con rồng. Sau đó nêu kết quả tương ứng với dấu hỏi (?) trong bảng.

**Đáp án:** *Bài 2:* a) 35 + 12 = 40 + 7; 53 + 6 = 40 + 19; 60 + 20 = 30 + 50.

*Bài 3:* a) 64, 14, 46; b) 76, 70, 80.

*Bài 4:* 50, 30, 50.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Tiết 3. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu HS dựa vào quy tắc tính phép cộng, phép trừ số có hai chữ số với (cho) số có hai chữ số, biết nhẩm kết quả ở từng hàng (đơn vị, chục), từ đó tìm được chữ số thích hợp điền vào ô trống (riêng phép trừ 85 – ? ? = 31 có thể tìm ? ? = 85 – 31 = 54, phép cộng ? ? + 24 = 76 có thể tìm ? ? = 76 – 24 = 52.

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính kết quả các phép tính ở mỗi ngôi sao, nhận xét từng kết quả phép tính rồi tìm các ngôi sao ghi phép tính có kết quả lớn hơn 26.

*Bài 3:* Củng cố bài toán có lời văn (toán thực tế liên quan đến phép trừ). Yêu cầu HS tìm ra phép tính thích hợp rồi nêu (nói) câu trả lời (GV để HS tự làm, chỉ hướng dẫn khi cần thiết).

*Bài 4:* Tương tự bài 3, yêu cầu HS tìm ra phép tính thích hợp rồi nêu (nói) câu trả lời.

**Đáp án:** *Bài 1:* 41 + 35 = 76, 52 + 24 = 76, 77 – 23 = 54, 85 – 54 = 31.

*Bài 2:* b) 47 – 7 > 26, 50 + 5 > 26, 30 + 10 > 26.

*Bài 3:* 75 – 52 = 23. Còn 23 cây hoa hồng chưa nở hoa.

*Bài 4:* 32 + 35 = 67. Cả hai lớp có 67 bạn cùng tham gia buổi cắm trại.

# Bài 40 ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (2 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

- Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
- Nhận biết được: dài hơn, ngắn hơn, đơn vị đo độ dài cm.
- Nhận biết được tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ; xác định được thứ, ngày trong tuần lễ dựa vào tờ lịch hằng ngày.
- Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ.

* ***Phát triển năng lực***

- Thực hiện được các thao tác tư duy như quan sát, nhận xét, phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, diễn dịch (ở mức độ đơn giản).
- Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm và ước lượng độ dài của các vật quen thuộc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

– Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1. Luyện tập

*Bài 1:*

– Bài này nhằm giúp HS rèn kĩ năng nhận dạng khối lập phương và khối hộp chữ nhật dựa vào biểu tượng của các hình này. Vì HS chưa được học "khái niệm" hình nên chỉ yêu cầu HS nêu đúng hình nào là khối lập phương, khối hộp chữ nhật, không yêu cầu HS giải thích vì sao.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi làm bài, GV có thể cho HS tự kiểm tra, chữa bài của nhau (theo nhóm 2 HS).

*Bài 2:*

– Bài này nhằm giúp HS rèn kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật dựa vào biểu tượng của các hình này. Vì HS chưa được học "khái niệm" hình nên chỉ yêu cầu HS nêu đúng số hình mỗi loại, không yêu cầu HS giải thích vì sao.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi làm bài, GV có thể cho HS tự kiểm tra, chữa bài của nhau.

*Bài 3:* a) GV cho HS lấy 9 que tính rồi xếp thành hình như trong SGK.

b) GV hướng dẫn HS đếm số hình tam giác theo thứ tự hợp lí, không bỏ sót, không trùng lặp. Chẳng hạn, đếm các hình tam giác nhỏ trước, rồi đếm các hình tam giác to. Kết quả là: có 4 hình tam giác nhỏ và 1 hình tam giác to (gồm cả 4 hình tam giác nhỏ), vậy có tất cả 5 hình tam giác.

c) GV có thể hướng dẫn HS thử lấy ra 1 que tính rồi đếm xem hình còn lại có mấy hình tam giác, từ đó quan sát để lấy tiếp que thứ hai sao cho hình còn lại có đúng 2 hình tam giác. Có nhiều cách lấy 2 que tính để hình còn lại có 2 hình tam giác, chẳng hạn:



*Bài 4:*

– Bài này nhằm giúp HS phát triển năng lực quan sát, nhận xét.

– GV hướng dẫn HS quan sát, nhận xét để nhận ra quy luật sắp xếp các hình đã cho, từ đó chọn được hình thích hợp đặt vào dấu "?".

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Hình A, D là khối lập phương;

b) Hình A, C là khối hộp chữ nhật.

*Bài 2:* Từ trên xuống dưới: 3, 8, 11, 3.

*Bài 4:* a) Hình D; b) Hình C.

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:*

– GV cho HS tự đọc yêu cầu của đề bài, gọi một số HS nêu yêu cầu của đề bài cho cả lớp cùng nghe.

– GV hướng dẫn HS nêu cách làm rồi tự làm bài và chữa bài.

Chẳng hạn, GV hướng dẫn để HS nhận ra cách làm là: Nêu giờ đã cho dưới mỗi bức tranh rồi tìm xem đồng hồ nào chỉ giờ đó.

Có thể cho HS tự kiểm tra, chữa bài của nhau.

*Lưu ý:* Bài này có thể tổ chức thành trò chơi theo nhóm hai HS, thi đua xem ai làm đúng và nhanh nhất.

*Bài 2:*

– GV cho HS tự đọc yêu cầu của đề bài, gọi một số HS nêu yêu cầu của đề bài cho cả lớp cùng nghe để HS nắm được.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi HS làm xong, GV có thể cho HS tự kiểm tra, chữa bài của nhau.

*Bài 3:*

– GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài và chữa bài.

– GV cần lưu ý HS cách đo trước khi làm bài.

*Bài 4:*

GV cho HS đọc yêu cầu của đề bài, nêu cách làm rồi làm bài và chữa bài.

Chẳng hạn, GV hướng dẫn để HS nhận ra cách làm bài: Xác định số đo độ dài của các băng giấy theo ô vuông, rồi so sánh các số đo đó để tìm ra băng giấy B dài nhất,

băng giấy D ngắn nhất. Cũng có thể chỉ cần xác định số đo của băng giấy A, C, D; từ đó nhận ra băng giấy D ngắn nhất, băng giấy C dài nhất trong ba băng giấy đó, nhưng băng giấy B dài hơn băng giấy C, nên băng giấy B dài nhất.

*Bài 5:*

– Bài này nhằm giúp HS rèn khả năng ước lượng độ dài dựa vào biểu tượng về đơn vị đo độ dài.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi làm bài, GV có thể cho HS tự kiểm tra, chữa bài của nhau.

**Đáp án:** *Bài 2:* a) Chọn A; b) Chọn B.

*Bài 5:* a) Chọn A; b) Chọn B; c) Chọn A.

# Bài 41 ÔN TẬP CHUNG (1 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* ***Kiến thức***

– Đọc, viết, xếp thứ tự được các số có hai chữ số.

– Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có hai chữ số trong phạm vi 100.

– Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ.

– Xác định được thứ, ngày trong tuần dựa vào tờ lịch hằng ngày.

– Nhận dạng được các hình đã học.

* ***Phát triển năng lực***

– Nhận biết và viết được phép cộng, phép trừ phù hợp với câu hỏi của bài toán thực tiễn và tính đúng kết quả.

– Thực hiện được đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm.

– Thực hiện được các thao tác tư duy như quan sát, nhận xét, khái quát hoá (ở mức độ đơn giản).

## II CHUẨN BỊ

– Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

– Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Nội dung bài này được thiết kế theo cấu trúc, mức độ nội dung của bài kiểm tra cuối năm học nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt (yêu cầu cốt lõi) của HS sau khi học xong lớp 1. Do đó, GV không cần hướng dẫn nhiều, tốt nhất là GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

– Sau khi làm bài, GV cho HS tự kiểm tra, đánh giá bài làm của nhau.

– Khi chữa bài, GV gọi một vài HS nêu cách làm từng bài để cả lớp cùng nghe.

*Lưu ý:* Khi chữa bài 6, GV hướng dẫn HS nhận ra hình đã cho gồm 4 hình vuông nhỏ như nhau và 1 hình vuông to gồm cả 4 hình vuông nhỏ ghép lại.

**Đáp án:** *Bài 1:* a) Ô tô ghi sáu mươi tư có chỗ đỗ là 64.

Ô tô ghi bảy mươi mốt có chỗ đỗ là 71.

Ô tô ghi bốn mươi tám có chỗ đỗ là 48.

b) 25; 42; 48; 74.

*Bài 2:*

| | | | |
|---|---|---|---|
| 13 | 78 | 42 | 69 |
| + 5 | – 6 | + 56 | – 63 |
| 18 | 72 | 98 | 6 |

*Bài 3:* Đồng hồ thứ nhất chỉ 2 giờ.

Đồng hồ thứ hai chỉ 5 giờ.

*Bài 4:* a) 23 + 14 = 37. Cả hai chị em hái được 37 bông hoa.

b) 25 – 10 = 15. Nam còn lại 15 viên bi.

*Bài 5:* a) Chọn B;

b) Chọn A.

*Bài 6:* Chọn C.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: VŨ MINH HẢI - LƯU THẾ SƠN
Biên tập tái bản: LÊ THỊ HỒNG VÂN
Thiết kế sách: NGUYỄN THANH THUÝ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: PHAN THỊ THANH BÌNH
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

**TOÁN 1 - SÁCH GIÁO VIÊN**
**Mã số:** .....
In ..... cuốn (QĐ ..... ), khổ 19 x 26,5cm.
In tại .....
Số ĐKXB: .....
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: .....

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH




**BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 1 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

1. Tiếng Việt 1 – SGV, tập một
2. Tiếng Việt 1 – SGV, tập hai
3. Toán 1 – SGV
4. Tự nhiên và Xã hội 1 – SGV
5. Đạo đức 1 – SGV
6. Âm nhạc 1 – SGV
7. Mĩ thuật 1 – SGV
8. Hoạt động trải nghiệm 1 – SGV
9. Giáo dục thể chất 1 – SGV
10. Tiếng Anh 1 – SGV – Global Success

**Website:** https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG